

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 06 năm 2024**



## Mục Lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>tr.3</b>
<b>Kinh tế Vĩ mô tháng 05.....</b>	<b>tr.4</b>
<b>Tổng quan TTCK tháng 05.....</b>	<b>tr.16</b>
<b>Triển vọng TTCK tháng 06.....</b>	<b>tr.33</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 06.....</b>	<b>tr.37</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....</b>	<b>tr.38</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>	<b>tr.56</b>



# TÓM TẮT

- **VN-Index phục hồi tăng 4,32% trong tháng 5 lên 1.261,72 điểm, duy trì kênh giá tăng trưởng dài hạn từ năm 2000.** Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vừa diễn biến tích cực và thu hút dòng tiền của nhà đầu tư nhiều hơn so với nhóm vốn hóa lớn. Cổ phiếu Viễn thông (32,3% MoM) tiếp tục là nhóm cổ phiếu tăng giá vượt trội so với thị trường chung, tiếp theo là Du lịch và giải trí (+23,8% MoM), Bảo hiểm (+13,5% MoM), Dầu khí (+18,5% MoM)...trong khi Ngân hàng (+0,2% MoM) và Bất động sản (+2,9% MoM) là 02 nhóm ngành có diễn biến kém tích cực.
- **Thanh khoản tăng nhẹ 2,66% trong tháng 5/2024**, giao dịch tại Upcom tăng đột biến +93,43% MoM, tại HOSE +0,48% MoM, tại HNX -4,68% MoM. Nhà đầu tư cá nhân tiếp tục mua ròng mạnh 19.926,50 tỷ đồng trong tháng 5, nâng tổng giá trị mua ròng 05 tháng đầu năm 2024 lên mức kỷ lục 40.363,39 tỷ đồng. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm +19,1% MoM, +26% YoY, lũy kế sau 5 tháng đầu năm 2024 tăng thêm 645.699 tài khoản (+141% YoY).
- **Nhà đầu tư nước ngoài có tháng bán ròng kỷ lục trong lịch sử TTCK Việt Nam.** Trong tháng 5 khối ngoại bán ròng 19.017 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong đó riêng tại sàn HOSE 15.591,41 tỷ đồng. Tính từ đầu năm 2024, giá trị bán ròng khớp lệnh là 35.883 tỷ đồng (khoảng 1,44 tỷ USD). Nếu tính từ đầu năm 2023 đến nay khối ngoại đã bán ròng với giá trị lên đến 58.700 tỷ đồng. Dòng tiền ETF tăng bán ròng tại Việt Nam lên 94 triệu USD (+34,2% MoM) trong đó đứng đầu là DCFVM VNDiamond (-52,5 triệu USD), Fubon (-32,8 triệu USD), VN30 (-22,1 triệu USD). Lũy kế từ đầu năm 2024 giá trị rút ròng tại Việt Nam tăng lên 479 triệu USD, tiêu cực nhất tại khu vực.
- **Kinh tế tiếp tục phục hồi trong tháng 5.** Lạm phát có dấu hiệu tăng chậm lại, tín dụng cải thiện, giá vàng trong nước hạ nhiệt về cuối tháng tuy nhiên áp lực tỷ giá vẫn duy trì.
- **Xu hướng VN-Index trong tháng 6 được dự báo tiếp tục xu hướng tích lũy trong vùng 1.200 điểm - 1.300** và chưa có khả năng hình thành uptrend thực sự.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị duy trì 16 mã. Cổ phiếu tích cực nhất danh mục tháng 5 là DCM (+22,3%), PVT (+21,5%), GVR (+17,2%), cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là PNJ (-1,16%), GMD (-0,48%).

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the continents of Asia and Australia. A white rectangular frame is positioned on the right side of the image. Overlaid on the globe is a network of white lines connecting various points, with some points glowing with a bright blue light. The background is a dark blue space filled with numerous small white stars.

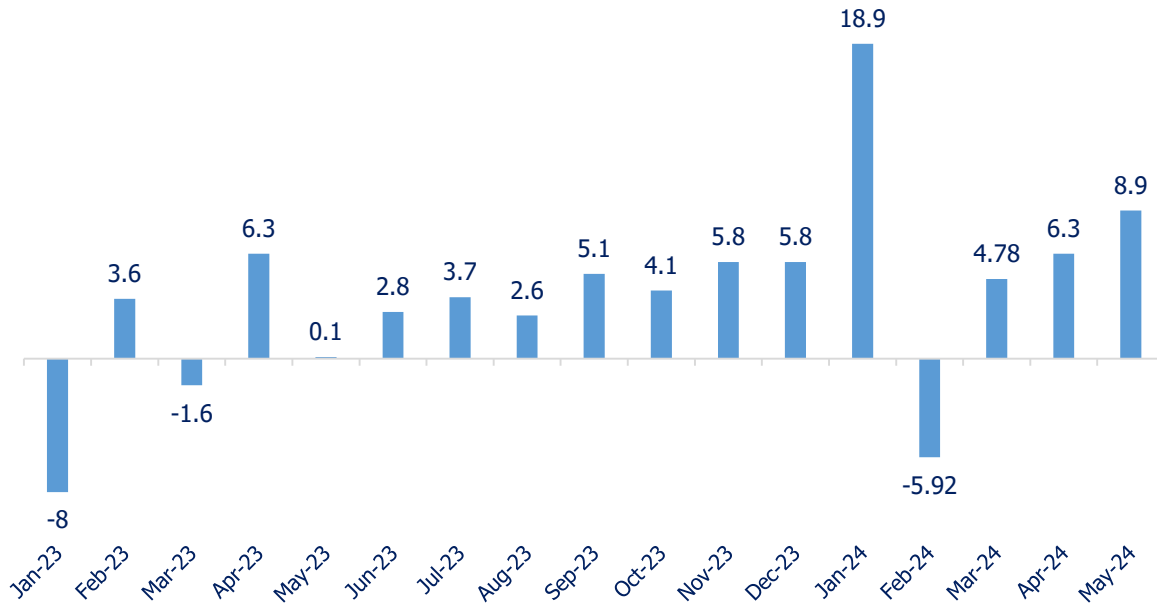
**KINH TẾ VĨ MÔ  
THÁNG 05**



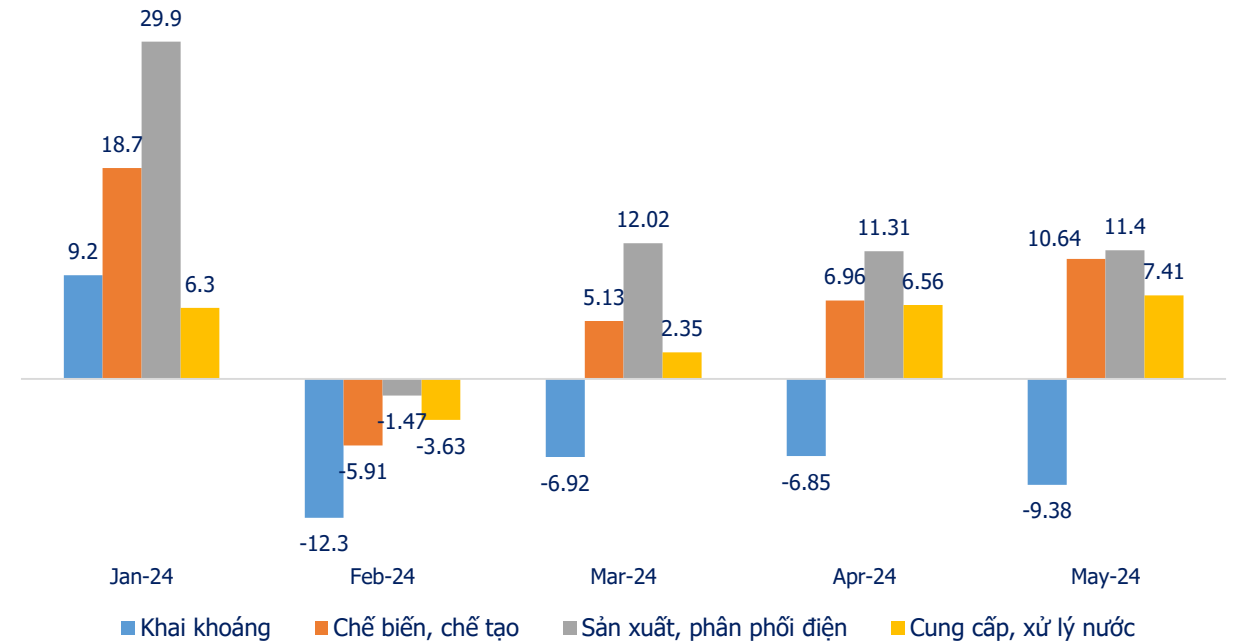
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

**Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng.** Chỉ số IIP tháng 5 tăng 3,9% MoM và 8,9% YoY, mức tăng cao hơn tháng trước nhờ công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,64% YoY trong đó lĩnh vực sản xuất điện tử máy tính chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu tăng 17,4% YoY s với mức tăng 12,1% của tháng 4, bên cạnh đó lĩnh vực sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ cũng ghi nhận sự tăng trưởng đột biến 8,6% YoY (tháng 4 giảm 27,7% YoY). Sản xuất phân phối điện, nước vẫn duy trì đà tăng. Theo EVNGENCO 1, phụ tải hệ thống điện toàn quốc tiếp tục tăng cao trong tháng 5 so với cùng kỳ năm 2023 và ngày 29/5 lần đầu tiên ghi nhận vượt 1 tỷ kWh/ngày. Trong khi đó lĩnh vực khai khoáng tiếp tục suy giảm tháng thứ 4 liên tiếp. Tính chung 5 tháng đầu năm, IIP tăng 6,8% YoY (cùng kỳ năm 2023 giảm 2%)

### Chỉ số SXCN (% YoY)



### Tăng trưởng các ngành công nghiệp (%YoY)



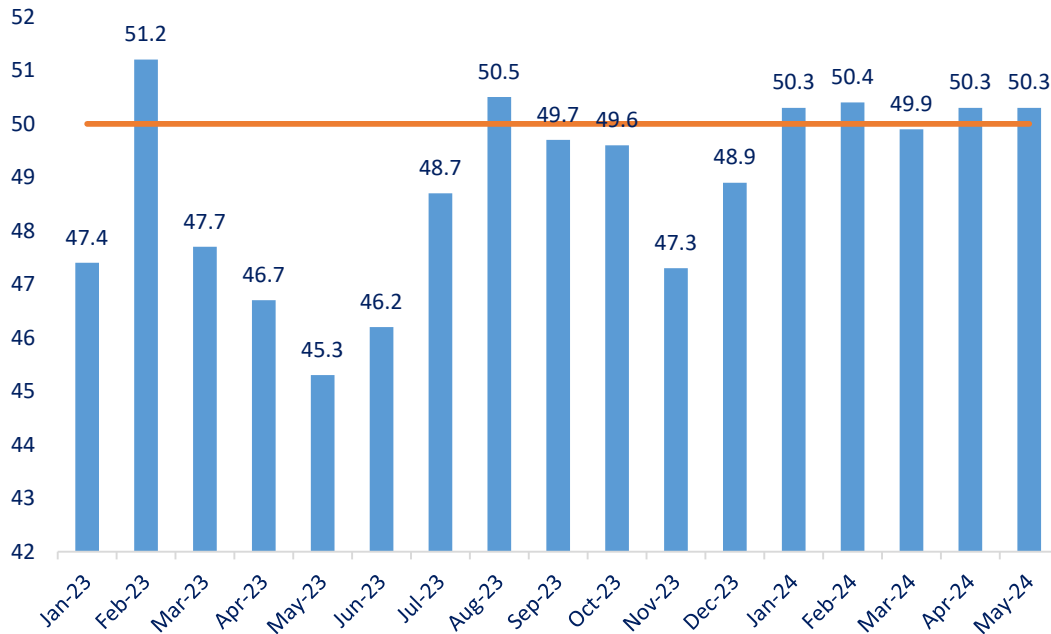
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

**PMI đi ngang.** Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global không đổi so với tháng 4 và vẫn duy trì ở 50,3 điểm.

- Tương tự như tháng 4, số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhờ nhu cầu tăng tuy nhiên số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tăng thấp hơn mức tăng tổng thể. Tuy vậy, các nhà sản xuất đã tăng giá bán lần đầu tiên kể từ tháng 2 để ứng phó với việc chi phí đầu vào tiếp tục tăng do giá nhiên liệu tăng và một phần do tình trạng đồng tiền yếu làm tăng giá nguyên liệu nhập khẩu.
- Hoạt động mua hàng tăng tháng thứ 2 liên tiếp trong tháng 5, tuy vậy tồn kho đầu vào vẫn giảm tháng thứ chín.
- Chỉ số PMI việc làm giảm tháng thứ 2 liên tiếp cho thấy tình trạng giảm việc làm thông qua cho các nhân viên tạm nghỉ tại các doanh nghiệp chưa cải thiện.

**Chỉ số PMI (điểm)**



**PMI Chỉ số việc làm**

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước



Nguồn: S&P Global PMI.



Biến cơ hội thành giá trị

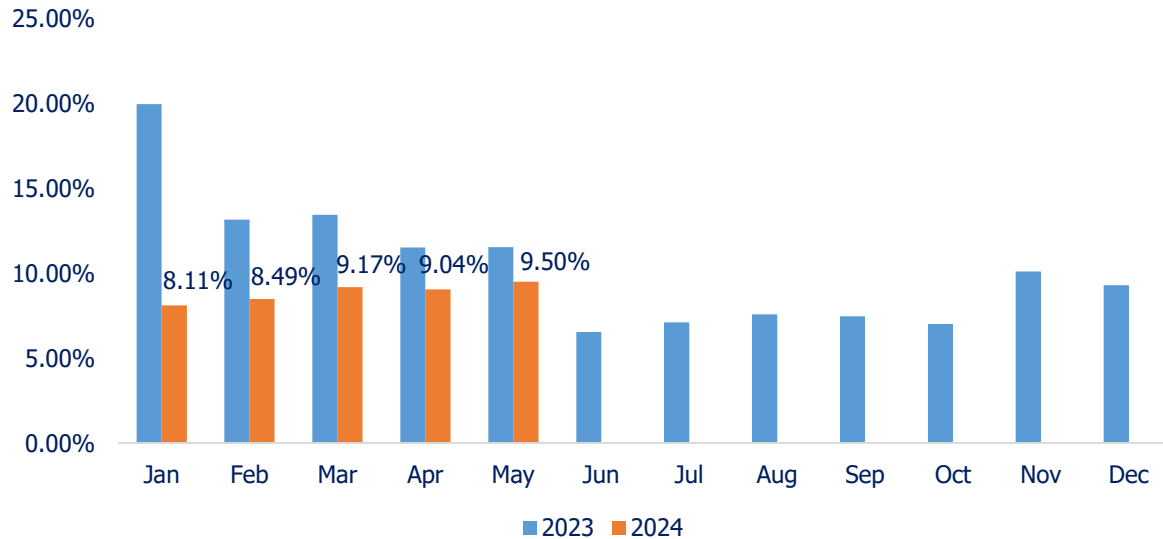
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

**Câu tiêu dùng có cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp hơn cùng kỳ.** Tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành tháng 5 tăng 9,5% YoY, cao hơn mức tăng của tháng 4 và cũng là mức tăng theo tháng cao nhất kể từ đầu năm. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành ước tăng 8,7% YoY (cùng kỳ 2023 tăng 12,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,2% (cùng kỳ 2023 tăng 9,3%).

Trong tháng 5, tổng mức BLHH tăng 8,2%, dịch vụ ăn uống lưu trú tăng 17% và du lịch lữ hành tăng trưởng khá (+34,3%).

**Tháng 5/2024 lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1,38 triệu lượt (-11,1% MoM, +51% YoY) qua đó nâng tổng lượng khách 5 tháng đầu năm lên 7,58 triệu lượt (+64,8% YoY).** Lượng khách du lịch nội địa tăng trong tháng 5 khi bước vào mùa du lịch hè với 12 triệu lượt (+14,2% MoM), 5 tháng đầu năm 2024 đạt 52,5 triệu lượt (+3,9% YoY). Về thị trường, khách Châu Á chiếm tỷ trọng 77,8% trong đó Hàn Quốc là 33% và Trung Quốc là 27%, khách Châu Âu tới Việt Nam 5 tháng đầu năm tăng mạnh 57%.

### Tổng mức bán lẻ (% YoY)



### Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

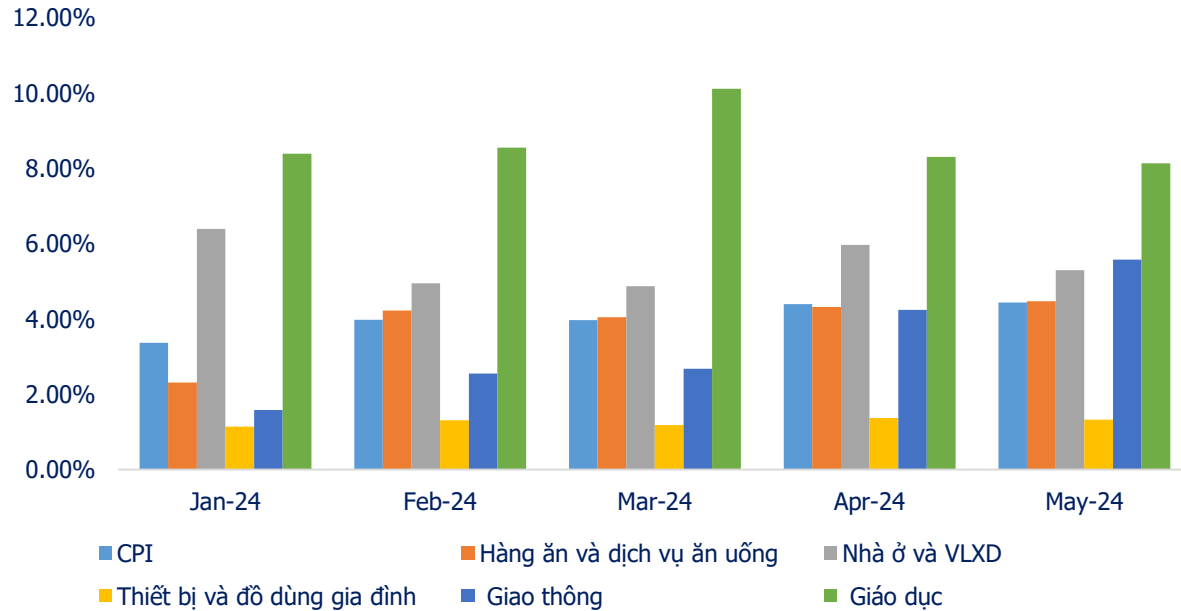


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

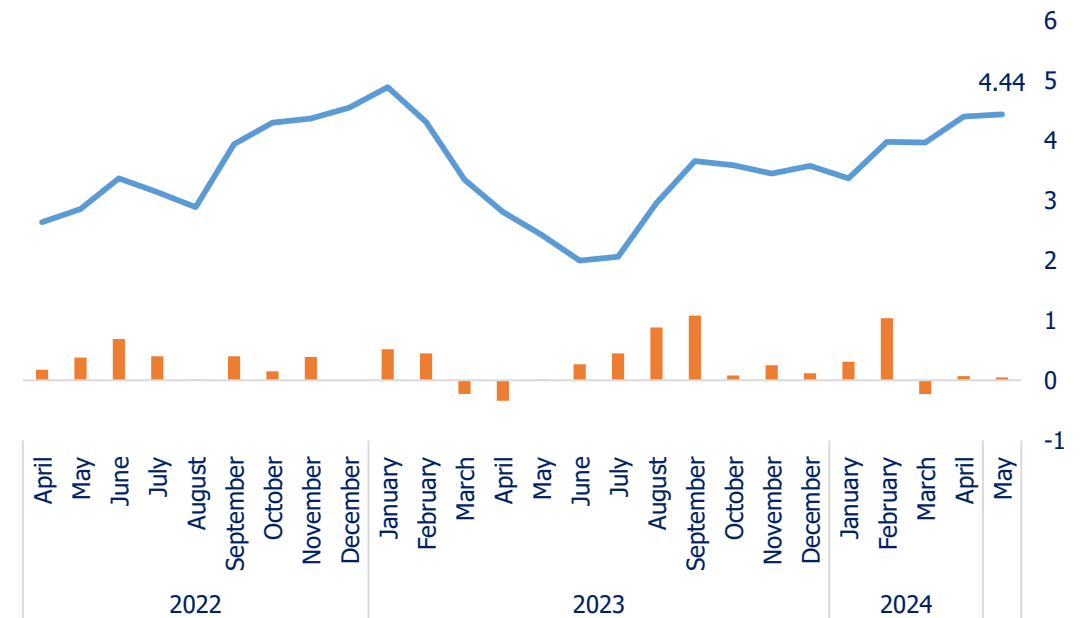
**CPI tháng 5 đi ngang khi tăng nhẹ 0.05% MoM và tăng 4,44% YoY.** Giá cả các mặt hàng chủ đạo nhìn chung đều ổn định trong tháng 5, nhóm chủ đạo là hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,38% MoM do nhóm thực phẩm tăng sau 2 tháng giảm liên tiếp trong khi giá lương thực có tháng thứ 3 giảm liên tiếp. Nhóm Giao thông và Giáo dục trong tháng 5 giảm lần lượt 1,73% và 0,25% so với tháng 4 và bình quân 5 tháng tăng 3,32% và 8,7% so với cùng kỳ năm 2023. Giá vàng trong tháng 5 tăng mạnh 32,18% YoY và chỉ có dấu hiệu hạ nhiệt vào tuần cuối tháng khi Ngân hàng nhà nước thực hiện bán vàng qua kênh 4 Ngân hàng quốc doanh.

Bình quân 5 tháng năm 2024, CPI tăng 4,03% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,78%.

### Mức tăng giá nhóm hàng hóa cơ bản (% YoY)



### CPI (MoM) — CPI (YoY)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

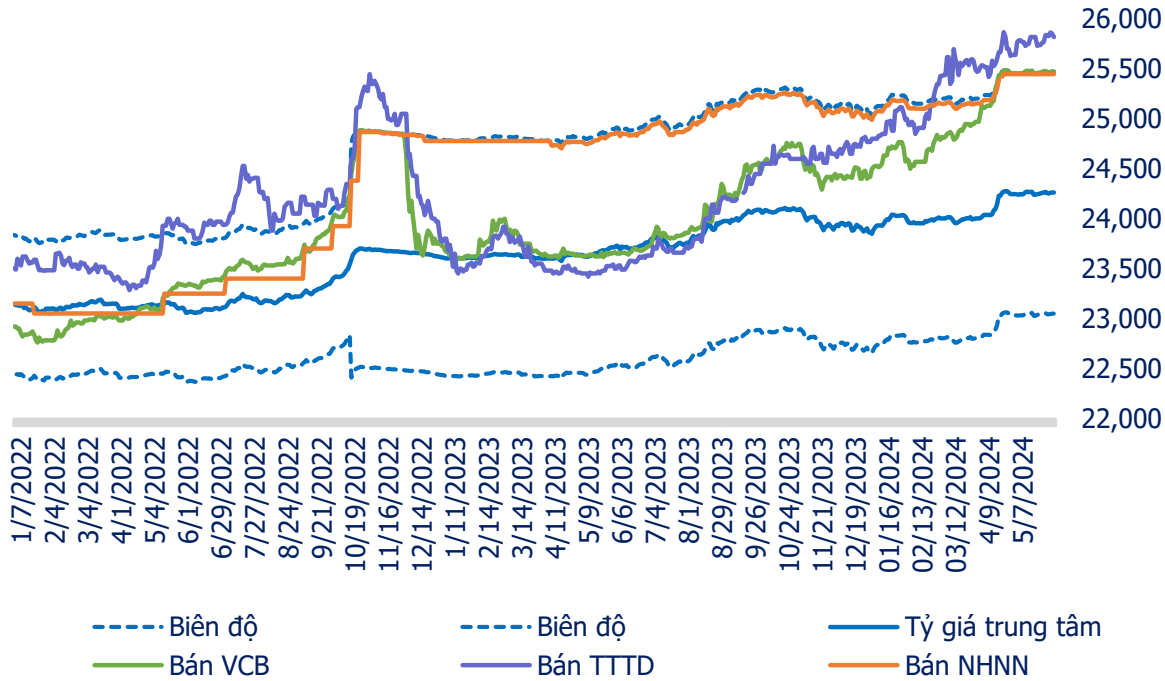




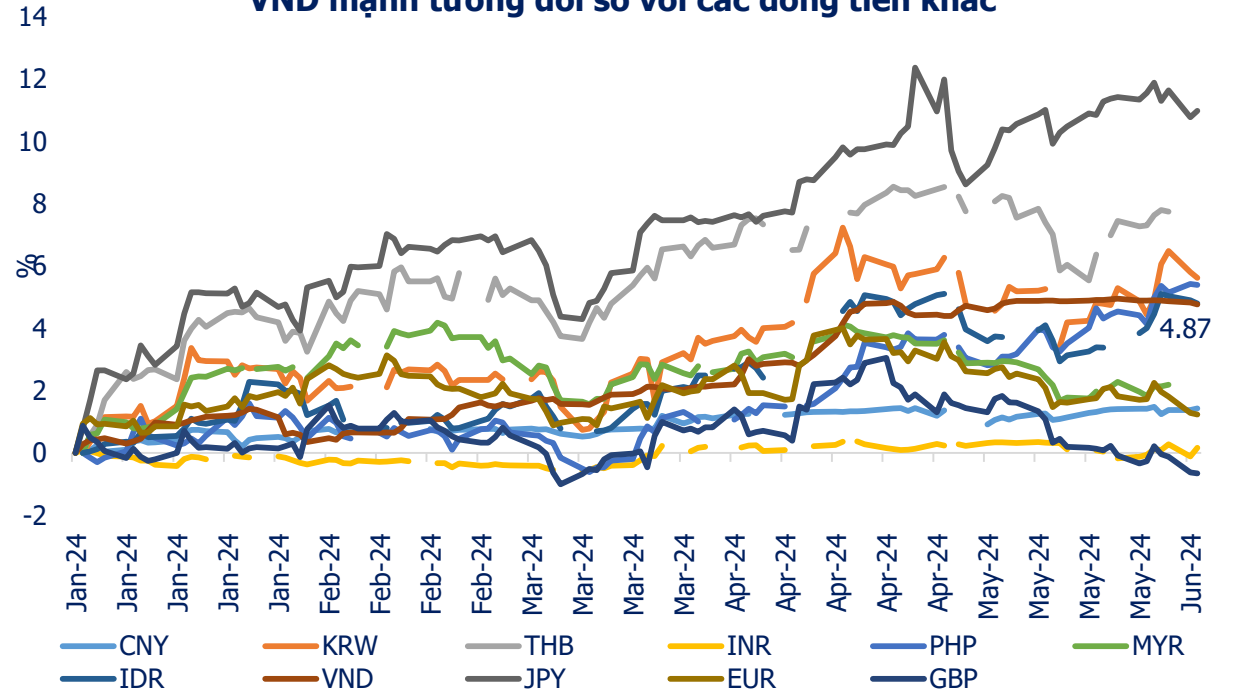
Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

### Diễn biến tỷ giá VND/USD



### VND mạnh tương đối so với các đồng tiền khác



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Đồng VND tiếp tục mất giá 0,45% trong tháng 5 trước diễn biến nhập siêu và nhu cầu chuyển lợi nhuận về nước của các doanh nghiệp FDI. Kể từ đầu năm, đồng VND đã giảm 4,87% so với đồng USD. NHNN đã đẩy mạnh bán ngoại tệ phục vụ nhu cầu thị trường, đặc biệt trong 2 tuần cuối tháng 5 khi giá bán ngoại tệ của hệ thống Ngân hàng cao hơn giá bán ra của NHNN. Tính chung trong tháng 5, NHNN đã bán ra khoảng 3,5 tỷ USD, nâng tổng lượng USD đã bán ra từ đầu năm lên 4 tỷ USD. Kết hợp với động thái bán vàng miếng, NHNN đã hút về khoảng 90.000 tỷ đồng và bơm gần 110 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO trong 2 tuần cuối tháng để cải thiện thanh khoản toàn hệ thống. Lãi suất OMO tăng lên 4,5%, giữ chênh lệch lãi suất đồng VND và USD ở mức khoảng 1%, làm giảm sức ép lên tỷ giá.

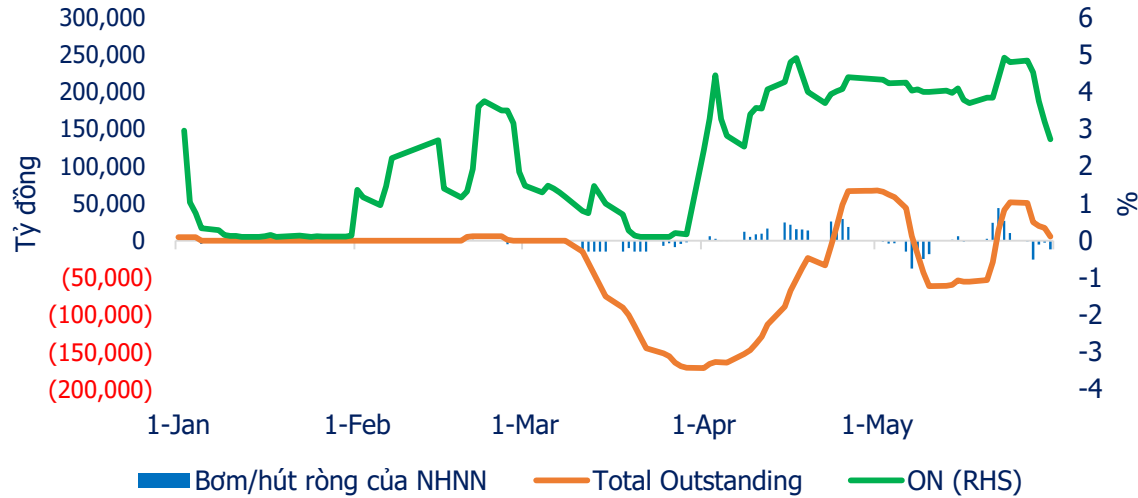
Số liệu kinh tế của Mỹ trong tháng 5 cho thấy tốc độ tăng trưởng tiêu dùng, tuyển dụng lao động đang chậm lại. Số liệu điều chỉnh GDP quý 1 của Mỹ tăng 1,3%, giảm so với mức tăng 1,6% trong lần công bố sơ bộ. Các số liệu trên củng cố kỳ vọng FED sẽ giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 9 với tối đa 2 lần hạ lãi suất trong năm 2024. Kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn mạnh tương đối ủng hộ xu hướng tăng của đồng USD so với các đồng tiền khác. Áp lực giảm giá các đồng tiền, bao gồm VND sẽ vẫn duy trì trong thời gian tới, tuy nhiên có thể kỳ vọng áp lực hạ nhiệt dần.



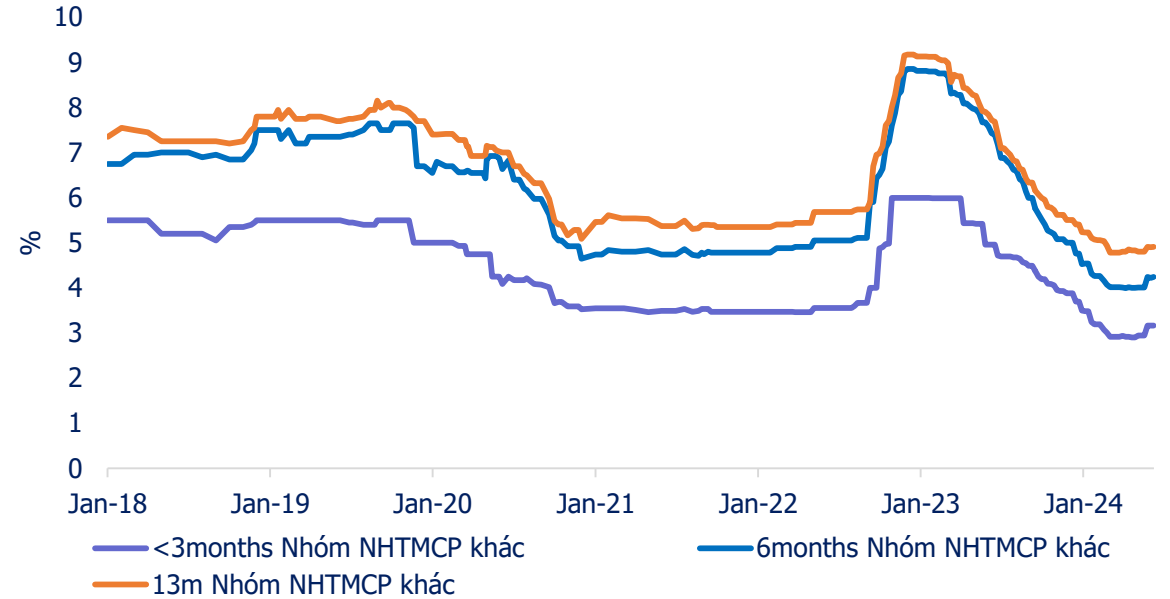
Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

### Lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm và diễn biến bơm rút ròng qua OMO của NHNN năm 2024



### Lãi suất kỳ hạn 3 - 6 - 13 tháng của khối NHTM vừa và nhỏ



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống có cải thiện dần trong tháng 5, đạt 2,41% YTD. Chính phủ đang định hướng thúc đẩy tăng trưởng tín dụng với mục tiêu tín dụng tăng khoảng 5% - 6% trong nửa đầu năm, tương đương tối thiểu 351 nghìn tỷ đồng sẽ được bơm ra nền kinh tế trong tháng 6. Lãi suất liên Ngân hàng từ mức đỉnh 4,8% hạ xuống 2,725% tại cuối tháng và hiện đang giao dịch quanh mức 4%. Nhóm NHTMCP tiếp tục tăng nhẹ lãi suất huy động trong tháng 5, tập trung vào kỳ hạn dưới 12 tháng khi tăng trưởng tín dụng có cải thiện. Hiện lãi suất huy động trung bình toàn hệ thống cho kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng là 4,13% và 4,92%, có nhích nhẹ khoảng 30 điểm phần trăm so với thời điểm tháng 3 nhưng vẫn duy trì ở mức thấp. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước thời điểm cuối tháng 4 đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 7,3% - 9,5%/năm, giảm nhẹ 0,2% so với thời điểm cuối tháng 3.

Áp lực tỷ giá duy trì khiến nhà đầu tư quan ngại NHNN sẽ có thể tăng lãi suất điều hành nhằm giảm sức ép lên tỷ giá tuy nhiên chúng tôi đánh giá việc điều chỉnh lãi suất là động thái cuối cùng được thực hiện. NHNN sẽ ưu tiên cân đối thanh khoản hệ thống và thiên về kiểm soát qua lãi suất OMO nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Cuối tháng 5.2024, NHNN đã yêu cầu các ngân hàng ổn định lãi suất huy động, tiết giảm chi phí, phấn đấu giảm 1%-2% lãi suất cho vay, nhất là các động lực tăng trưởng.

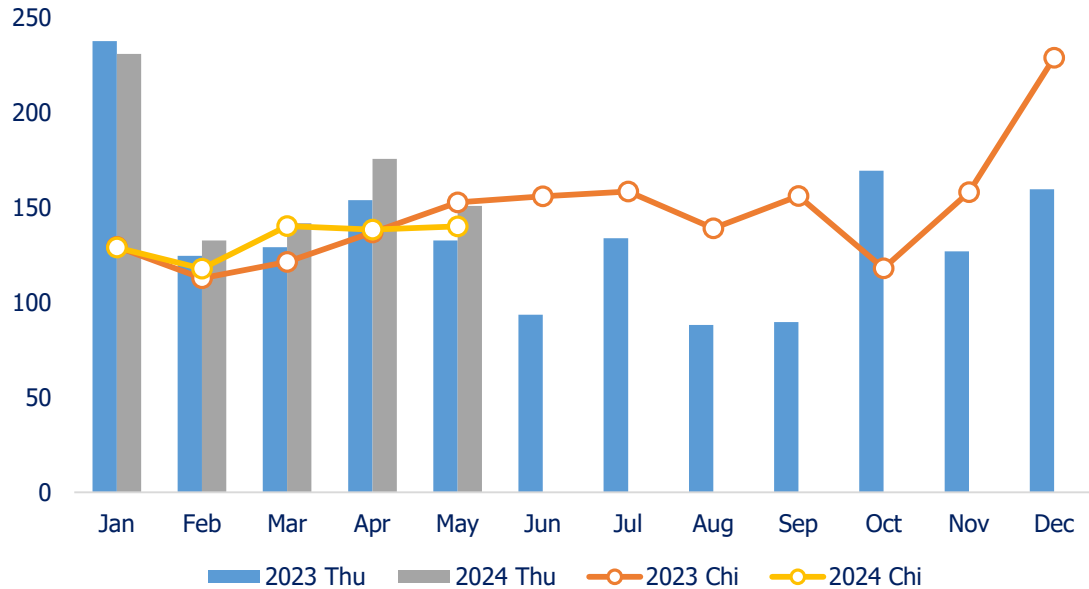


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

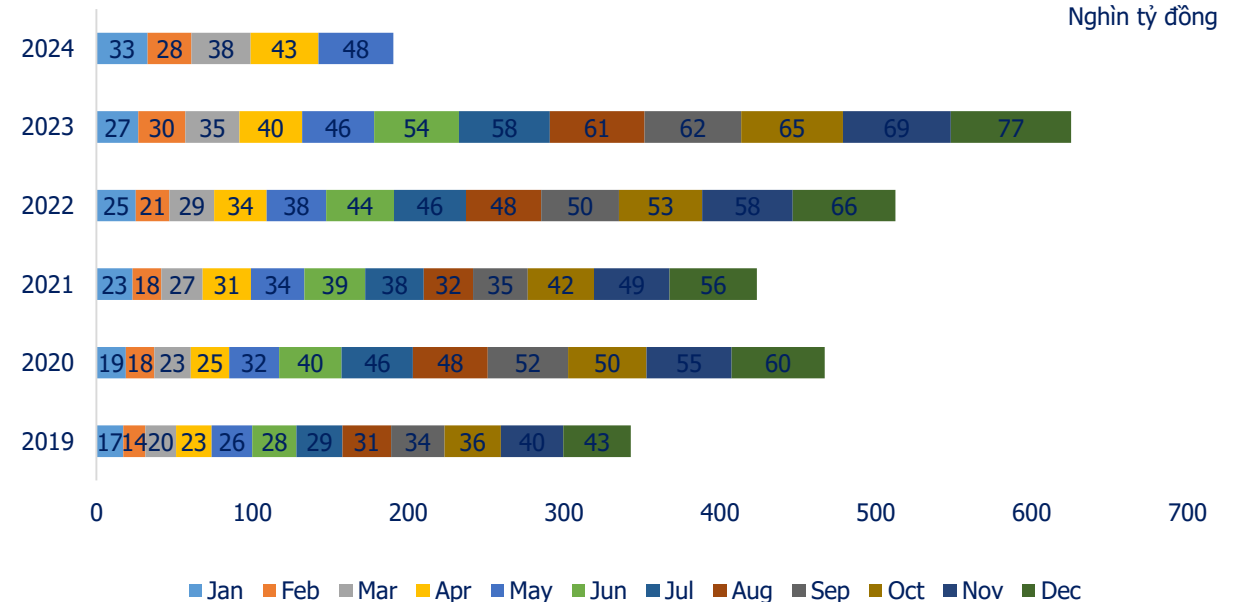
Tổng thu NSNN tháng 5/2024 ước đạt 150,9 nghìn tỷ đồng, 5 tháng đầu năm ước đạt 898,4 nghìn tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán năm và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Chi NSNN tháng 5/2024 ước đạt 140,1 nghìn tỷ đồng, lũy kế năm tháng đầu năm 2024 ước đạt 656,7 nghìn tỷ đồng, bằng 31% dự toán năm. Trong cơ cấu nguồn thu NSNN lũy kế 5 tháng năm 2024, thu nội địa và thu cân đối ngân sách từ XNK tăng lần lượt 16.8% và 7.8% so với cùng kỳ, thu từ đầu thô giảm 5.5% so với cùng kỳ năm trước. Chi trả nợ lãi 5 tháng đầu năm ước đạt 47.5 nghìn tỷ đồng, tăng 10.1% so với cùng kỳ năm trước.

Sau 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 190.600 tỷ đồng (+5% YoY), tương ứng 26% kế hoạch cả năm và 28,7% kế hoạch của thủ tướng giao. Bên cạnh một số tỉnh, thành phố đã tích cực cải thiện đáng kể tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách trung ương thì vẫn còn 10 tỉnh lũy kế giải ngân đến hết tháng 4/2024 đạt tỷ lệ giải ngân rất thấp (dưới 10%).

### Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2023-2024



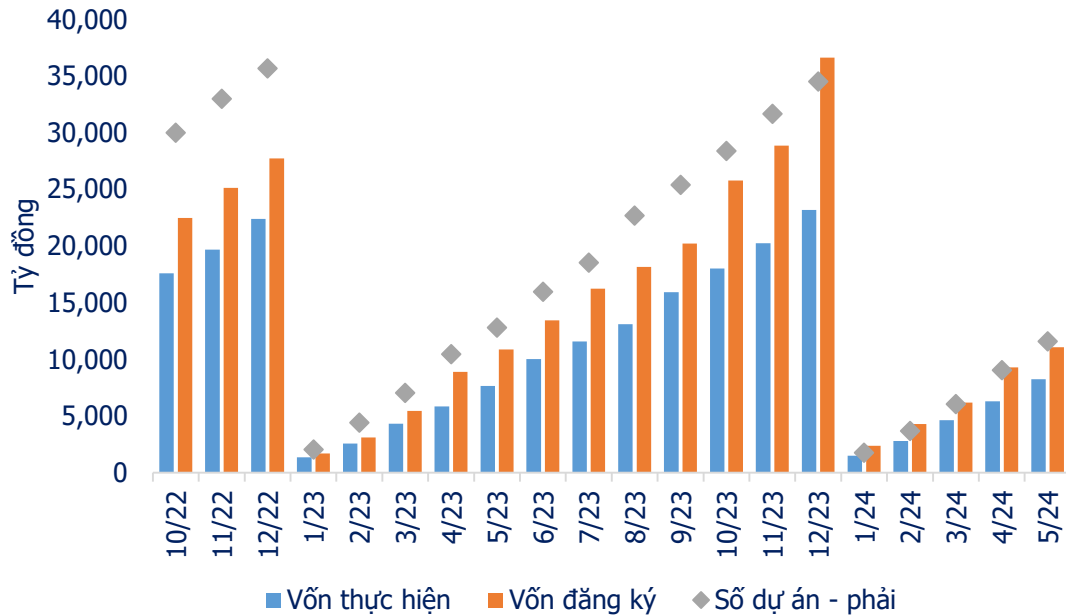
### Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



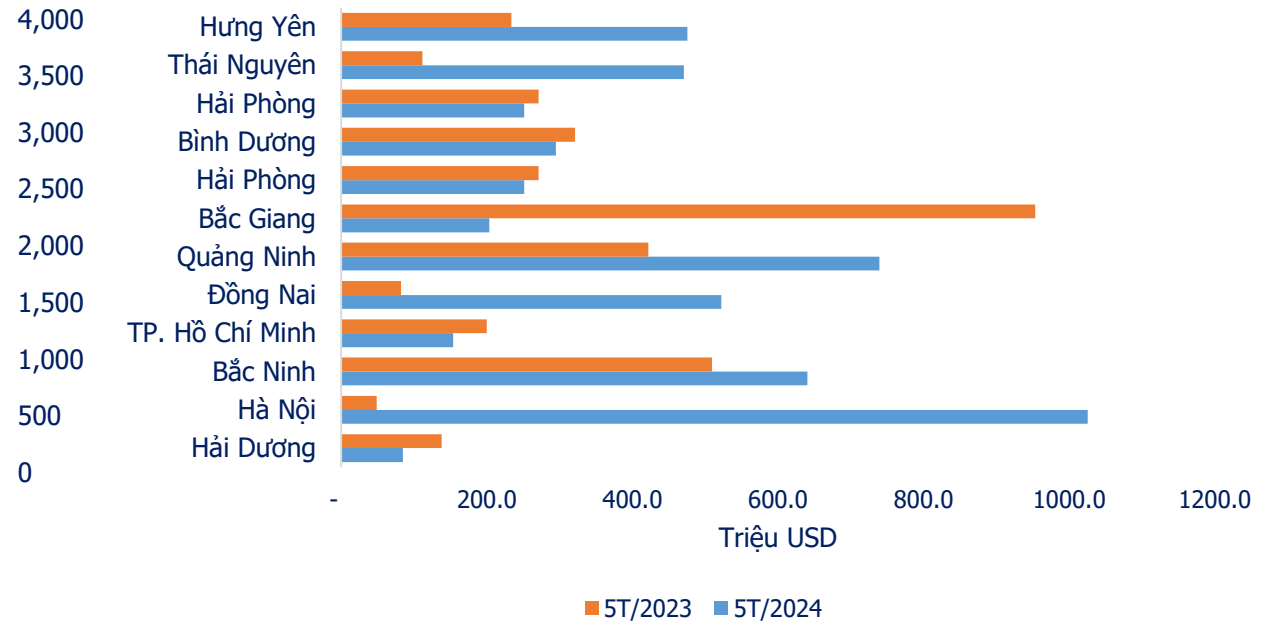
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

### Tình hình vốn đầu tư FDI vào Việt Nam



### Top 10 tỉnh thành thu hút vốn FDI



Nguồn: FinProX, SHS tổng hợp

Tính đến ngày 20/05, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam gần 11,07 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 10.227 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 7,94 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 50,8% về số vốn đăng ký. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 tỷ USD, chiếm 78,9% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện, hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 781,0 triệu USD; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 336,2 triệu USD. Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nội và Bắc Ninh là 3 tỉnh thành thu hút vốn đầu tư nhiều nhất tính từ đầu năm với lợi thế là nền tảng hạ tầng và môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp FDI. Nổi trội là dự án sản xuất sợi sinh học BDO từ đường thô với tổng vốn đầu tư 730 triệu USD đến từ Tập đoàn đa ngành Hyosung (Hàn Quốc) đặt tại Bà Rịa – Vũng Tàu.

FDI thực hiện 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt 8,25 tỷ USD, tăng 7,8% YoY và cũng là số vốn thực hiện cao nhất của 5 tháng đầu năm trong 5 năm qua.



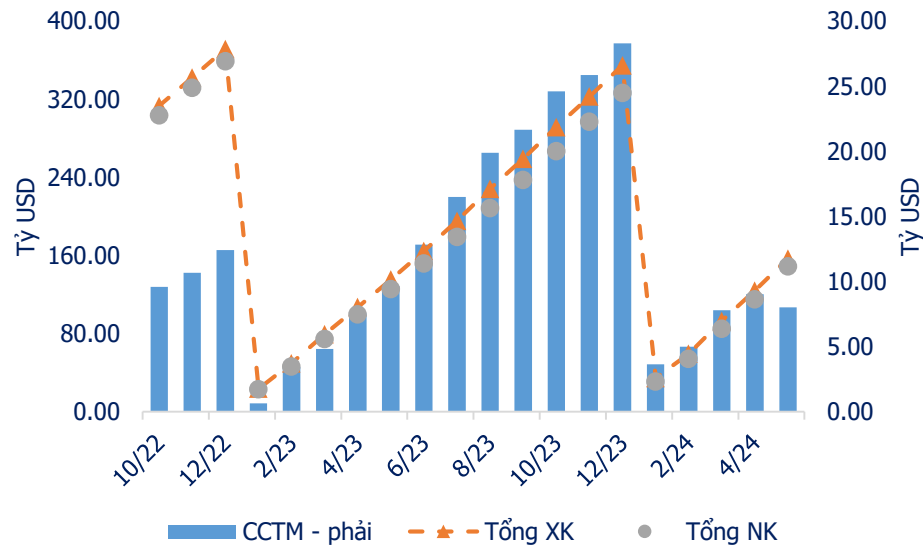
Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

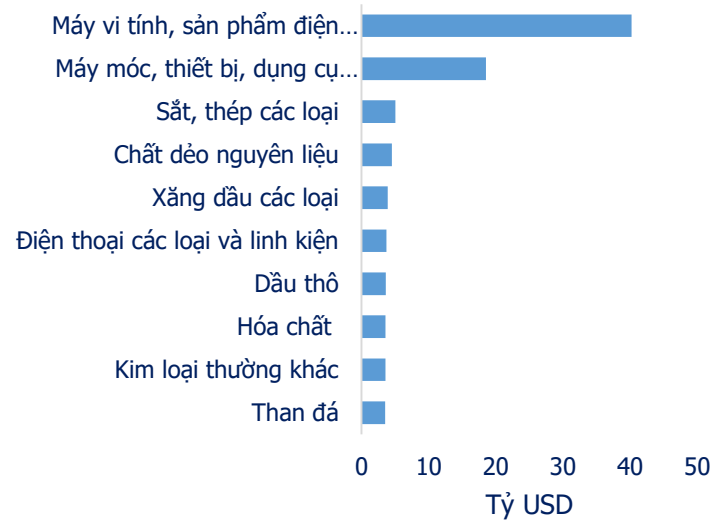
Kim ngạch XK tháng 5 tăng 6,1% MoM và 15,8% YoY trong đó một số mặt hàng ghi nhận đà tăng tiếp tục duy trì như Sợi, sợi dệt (+14,6% YoY), Gỗ và sản phẩm gỗ (+21,9% YoY), các mặt hàng giảm khá mạnh so với cùng kỳ gồm Cao su (-16,5% YoY), Sắt thép (-18% YoY). Kim ngạch NK tăng mạnh hơn (+11,7%) trong bối cảnh sản xuất và tiêu thụ trong nước tăng cao cho thấy dấu hiệu tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế trong nước. Một số mặt hàng nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất đạt giá trị tăng cao: Điện thoại và linh kiện tăng 55,1%; sắt thép tăng 50,1%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 39,3%; xăng dầu tăng 34,6%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày, dép tăng 33,7%; chất dẻo tăng 31,4%.

Mặc dù nhập siêu 1 tỷ USD trong tháng 5/2024, tuy nhiên tính chung năm tháng đầu năm 2024 thì cán cân thương mại hàng hóa vẫn giữ xu hướng xuất siêu với 8,01 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 156,77 tỷ USD (tăng 15,9%), nhập khẩu đạt 148,76 tỷ đồng (tăng 18,5%), tiếp tục là động lực chung cho tăng trưởng.

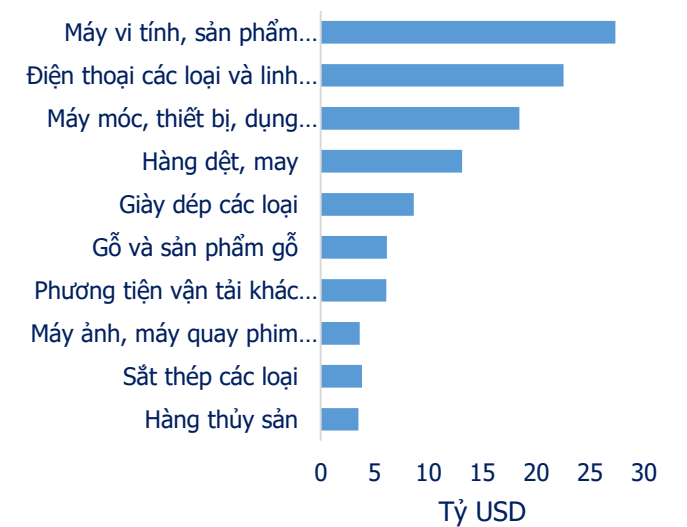
### Tổng xuất – nhập khẩu và cán cân thương mại



### Top 10 mặt hàng Xuất khẩu của Việt Nam 5 tháng 2024



### Top 10 mặt hàng Nhập khẩu của Việt Nam 5 tháng 2024



Nguồn: GSO, FiinProX, SHS tổng hợp



# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 05

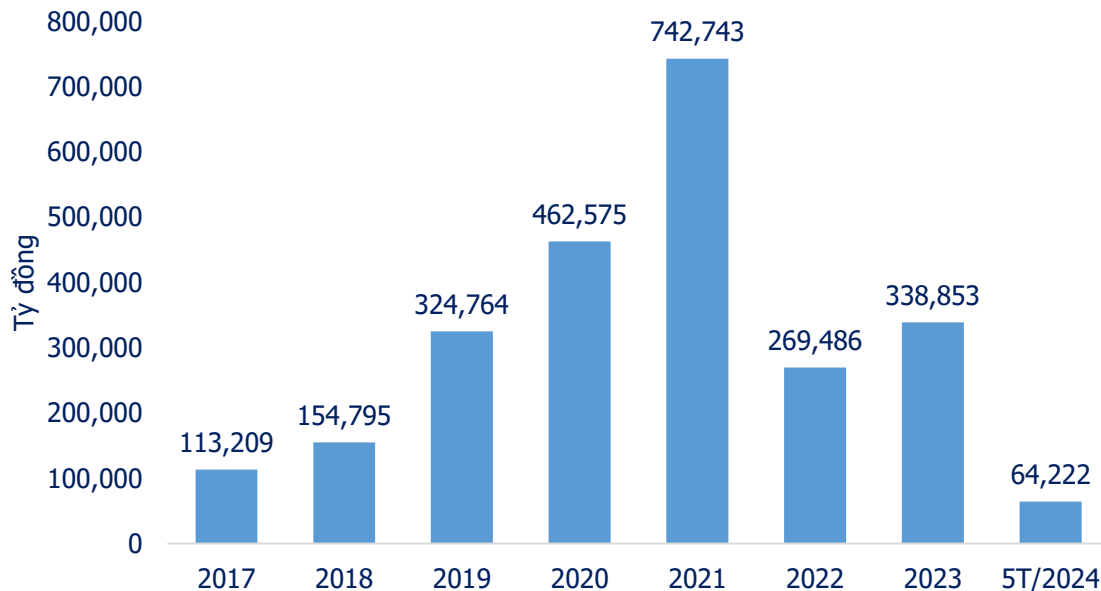
Biến cơ hội thành giá trị

Theo Fiingroup, trong tháng 5/2024 có 17.695 tỷ đồng TPDN được phát hành, nâng tổng giá trị phát hành TPDN từ đầu năm là 64.222 tỷ đồng trong đó phát hành ra công chúng là 13.191 tỷ đồng (chiếm 20,5%) và phát hành riêng lẻ là 51.032 tỷ đồng (chiếm 79,5%).

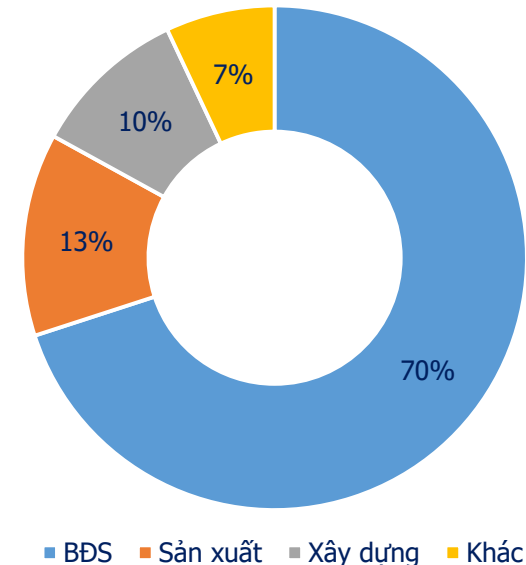
Trong tháng 5, giá trị trái phiếu mua lại trước hạn ước tính khoảng hơn 4,2 nghìn tỷ đồng, giảm 67% so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm đến nay, khoảng hơn 38,4 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn, giảm 64% so với cùng kỳ. Giá trị mua lại TPDN sụt giảm đáng kể với nhóm ngành ngân hàng chiếm 87% tỷ trọng mua lại.

Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 196,8 nghìn tỷ đồng chiếm hơn 19% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm ngành bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 70% giá trị chậm trả do doanh nghiệp không trả được lãi và gốc khi lượng lớn giá trị trái phiếu đáo hạn tập trung trong quý (ước tính khoảng 72 nghìn tỷ đồng TPDN dự kiến đáo hạn).

### Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp



### Cơ cấu trái phiếu doanh nghiệp chậm thanh toán theo ngành




Nguồn: FiinProX, VBMA



Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 05

Chỉ tiêu	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24	Apr-24	May-24
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	2.80%	3.70%	2.60%	5.10%	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%	6.30%	8.90%
PMI (điểm)	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	10.90%	10.40%	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%	8.50%	8.70%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	0.50%	0.80%	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%	7.40%	7.80%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-4.30%	4.50%	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%	4.50%	2%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-12.10%	-10.60%	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%	17%	15%	15.20%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-18.20%	-17.10%	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%	13.90%	15.40%	18.20%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	2.59	2.15	3.82	2.29	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10	2.93	0.68	-1.00
<b>Ổn định vĩ mô</b>												
Lạm phát (% YoY)	2%	2.06%	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.74%	4.65%	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%	2.81%	2.78%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	4.73%	4.28%	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%	13.70%	-0.68%	-0.75%	1.34%	1.60%	2.41%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	3.71%	2.91%	4.04%	5.62%	5.96%	7.92%	10.03%	0%				
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	0.33%	0.08%	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%	4.40%	2.55%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.70%	2.65%	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%	2.93%	2.97%
CDS 5 năm	120.18	110.34	128.00	145.49	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18	126.99	122.63	117.87
USD/VND (% MoM)	0.36%	0.45%	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%	2.19%	0.47%



**TỔNG QUAN  
TTCK  
THÁNG 05**

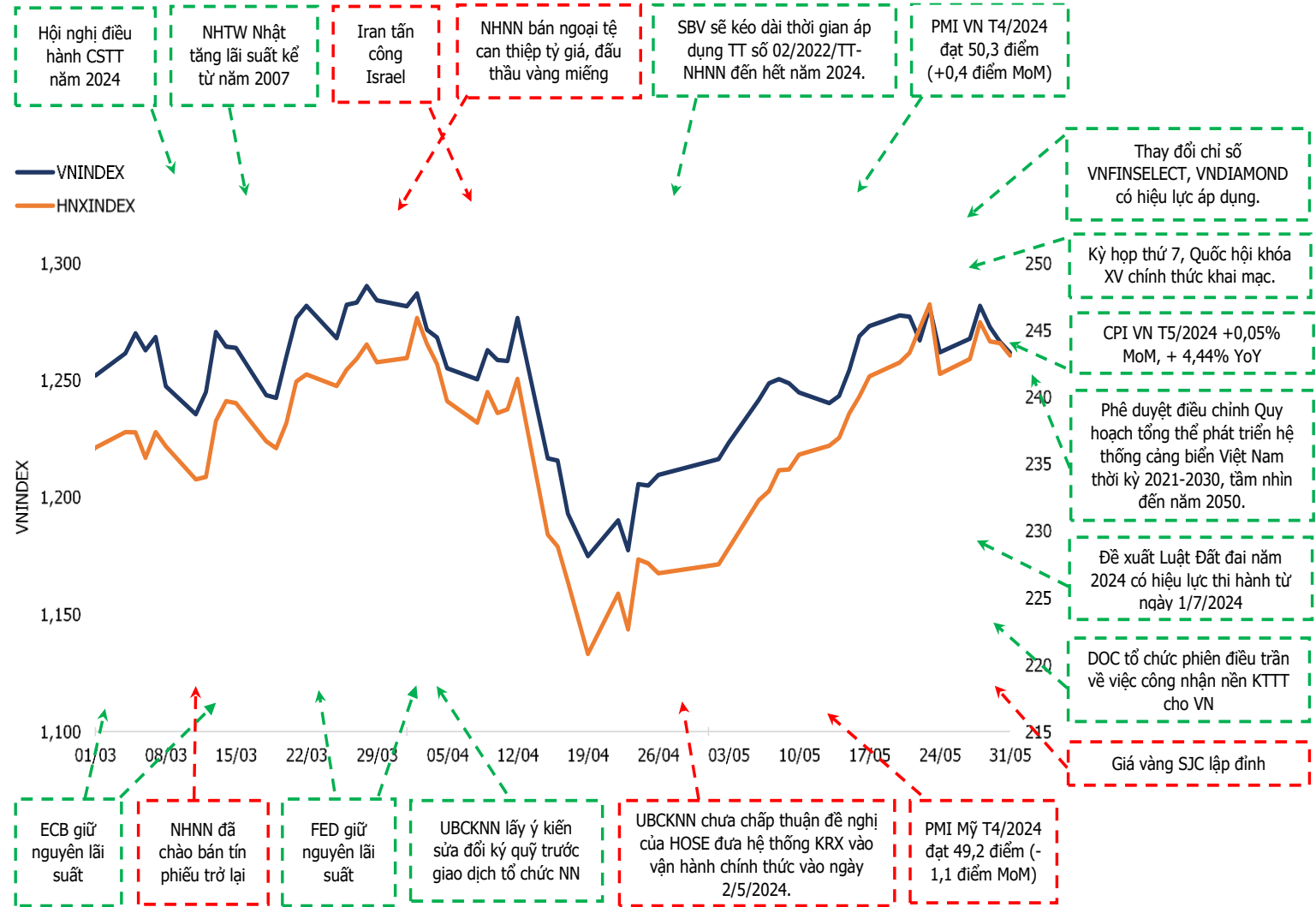


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

## VN-INDEX tăng 4,32% tháng 05, vượt lên vùng đỉnh giá cao nhất năm 2023, 1245 điểm - 1.255 điểm.

Sau khi giảm mạnh trong tháng 04 từ vùng giá 1.285 điểm về quanh 1.170 điểm và phục hồi lên trên vùng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm. VN-INDEX trong tháng 05/2024 tiếp tục tăng điểm tốt lên lại vùng kháng cự 1.285 điểm với thanh khoản cải thiện. VN-INDEX kết thúc tháng 05/2024 ở mức 1.261,72 điểm, tăng 4,32% so với tháng 04, duy trì kênh giá tăng trưởng dài hạn từ năm 2000 và tăng rất tốt 11,66% so với cuối năm 2023

Thị trường phục hồi khá tốt trong tháng 05/2024 đến từ một số yếu tố (1) Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2024 tiếp xu hướng tích cực, sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; sản xuất công nghiệp phục hồi tốt, khu vực dịch vụ tiếp tục tăng mạnh. (2). Lãi suất có xu hướng ổn định trên nền thấp. (3) Tổng vốn hóa toàn thị trường ở thời điểm VN-INDEX 1.200 điểm tương ứng khoảng 62% GDP năm 2023 được xem là hấp dẫn cho các vị thế đầu tư. Bên cạnh các yếu tố bất định, kém tích cực như (1) Áp lực bán ròng kéo dài, gia tăng của khối ngoại. (2) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới leo thang mở rộng. (3) Áp lực tỉ giá, chênh lệch lãi suất.



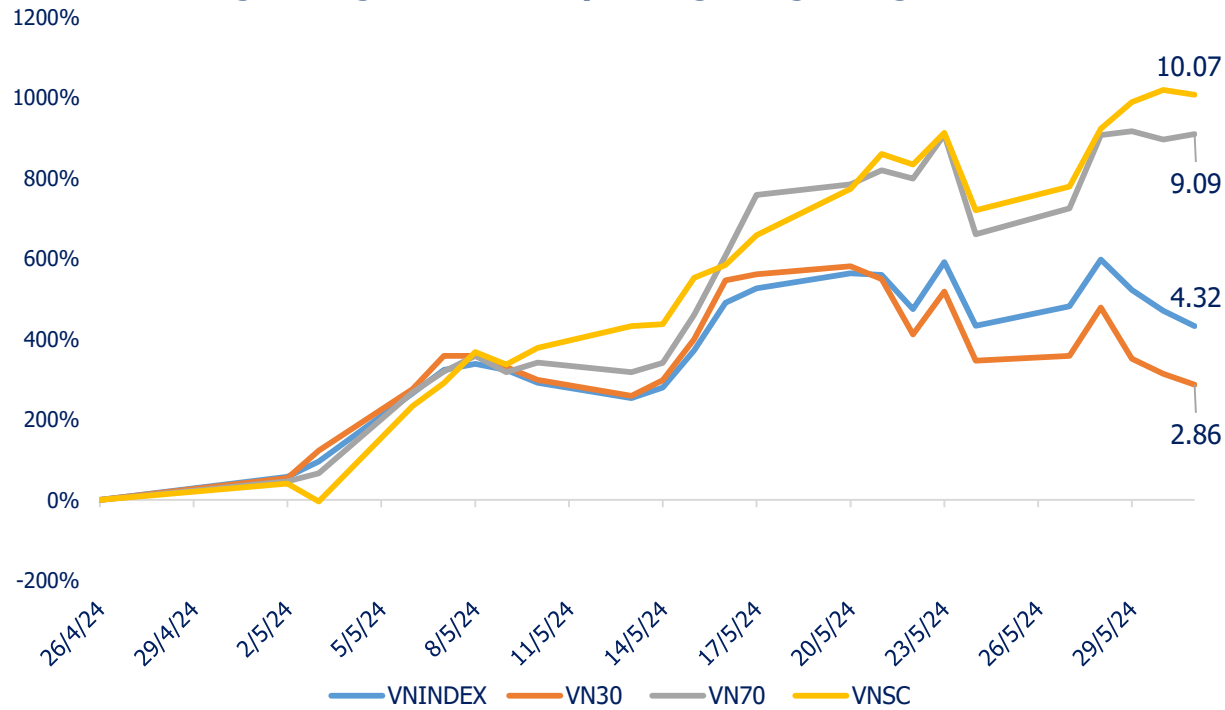


Biến cơ hội thành giá trị

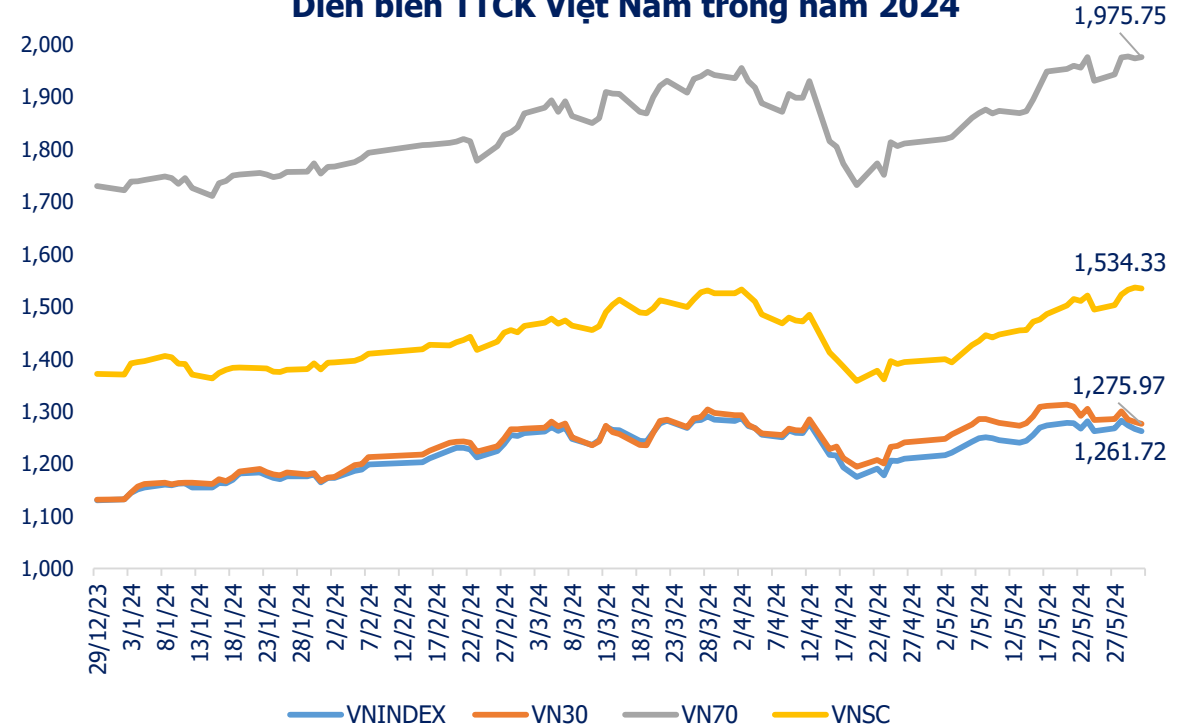
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

Với diễn biến phục hồi tăng điểm tốt trong tháng 05/2024 khi VN-INDEX có thời điểm lên lại vùng giá trước khi giảm mạnh trong tháng 04, hầu hết các nhóm mã đều phục hồi hình chữ V. Điển hình là nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML tăng mạnh 10,07% MoM sau khi có thời điểm giảm 10,97% trong tháng 04 và nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID (+9,09% MoM) khi đã vượt lên vùng giá đỉnh cũ của năm 2024. Trong khi đó VN-INDEX do chịu tác động bởi nhóm vốn hóa lớn đại diện là VN30 (+2,86% MoM) nên kết thúc tháng 5/2024 chưa lên lại vùng giá trước giảm mạnh.

### Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 05/2024



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

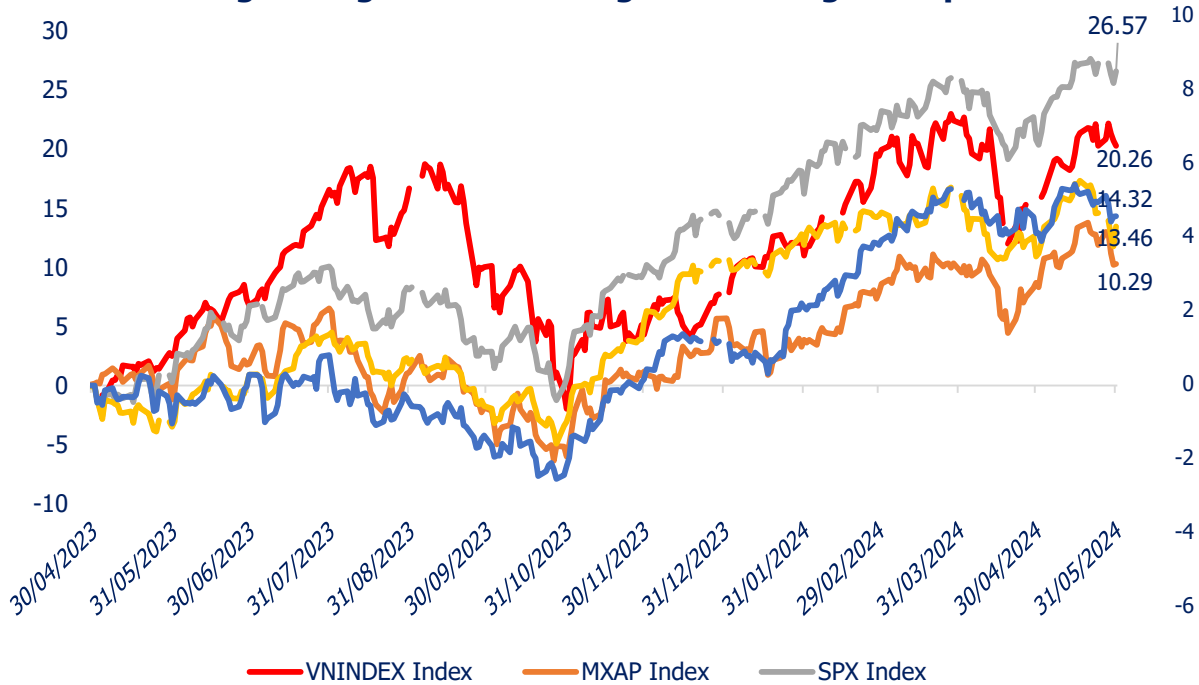


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

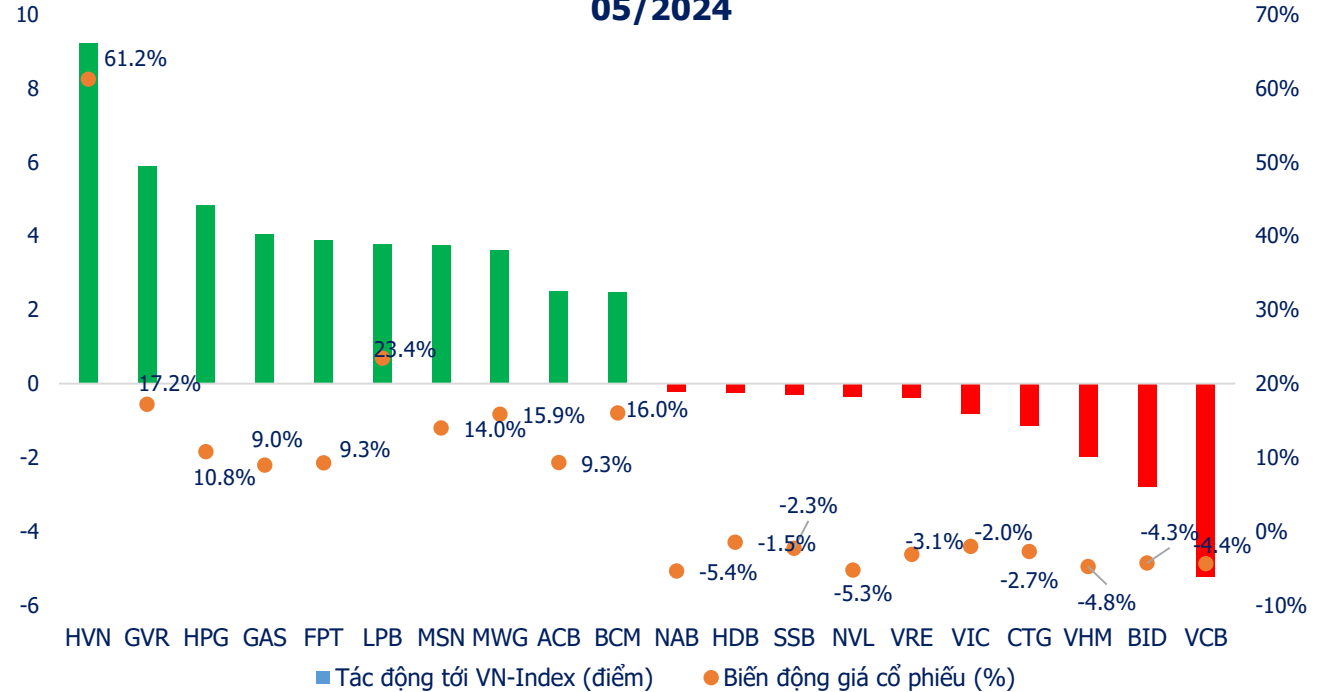
Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 5/2024, nổi bật và có ảnh hưởng tích cực nhất đến VN-INDEX là cổ phiếu HVN (+61,2% MoM) sau khi kết quả kinh doanh phục hồi tốt nhờ lĩnh vực du lịch tăng trưởng. Một số cổ phiếu đại diện cho ngành tiêu dùng, bán lẻ cũng tăng giá tốt như MSN (+14,0% MoM), MWG (+15,9% MoM) bên cạnh GVR (+17,2% MoM), HPG (+17,2% MoM)... là các cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực lên VN-INDEX. Trong khi các mã có ảnh hưởng tiêu cực đến VN-INDEX tiếp tục là nhóm ngân hàng như VCB (-4,4% MoM), BID (-4,3% MoM), CTG (-2,7% MoM) và các mã VHM (-4,8% MoM), VIC (-2,0% MoM), VRE (-3,1% MoM)...

### Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



### Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 05/2024



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

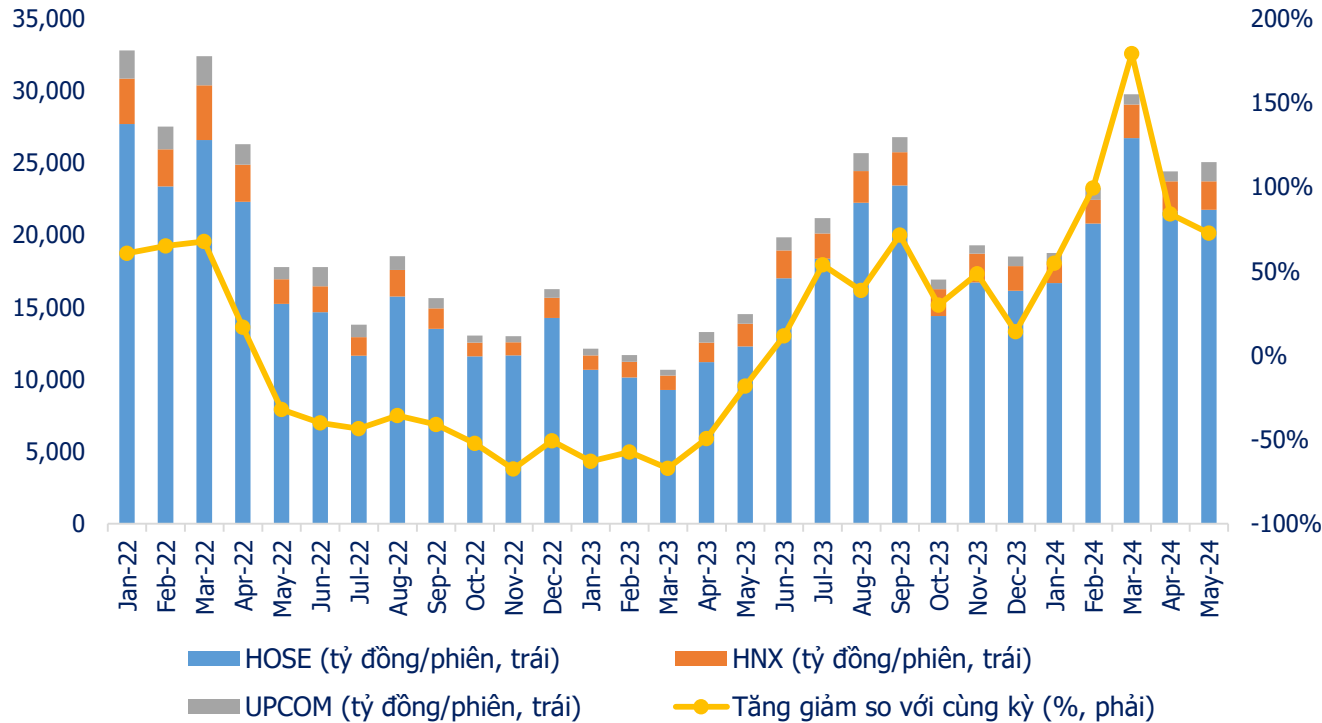


Biến cơ hội thành giá trị

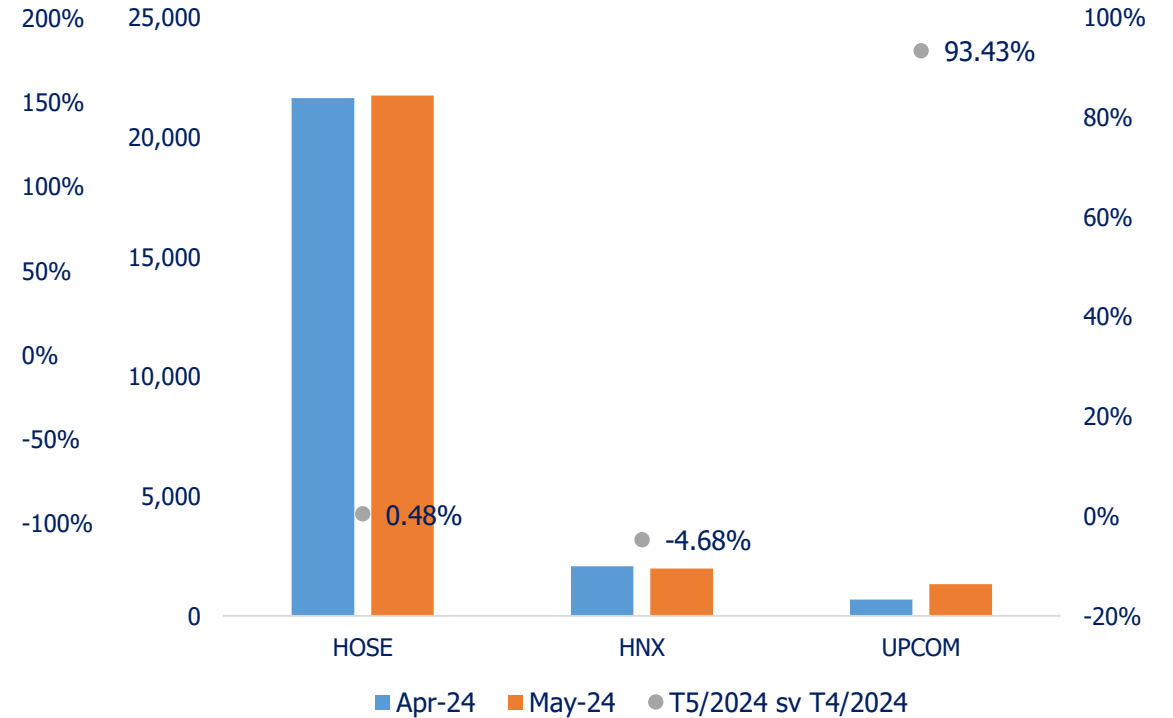
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

**Thanh khoản tăng trên mức trung bình trong tháng 5/2024.** Giá trị giao dịch trung bình phiên tháng 5 đạt 25.054,58 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,66% so với tháng 4. Dòng tiền giao dịch tại Upcom tăng đột biến +93,43% MoM, đạt trung bình 1.327,07 tỷ đồng/phiên với rất nhiều mã tăng giá mạnh kèm theo thanh khoản đột biến. Trong khi đó thanh khoản tại HOSE đạt 21.750,85 tỷ đồng/phiên (+0,48% MoM) duy trì trên mức trung bình hơn 03 năm trở lại đây, tại HNX là 1.976,66 tỷ đồng/phiên (-4,68% MoM).

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

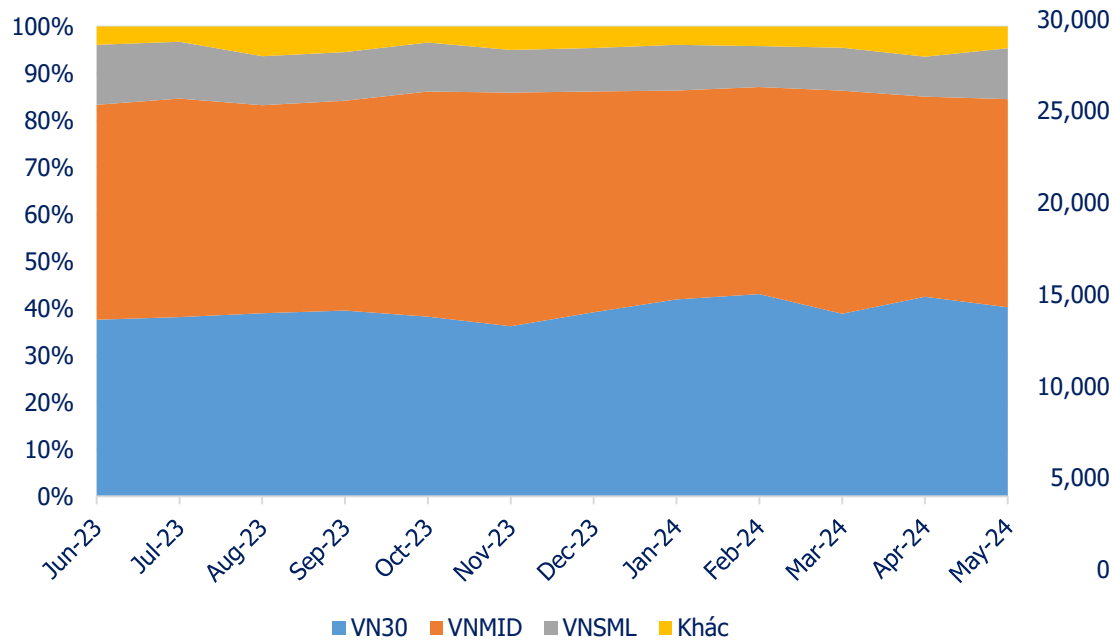


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

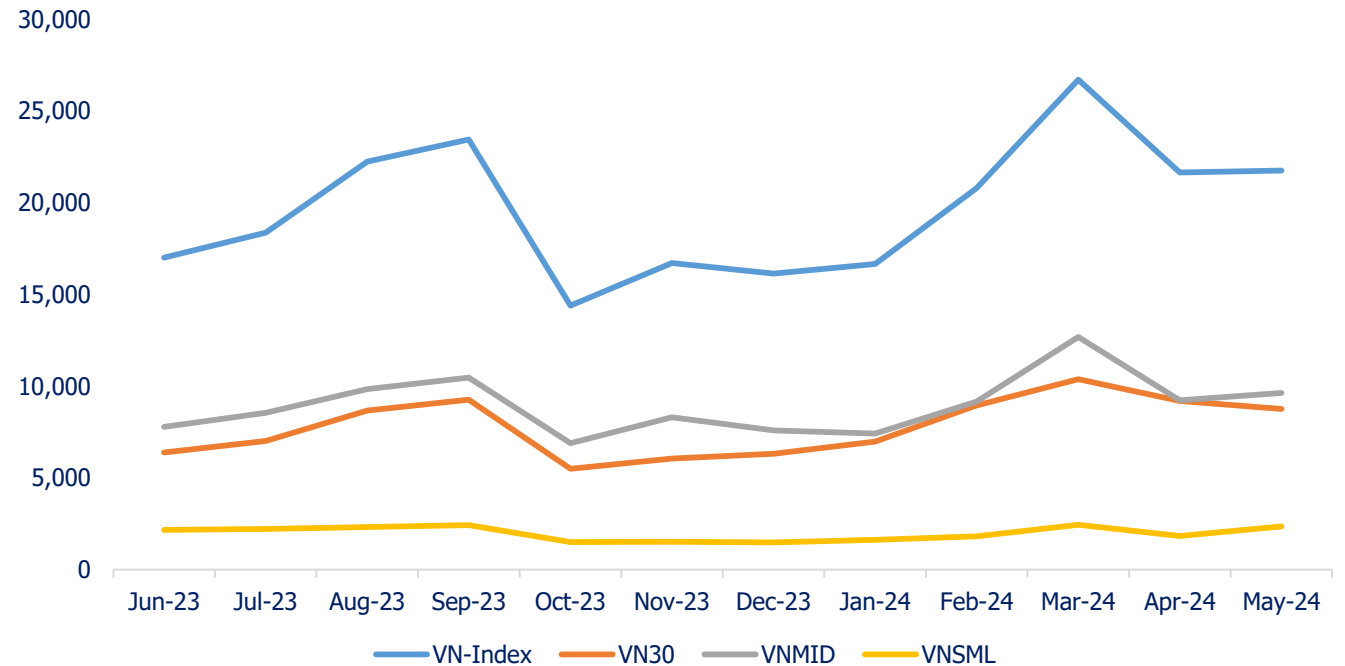
Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 05, dòng tiền tập trung giao dịch nhiều tại nhóm vốn hóa nhỏ VNMSL (+21,88%) và VNMID (+4,31%) trong khi giảm tại nhóm vốn hóa lớn VN30 (-5,04% MoM) do VN30 đã phục hồi tốt trong tháng 04 và mức tăng giá kém hơn trong tháng 05. Tỷ trọng giao dịch của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 qua đó giảm xuống còn 40,25%, trong khi đó của VNMSL tăng lên 10,84% so với 8,51% trong tháng 4, trên mức trung bình. VNMID tỷ trọng giao dịch cũng tăng từ mức 42,60% trong tháng 04 lên 44,31% trong tháng 5, dưới mức trung bình 46% trong 01 năm.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)

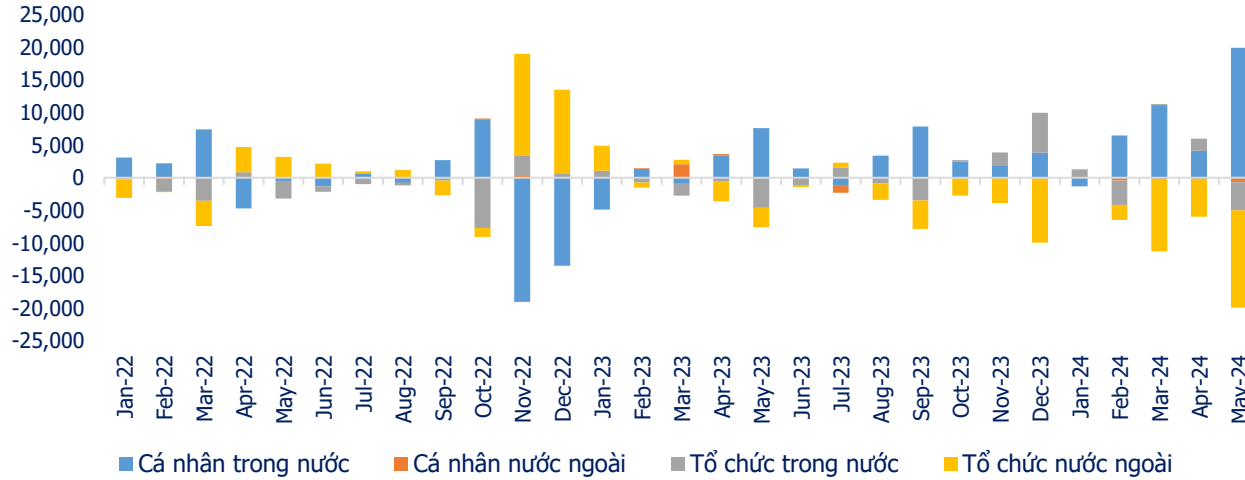


Nguồn: Bloomberg, Fiigroup, SHS Research

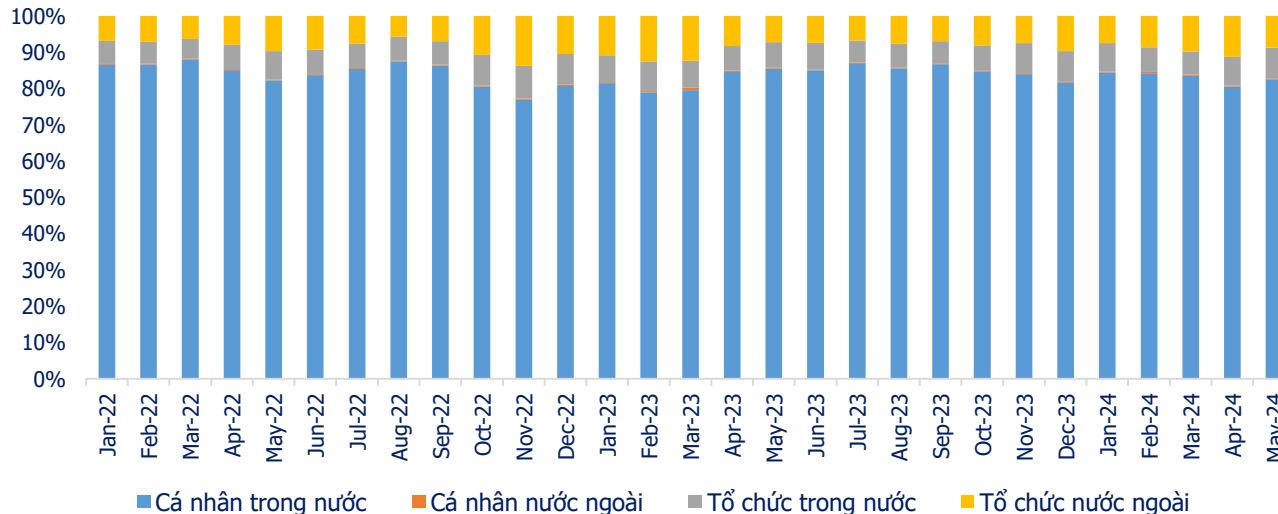


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

### Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



### Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Trong tháng 05/2024, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tiếp tục chuỗi bán ròng với giá trị đột biến trong lịch sử lên tới 14.932,25 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2024, nhóm này bán ròng 33.972,95 tỷ đồng. Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài cũng bán ròng mạnh với lũy kế 05 tháng lên đến 1.472 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của tổ chức nước ngoài tháng 05 giảm xuống còn 8,74% từ mức 11,26% của tháng 4, trên mức trung bình 03 năm, do nhóm này chủ yếu giao dịch tại các mã cổ phiếu vốn hóa lớn trong khi giao dịch tại nhóm vốn hóa nhỏ và vừa sôi động hơn trong tháng 5.

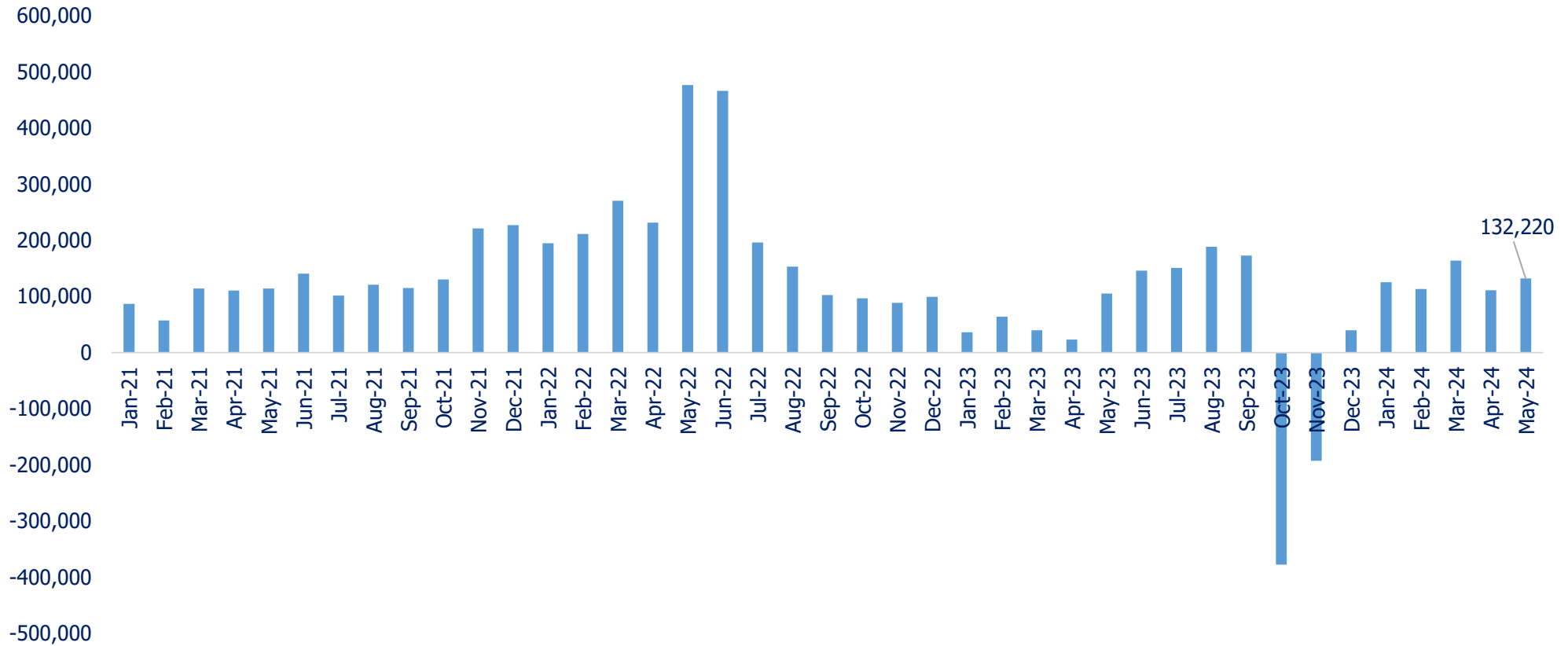
Tổ chức trong nước sau khi mua ròng trong hai tháng 03 và 04 cũng gia tăng bán ròng mạnh với giá trị 4.335,09 tỷ đồng trong tháng năm, với tỷ trọng giao dịch chiếm 8,41%, vượt mức trung bình. Lũy kế 05 tháng, nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn bán ròng mạnh với giá trị 6.071,60 tỷ đồng. Đối ứng với áp lực cung của khối ngoại và tổ chức trong nước là lực cầu đến từ nhà đầu tư cá nhân trong nước khi khối này tiếp tục mua ròng mạnh với giá trị 19.926,50 tỷ đồng trong tháng 5, qua đó nâng tổng giá trị mua ròng 05 tháng đầu năm 2024 lên mức kỷ lục 40.363,39 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân tăng trở lại trong tháng 05 lên mức 82,56%, dưới mức trung bình 03 năm 84%.



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

Trong tháng 5, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm đạt 132.220 tài khoản (+19,1% MoM, +26% YoY). Lũy kế sau 5 tháng đầu năm 2024, số lượng tài khoản tăng thêm đạt 645.699 tài khoản (+141% YoY), đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên gần 7,94 triệu tài khoản cho thấy chứng khoán vẫn đang là kênh đầu tư đáng quan tâm.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

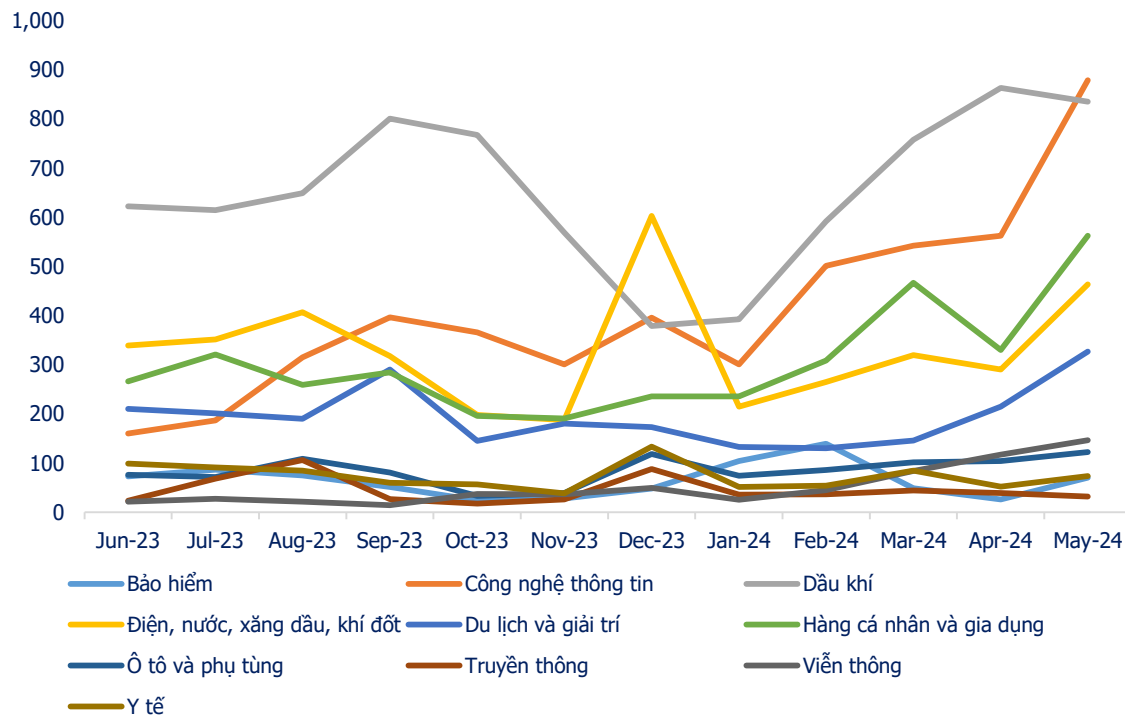


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

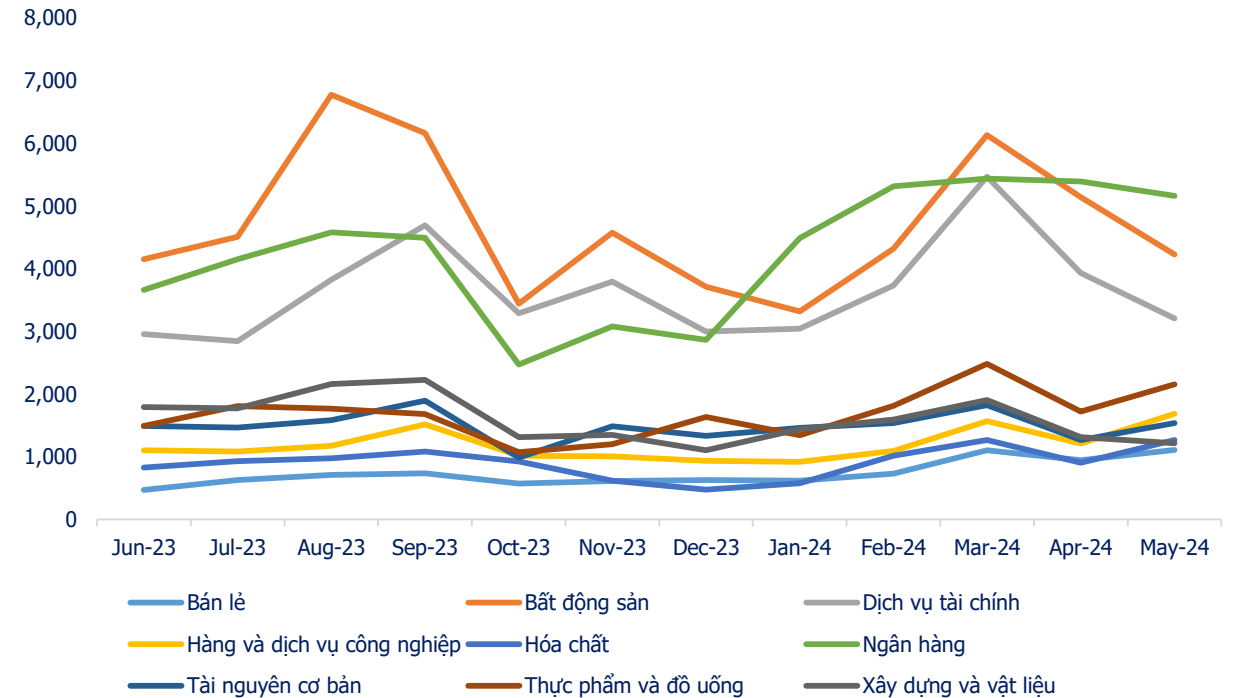
Biến cơ hội thành giá trị

Trong bối cảnh thanh khoản thị trường phục hồi, nhiều mã/nhóm mã vượt đỉnh và giao dịch rất tích cực với thanh khoản tăng mạnh so với tháng 4. Nổi bật nhất là Bảo hiểm (+171,9% MoM), Hàng cá nhân và gia dụng (+70,4% MoM), Điện, nước, xăng dầu, khí đốt (+59,8% MoM), Công nghệ thông tin (+56,3% MoM), Du lịch và giải trí (+52,2% MoM)... Trong khi đó giá trị giao dịch tại 03 nhóm ngành có tỷ trọng giao dịch lớn nhất thị trường lại suy giảm trong tháng 05 là Dịch vụ tài chính (-18,5% MoM), Bất động sản (-17,8% MoM), Ngân hàng (-4,3% MoM). Điều này cũng mang lại kỳ vọng thanh khoản của nhóm này khả năng sẽ cải thiện trong tháng 6/2024.

### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

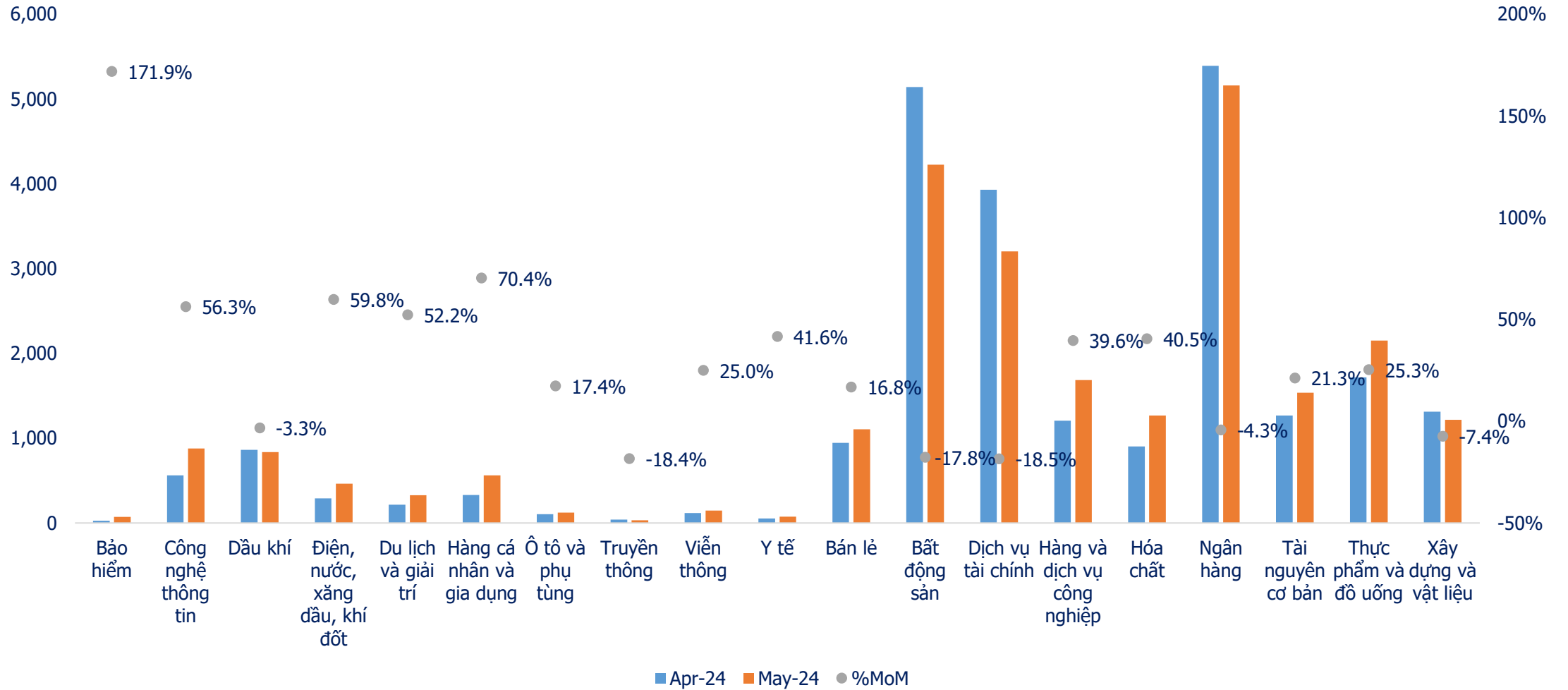




Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

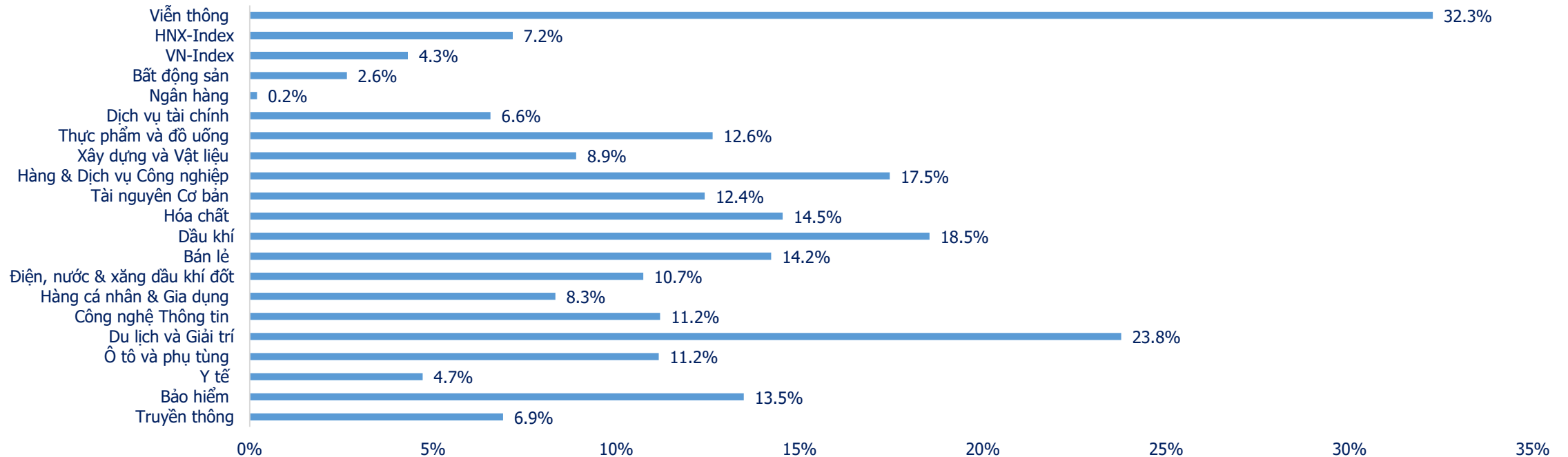


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

Trong tháng 05/2024, nhóm cổ phiếu Viễn thông (32,3% MoM) tiếp tục là nhóm cổ phiếu tăng giá vượt trội so với thị trường chung sau khi tăng mạnh trong tháng 04. Tiếp theo là Du lịch và giải trí (+23,8% MoM) phần lớn đến từ ảnh hưởng tăng giá mạnh của HVN (+61,2% MoM). Bảo hiểm (+13,5% MoM) cũng là nhóm có phiếu có diễn biến nổi bật với thanh khoản tăng mạnh nhất trong tháng 5. Bên cạnh đó rất nhiều nhóm mã có mức phục hồi tăng giá trên 10% như Dầu khí (+18,5% MoM), Hàng và dịch vụ công nghiệp (+17,5% MoM), Hóa chất (+14,5% MoM), Bán lẻ (+14,2%) MoM)...

Trong khi đó Ngân hàng (+0,2% MoM) và Bất động sản (+2,9% MoM) là 02 nhóm ngành có diễn biến kém tích cực so với chỉ số VN-INDEX (+4,3% MoM), cũng là 02 nhóm ngành có thanh khoản suy giảm, chưa thu hút dòng tiền trong tháng 5.

### Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 5/2024



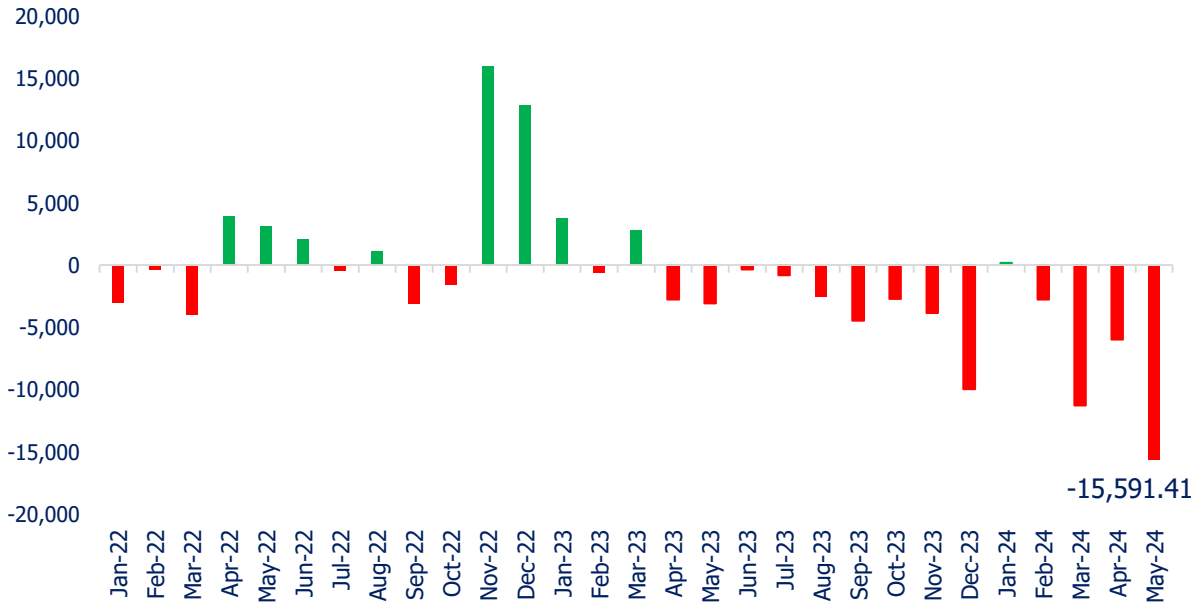


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

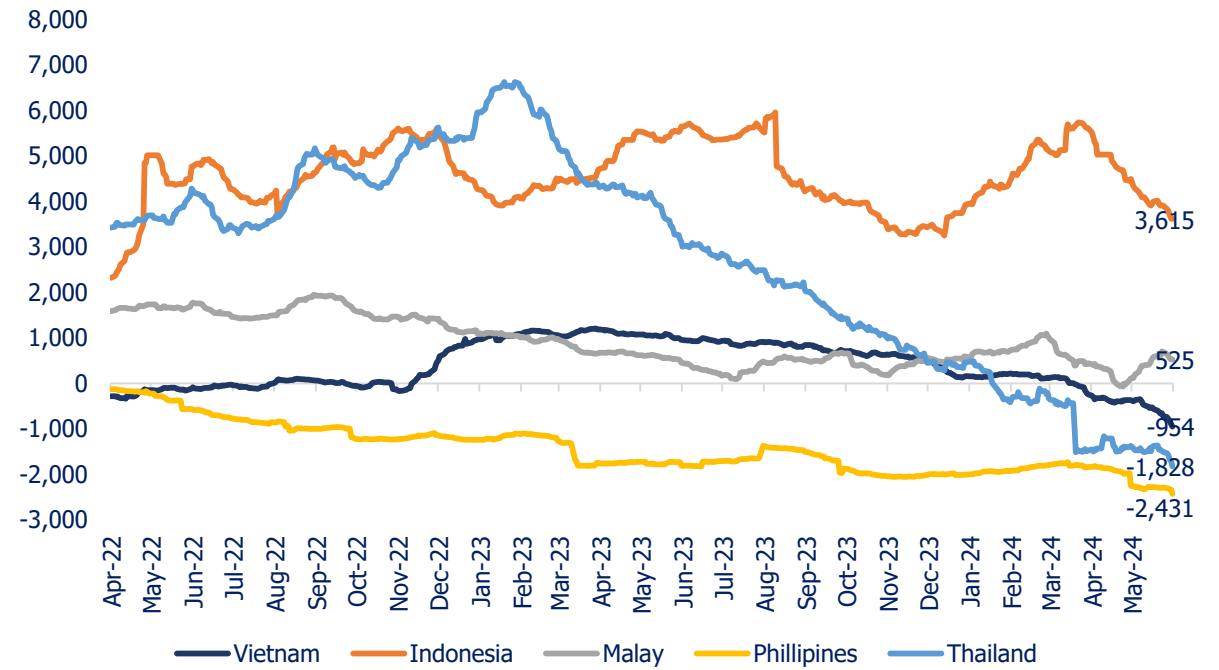
**Nhà đầu tư nước ngoài có tháng bán ròng kỷ lục:** Trong tháng 5 khối ngoại bán ròng đột biến lên đến 19.017 tỷ đồng trên cả 3 sàn, số kỷ lục theo tháng tại thị trường Việt Nam, trong đó riêng tại sàn HOSE 15.591,41 tỷ đồng. Ngoại trừ tháng 01/2024, khối ngoại đã có chuỗi bán ròng liên tục từ tháng 04/2023. Tính từ đầu năm 2024, giá trị bán ròng khớp lệnh là 35.883 tỷ đồng (khoảng 1,44 tỷ USD). Nếu tính từ đầu năm 2023 đến nay khối ngoại đã bán ròng với giá trị lên đến 58.700 tỷ đồng.

Xu thế bán ròng cổ phiếu của dòng tiền ngoại trong tháng 5 cũng diễn ra tại các thị trường khác trong khu vực điển hình như Philippines (-174 triệu USD), Indonesia (-881 triệu USD), Thailand (-455 triệu USD), ngoại trừ mua ròng ở thị trường Malaysia (418 triệu USD).

### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)



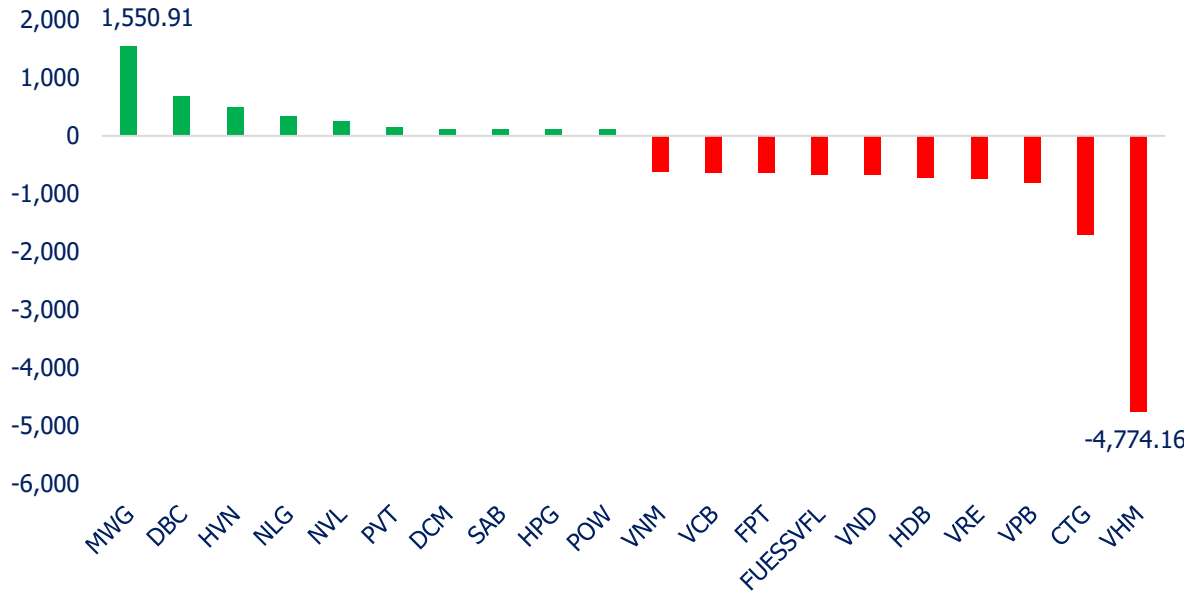
Nguồn: Bloomberg, Fiigroup, SHS Research



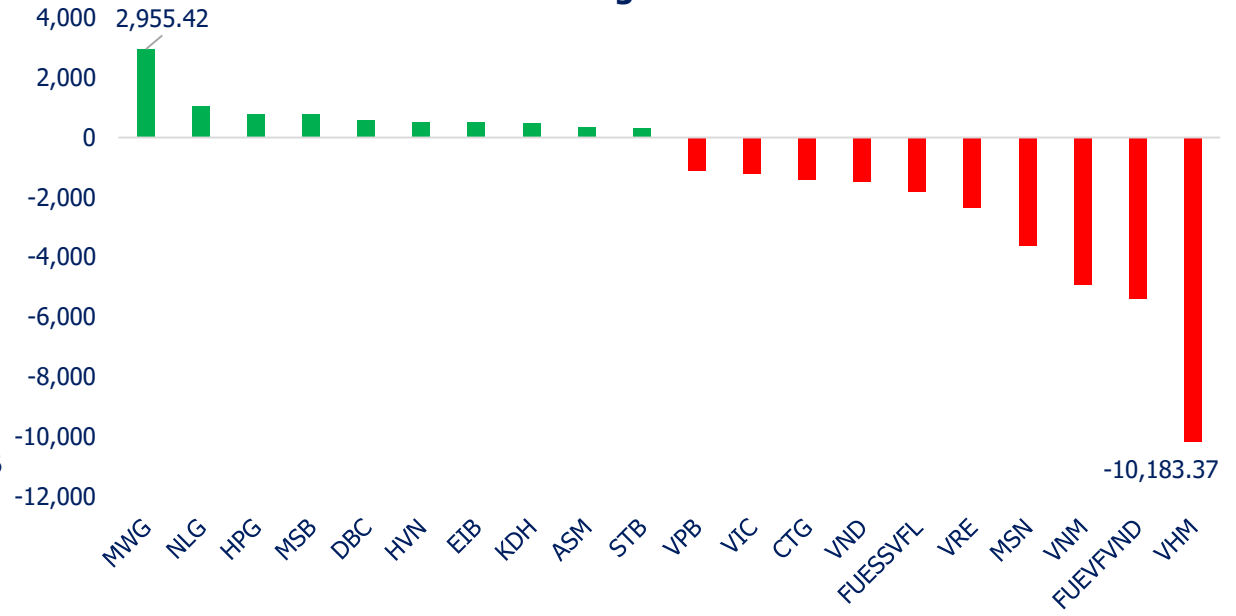
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE tháng 05/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE 5 tháng 2024



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

Trên HOSE, với áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại, cổ phiếu VHM (-4.774,2 tỷ đồng) tiếp tục bị bán mạnh đột biến, tiếp đến là các cổ phiếu ngân hàng CTG (-1.709,4 tỷ đồng), VPB (-809,3 tỷ đồng), HDB (-723,3 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại MWG (+1.550,9 tỷ đồng) tiếp tục được khối ngoại mua ròng mạnh nhất, MWG cũng có mức tăng giá tốt +15,8% MoM trong tháng 05/2024 khi kết quả kinh doanh quý 1/2024 phục hồi tăng trưởng mạnh, tiếp theo là DBC (+672,2 tỷ đồng), HVN (+483,3 tỷ đồng)...

Lũy kế trong 05 tháng đầu năm 2024, khối ngoại khớp lệnh bán ròng tổng cộng 35.445 tỷ đồng trên HOSE, trong đó bán ròng mạnh đột biến VHM (-10.183,4 tỷ đồng), FUEVFNVD (-5.410, tỷ đồng) tiếp theo là VNM (-4.293,90 tỷ đồng), MSN (-3.617,1 tỷ đồng) ...Ở chiều ngược lại, MWG (+2.955,4 tỷ đồng) là điểm sáng nổi bật nhất khi được khối ngoại mua ròng tốt, bên cạnh NLG (+1.064,7 tỷ đồng), HPG(+805,4 tỷ đồng) và MSN (+797 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu được khối ngoại giải ngân mua ròng tốt, lũy kế 05 tháng đầu năm 2024.



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

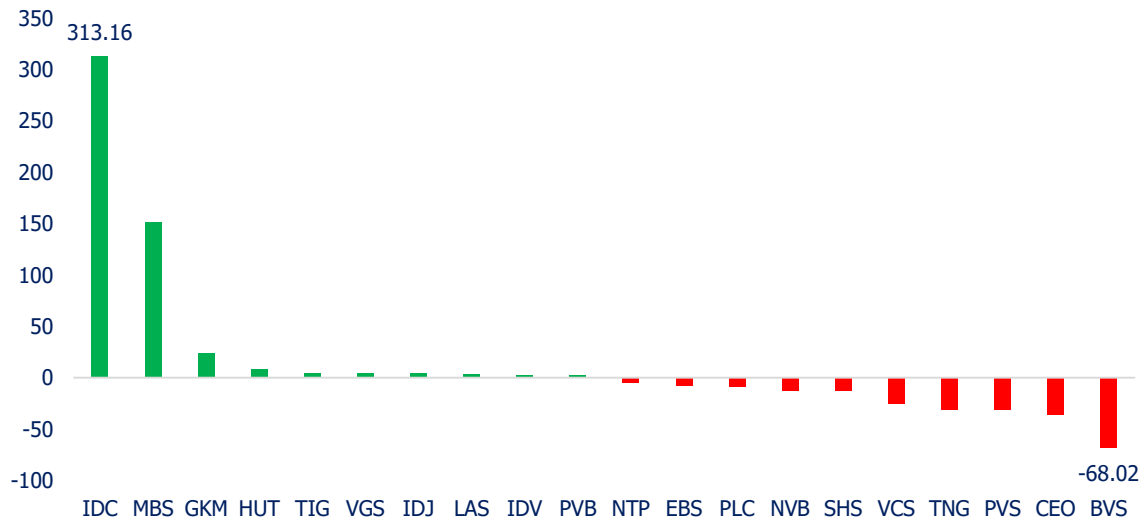
Biến cơ hội thành giá trị

Trái ngược với HOSE, khối ngoại tiếp tục mua ròng trên HNX với giá trị 269,33 tỷ đồng trong tháng 05. Trong đó nổi bật nhất là xu hướng mua ròng liên tục đối với IDC (+313,2 tỷ đồng), MBS (+164,1 tỷ đồng), DTD (+91 tỷ đồng)... Trong khi bán ròng với BVS (-68 tỷ đồng), CEO (-36,6 tỷ đồng), PVS (-31,5 tỷ đồng)...

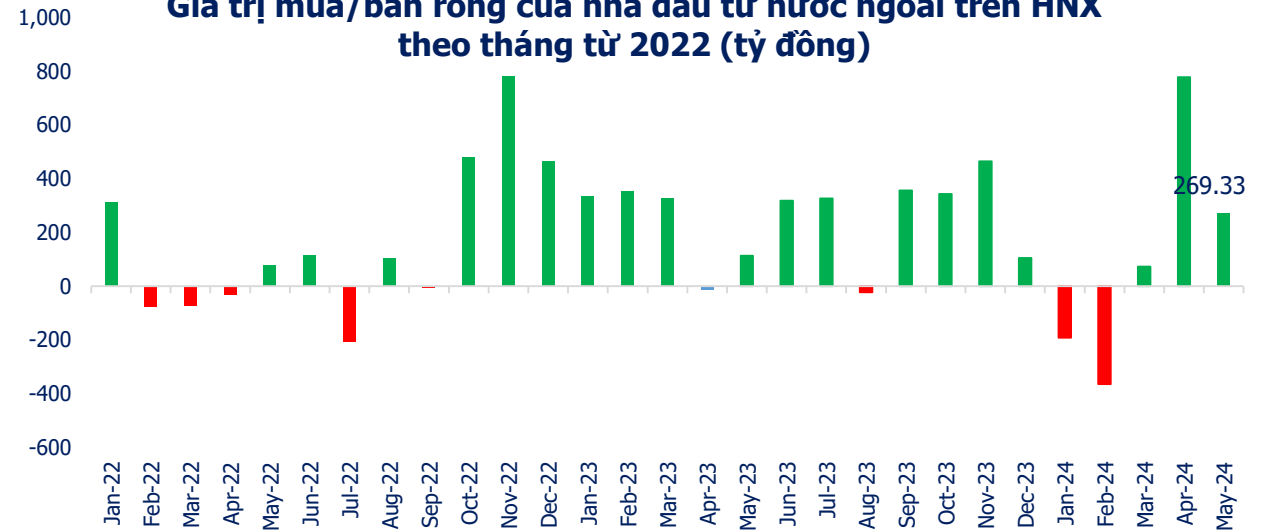
Lũy kế 05 tháng đầu năm 2024 khối ngoại mua ròng 564,17 tỷ đồng trên HNX trong đó tập trung nổi bật mua ròng ở IDC (+1.124,1 tỷ đồng), MBS (+ 164,1 tỷ đồng), bán ròng SHS (-517,3 tỷ đồng).

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

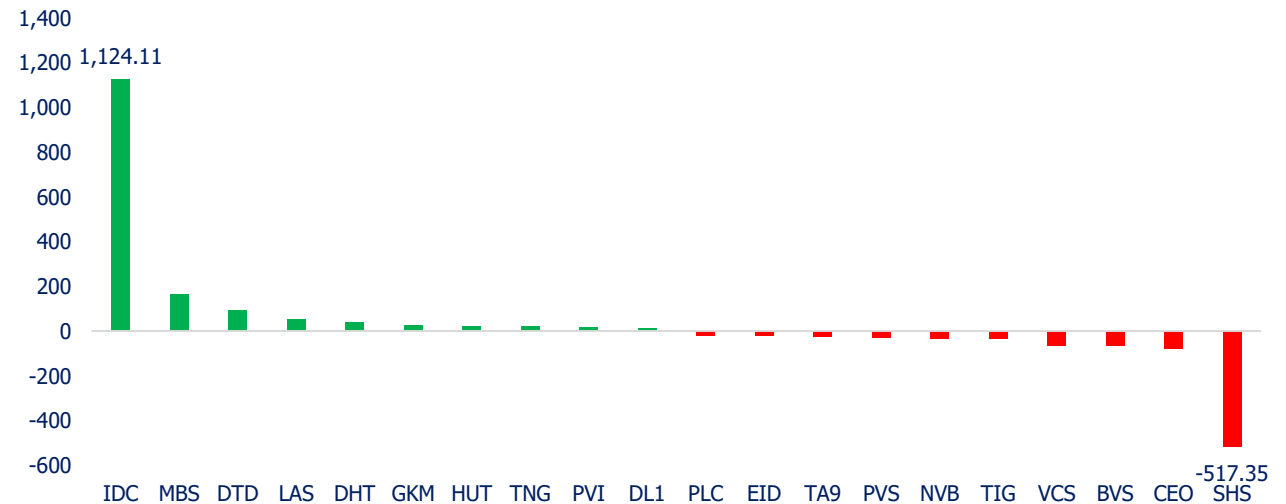
### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX tháng 05/2024 (tỷ đồng)



### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX 5 tháng 2024





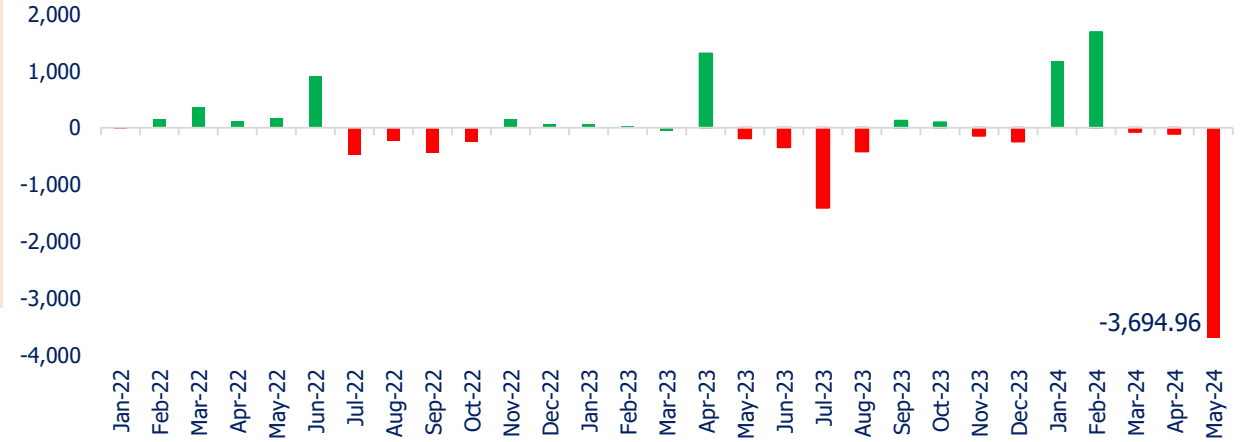
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

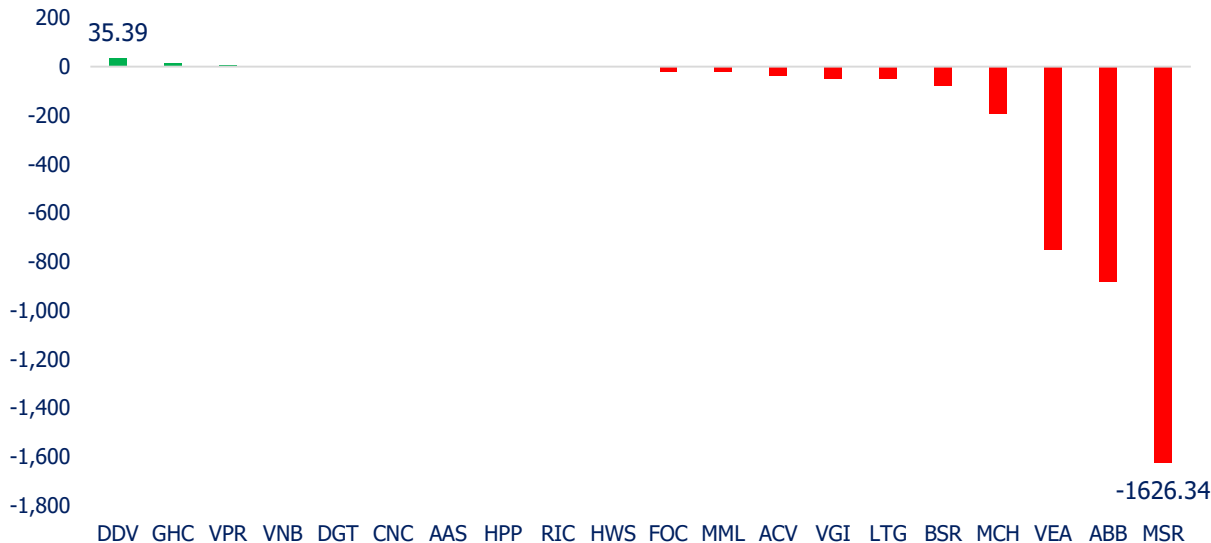
Trong tháng 05/2024, trên sàn Upcom khối ngoại bán ròng mạnh đột biến với giá trị 3.694,96 tỷ đồng chủ yếu đến từ MSR (-1.626,3 tỷ đồng) khi Mitsubishi Materials Corporation bán hơn 109,9 triệu CP (10% vốn), ABB (-882,8 tỷ đồng), VEA (-751,6 tỷ đồng). Trong khi mua ròng nhẹ DDV (+35,39 tỷ đồng).

Lũy kế 05 tháng đầu năm 2024 khối ngoại đảo chiều thành bán ròng 1.001,90 tỷ đồng sau khi mua ròng mạnh trong 02 tháng đầu năm nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,10 tỷ đồng), AIC (+1.262,90 tỷ đồng).

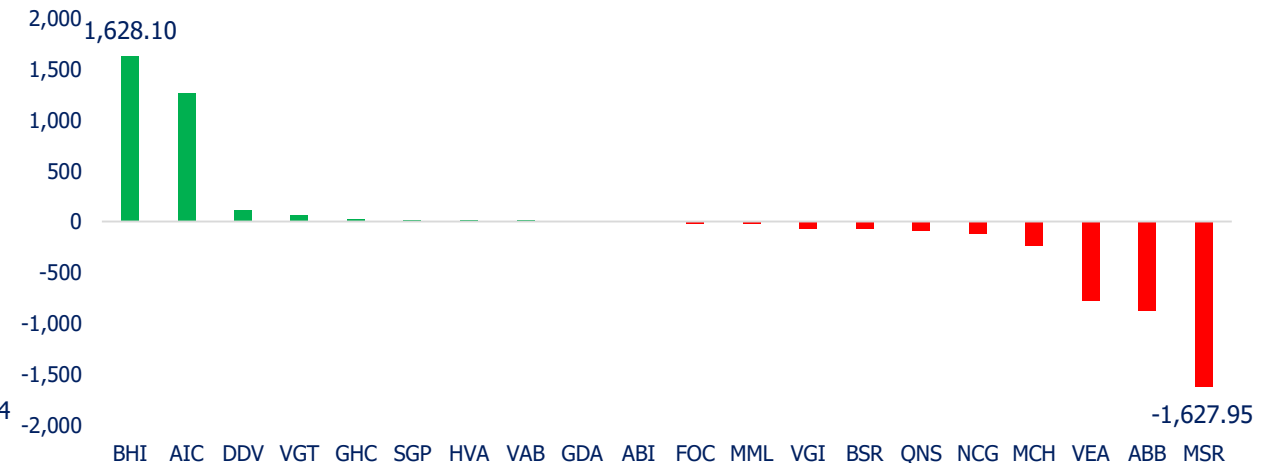
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM tháng 05/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM 5 tháng 2024

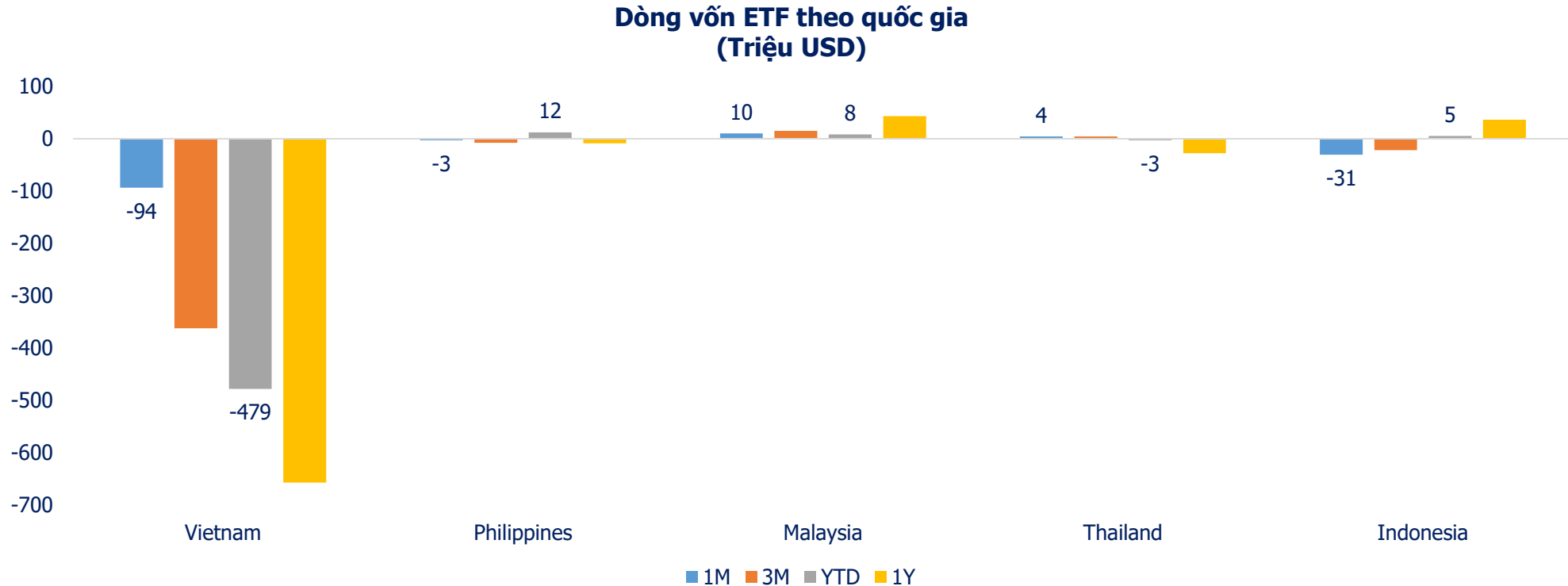




Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

Trong tháng 5/2024, dòng tiền ETF tiếp tục xu hướng tiêu cực tại thị trường Việt Nam khi lượng bán ròng tăng lên 94 triệu USD (+34,2% MoM), một số thị trường khác tại khu vực Đông Nam Á bị bán ròng thấp hơn như Indonesia (-31 triệu USD), Philippines (-3 triệu USD), trong khi Thái Lan và Malaysia chứng kiến vốn ETF vào ròng sau tháng 4 bị bán. Lũy kế từ đầu năm 2024 giá trị rút ròng tại Việt Nam tăng lên 479 triệu USD, tiêu cực nhất tại khu vực. DCVFM VNDiamond tiếp tục là quỹ đứng đầu về quy mô rút ròng với -52,5 triệu USD, Fubon sau khi hút ròng nhẹ tháng 4 đã chuyển sang bán ròng 32,8 triệu USD, tiếp theo là VN30 với -22,1 triệu USD, quỹ KIM Index VN30 là quỹ hút ròng đáng kể nhất trong tháng với 15,6 triệu USD.



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 05

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(USD)		1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>	ETF	585.78	1.30	449,300,000	(52.5)	-201.8	-261	-397
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>	ETF	848.93	0.41	2,081,238,000	(32.8)	-72.5	-63.0	-65.6
<b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>	ETF	292.11	0.92	319,100,000	(22.1)	-48.1	-61.4	-22.3
<b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	519.25	12.76	40,700,000	-	0.0	-0.6	6.3
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>	ETF	313.84	24.73	11,705,660	7.0	-23.9	-32.4	-24.1
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>	ETF	58.01	0.84	39,400,000	0.0	-59.6	-44.1	-128.5
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>	ETF	222.32	15.53	14,300,000	15.6	18.8	-12.9	41.0
<b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	9.57	7.85	1,220,000	(1.1)	-5.2	-5.9	-7.1
<b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>	ETF	5.09	0.80	6,400,000		-1.1	-1.2	-0.7
<b>Asian Growth CUBS ETF (USD)</b>	ETF	9.81	18.87	520,000		0.0	0.0	0.0
<b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	12.42	16.56	750,000		1.9	1.9	7.7
<b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>	ETF	6.07	0.65	9,300,000		0.1	0.1	1.3
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)</b>	ETF	5.32	8.69	600,000		0.0	0.0	-1.7
<b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>	ETF	47.40	0.35	135,700,000	12.8	19.8	20.1	30.8

Nguồn: Bloomberg, SHS Research





**TRIỂN VỌNG  
TTCK  
THÁNG 06**



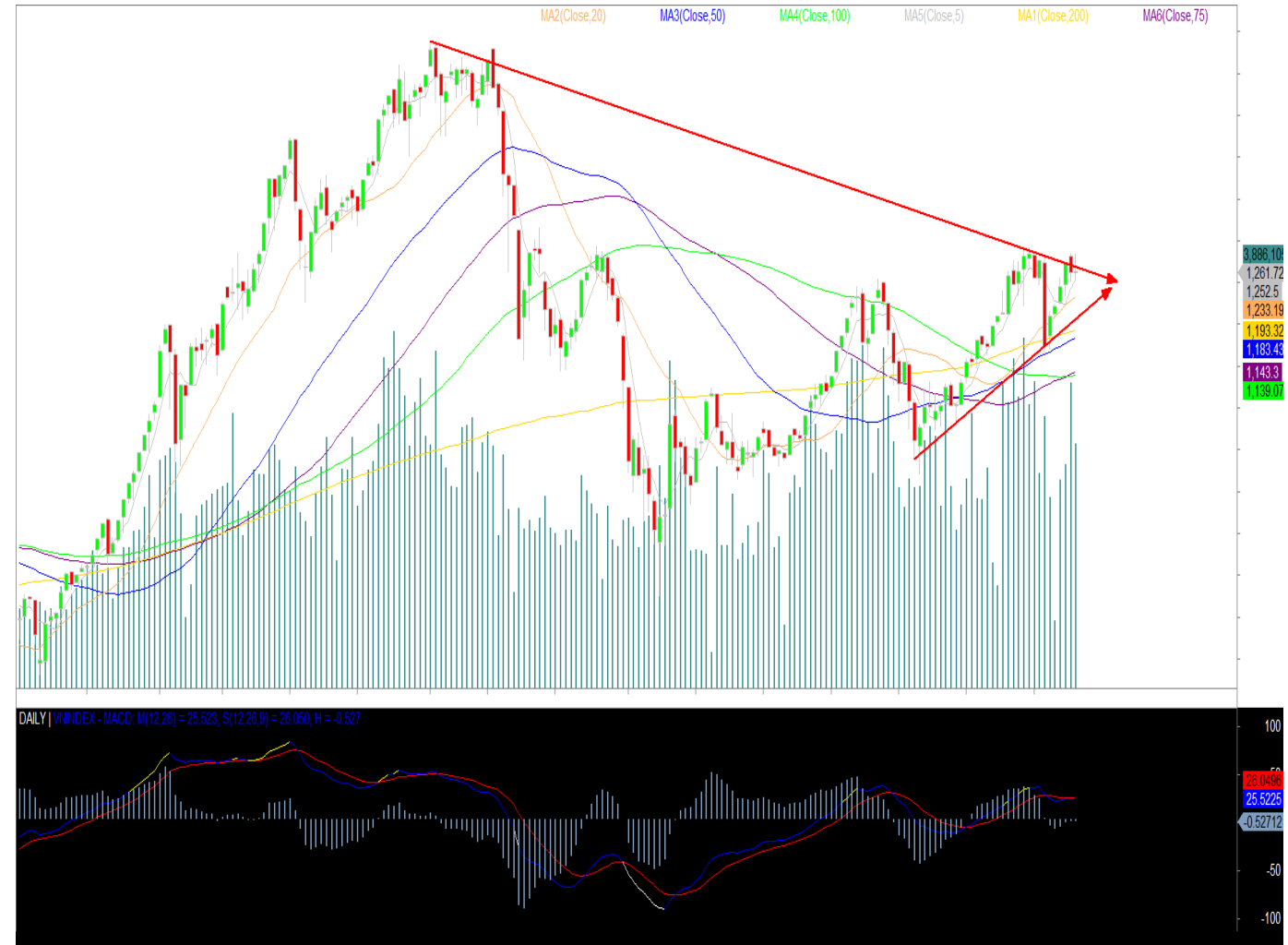
# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 06

Biến cơ hội thành giá trị

Sau tháng 4 giảm mạnh, VN-INDEX đã phục hồi tăng điểm tốt trong tháng 5/2024 từ vùng giá 1.200 điểm, tương ứng vùng giá đỉnh lịch sử năm 2018, vượt lên vùng đỉnh giá năm 2023 tương ứng 1.245 điểm – 1.255 điểm và lên lại vùng kháng cự mạnh 1.285 điểm.

Về xu hướng giá, trong ngắn hạn VN-INDEX đang tích lũy trong biên độ hẹp trong vùng 1.250 điểm -1.285 điểm, trong kênh tích lũy trung hạn rộng hơn từ 1.200 điểm đến 1.300 điểm và tích cực hơn là 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, còn 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06/2022 và 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Chúng tôi cho rằng VN-INDEX trong tháng 06/2024 khả năng sẽ tiếp tục diễn biến tích lũy trong kênh 1.250 điểm – 1.300 điểm và chưa có khả năng hình thành uptrend thực sự. Diễn biến này là phù hợp trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị trên thế giới có dấu hiệu gia tăng, lãi suất tại Mỹ khả năng vẫn tiếp tục giữ ở mức cao trong cuộc họp chính sách diễn ra vào ngày 13/6 và áp lực lạm phát, tỷ giá trong nước vẫn duy trì, nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng.



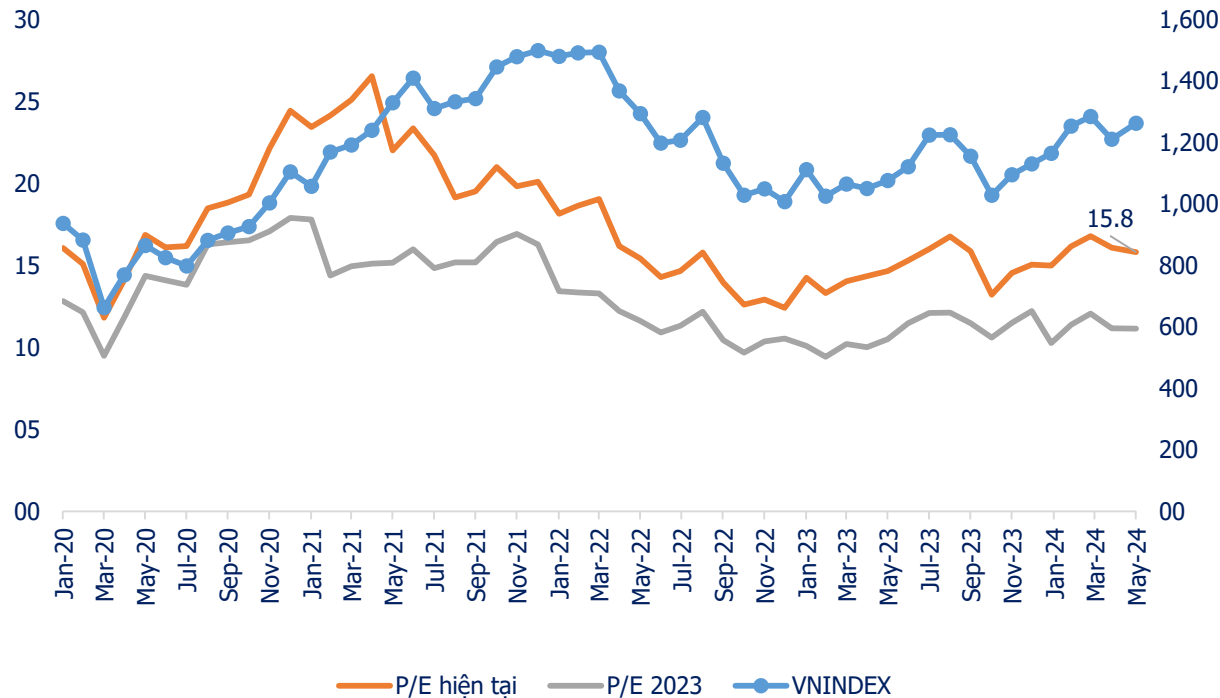


# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 06

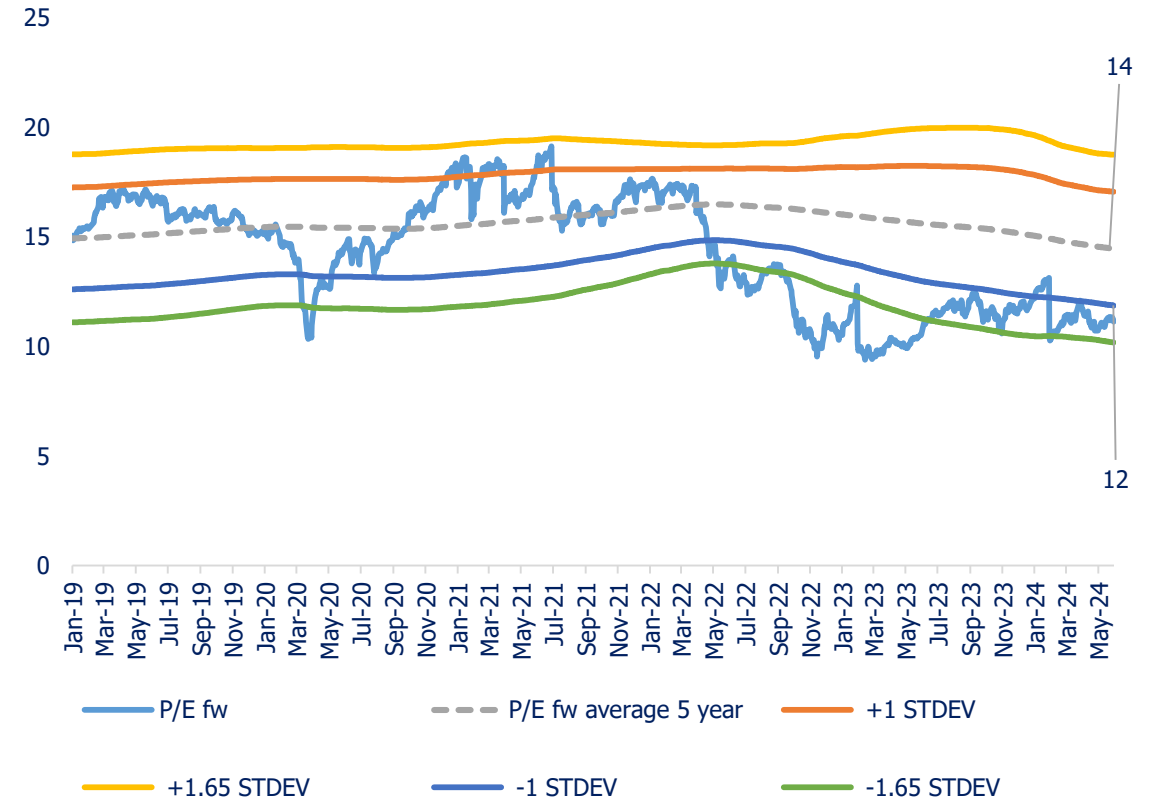
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 5/2024, định giá toàn thị trường P/E là **15.8x**, thấp hơn mức trung bình 10 năm (16,6x) và 5 năm (17,4x).

### Định giá TTCK VN



### P/E forward VNIndex



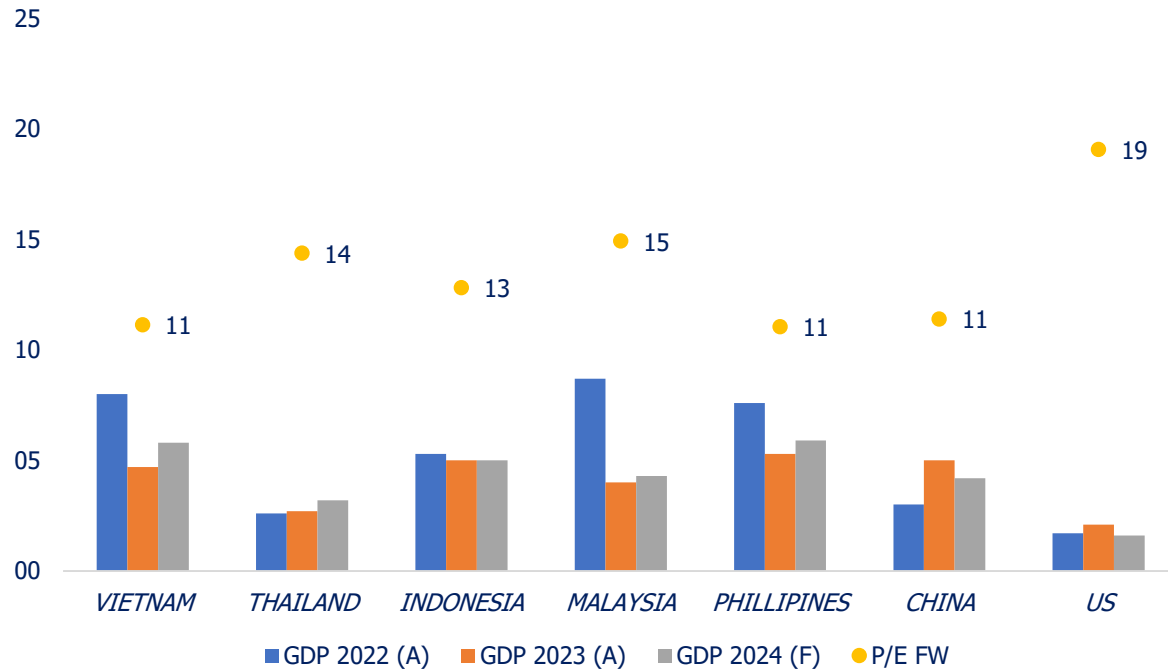
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



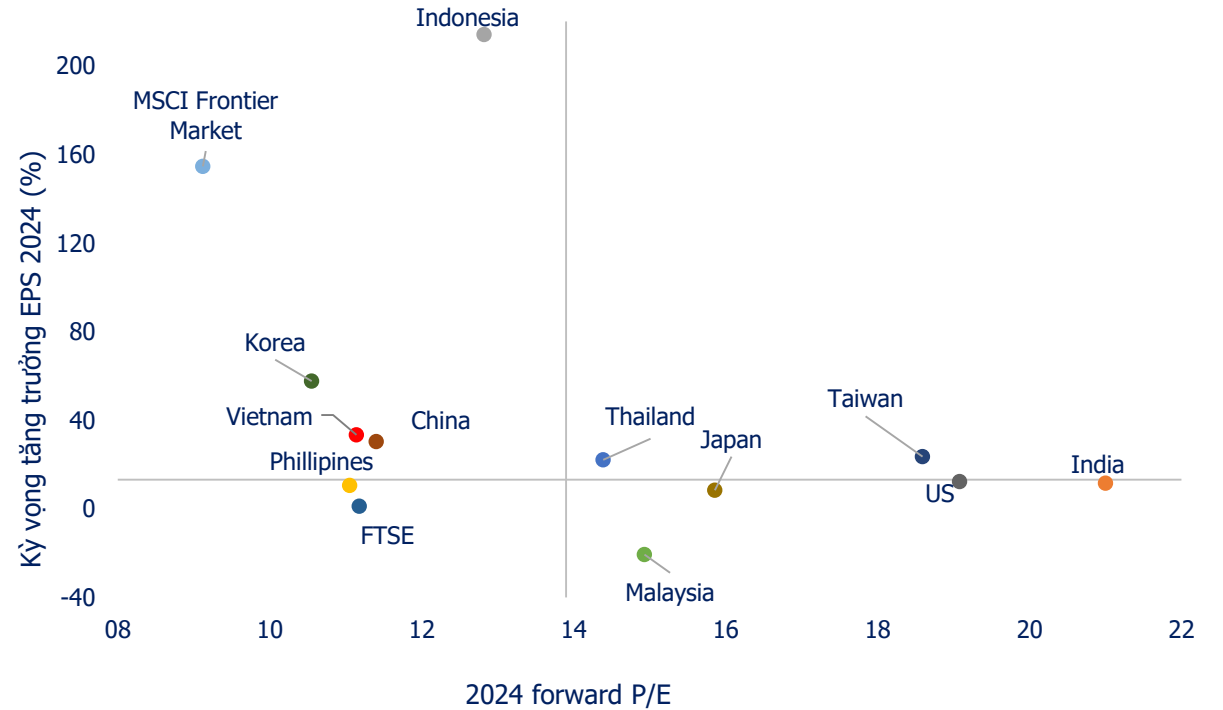
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 06

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



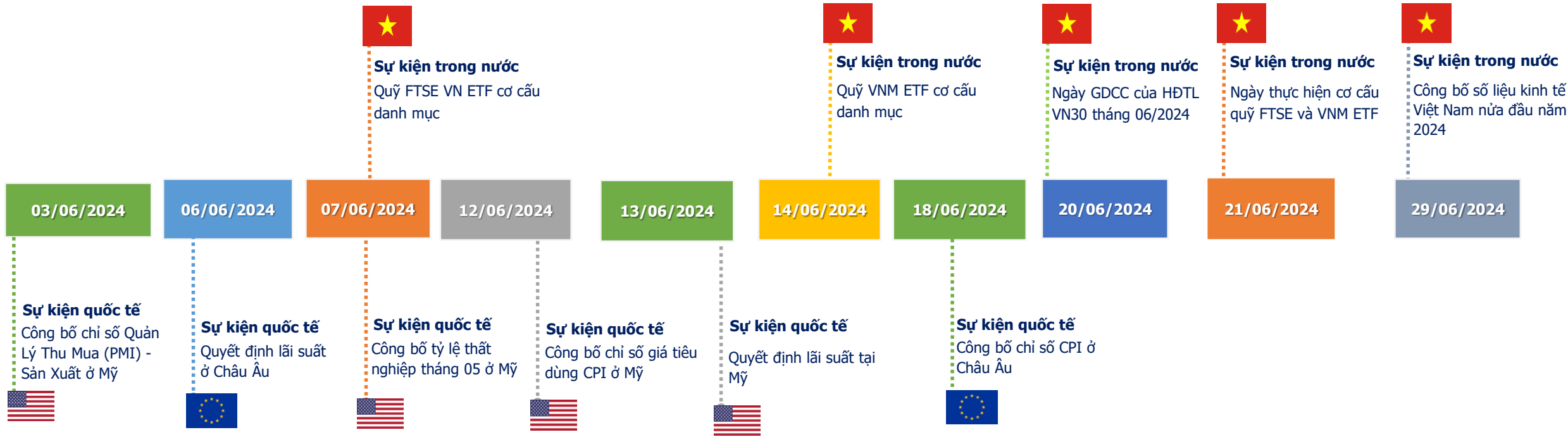
### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 06





**DANH SÁCH MÃ  
KHUYẾN NGHỊ  
NĂM 2024**

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã	Giá đóng cửa	+/- tháng	+/- từ đầu năm
1	<b>GVR</b>	35.150	17,17%	65,80%
2	<b>IDC</b>	63.800	13,52%	26,06%
3	<b>SZC</b>	42.500	5,72%	16,12%
4	<b>PHR</b>	62.100	9,91%	24,95%
5	<b>KBC</b>	31.400	8,28%	-1,10%
6	<b>FPT</b>	134.600	9,25%	40,06%
7	<b>PVT</b>	30.200	21,53%	14,39%
8	<b>PVD</b>	31.650	6,39%	11,84%
9	<b>GMD</b>	83.800	-0,48%	18,87%
10	<b>TCB</b>	47.000	4,01%	47,80%
11	<b>CTD</b>	72.500	9,35%	5,38%
12	<b>PNJ</b>	93.900	-1,16%	9,84%
13	<b>DCM</b>	37.550	22,31%	15,90%
14	<b>BWE</b>	43.000	16,53%	18,94%
15	<b>PVS</b>	43.400	9,32%	14,2%
16	<b>VSC</b>	22.050	7,82%	12,5%
17	<b>VN-Index</b>	<b>1.261,72</b>	<b>4,32%</b>	<b>11,66%</b>

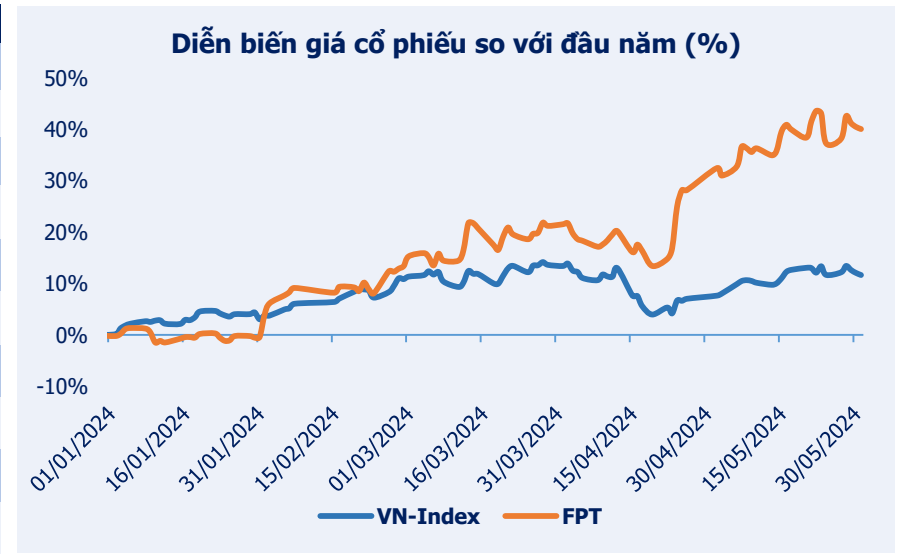


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>134.600</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>140.000-143.000</b>	<b>Doanh thu</b>	12.484,36	13.761,74	14.690,41	14.092,93	61.850,00
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>138.000</b>	<b>% yoy</b>	23,66%	23,44%	12,64%	20,64%	+17,55%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>170.938</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.855,58	2.075,87	2.051,24	2.160,27	8.700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>5.336,29</b>	<b>% yoy</b>	18,83%	18,22%	26,63%	19,36%	+11,71%
<b>BV</b>	<b>21.129,94</b>	<b>Tổng tài sản</b>	60.524,39	62.112,68	60.325,28	62.024,71	
<b>PE trailing</b>	<b>25,22</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	28.595,33	28.405,66	29.948,35	31.727,10	
<b>PB trailing</b>	<b>6,37</b>	<b>ROA (%)</b>	10,65	10,83	11,55	11,06	
		<b>ROE (%)</b>	26,50	26,67	33,85	27,21	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	37,12	39,94	38,34	39,10	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	14,86	15,08	13,96	15,33	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền gần 26.700 tỷ đồng (44% tổng tài sản và 83% tổng nợ phải trả), nợ vay thấp (32% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại 3 công ty công nghệ tại Mỹ. Ngày 16/12/2023, FPT ký hợp tác với Yamato Holdings - Doanh nghiệp lớn về lĩnh vực lưu thông hàng hóa và TradeWaltz - Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tương tác thông tin thương mại hàng đầu Nhật Bản. Ngày 13/3/24 mở chi nhánh tại Đại Liên, Trung Quốc. Ngày 23/4/24 ký MOU với NVIDIA xây dựng AI Factory vốn đầu tư 200 triệu USD và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trở thành đối tác phát triển dịch vụ của NVIDIA.
- Doanh thu Q1/2024 đạt 14.092 tỷ đồng (+20,64% YoY), lãi sau thuế 2.160 tỷ đồng (+19,36% YoY). Lũy kế 4 tháng đạt 18.989 tỷ đồng doanh thu (20,6% YoY) và 2.932 tỷ lãi sau thuế (+19,7% YoY), tương ứng lần lượt 30,7% và 33,7% kế hoạch năm, EPS đạt 1.933đ. Mảng dịch vụ thị trường nước ngoài tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 9.450 tỷ đồng doanh thu (+29,2% YoY) và 1.495 tỷ lợi nhuận (+24,6% YoY) trong đó doanh thu chuyển đổi số chiếm 41% và tăng 30%, giá trị hợp đồng ký mới đạt 13.940 tỷ đồng (+12,8%), giá trị đơn hàng đã trúng và đang xúc tiến ký kết tăng 30% so với cùng kỳ. Mảng giáo dục doanh thu tăng 26% đạt 1.776 tỷ đồng, tổ hợp giáo dục tại Thanh Hóa đã cất nóc và tại Huế đã được cấp phép.
- SCIC lên kế hoạch thoái toàn bộ 5,8% vốn điều lệ của FPT trong thoái vốn đợt 2 năm 2024. Ngày 12/6/24 chốt danh sách trả cổ tức 10% bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20:3

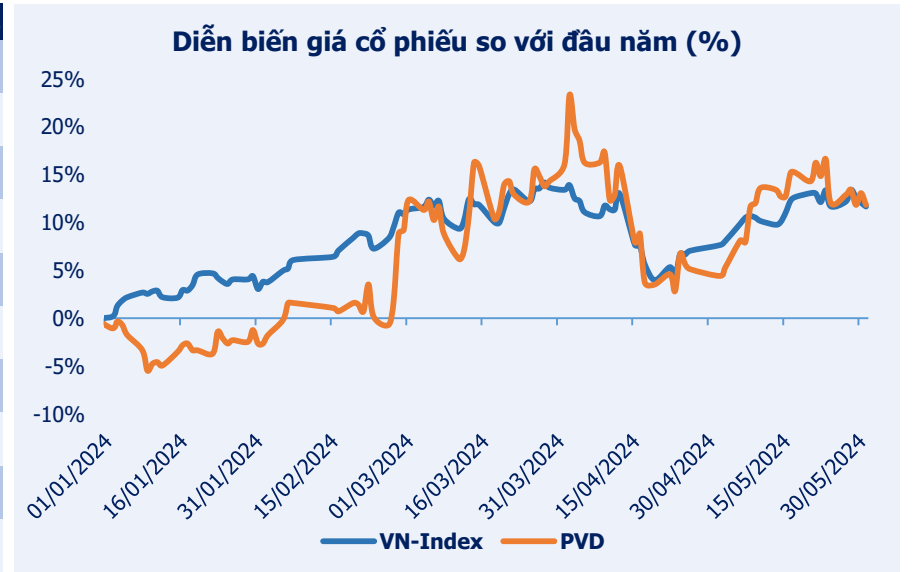




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>31.650</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>35.000-36.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.410,47	1.381,11	1.747,44	1.755,53	6.200,00
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>33.000</b>	<b>% yoy</b>	-6,83%	11,22%	19,82%	43,12%	+6,82%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>17.594</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	157,59	132,89	194,04	148,50	380,00
<b>EPS ttm</b>	<b>0,04</b>	<b>% yoy</b>	314,22%	356,51%	264,09%	184,21%	-30,40%
<b>BV</b>	<b>1,10</b>	<b>Tổng tài sản</b>	20.816,60	21.499,36	21.650,09	22.515,43	
<b>PE trailing</b>	<b>30,22</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	14.282,83	14.809,87	14.894,25	15.306,78	
<b>PB trailing</b>	<b>1,13</b>	<b>ROA (%)</b>	1,20	2,08	2,74	2,76	
		<b>ROE (%)</b>	1,79	3,08	3,79	3,83	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	25,38	21,42	22,79	25,66	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	11,17	9,62	11,10	8,46	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động đạt 97,7%, hiệu suất sử dụng đạt 99,8%, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch). PVD không trả cổ tức năm 2023.
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê 4 giàn tự nâng năm 2024 tăng 10%-15% so với 2023. Giàn khoan PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm. Năm 2024, Kế hoạch doanh thu đạt 6.200,00 tỷ đồng (+6,82% YoY), lãi sau thuế 380,00 tỷ đồng (-30,40% YoY). Quý I năm 2024 đạt 1.755 tỷ doanh thu (+43,1% YoY), 148,5 tỷ lãi sau thuế (+184% YoY), tương ứng 28,3% KH doanh thu và 39% KH lợi nhuận năm.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD dự kiến đầu tư 2.115 tỷ đồng giàn khoan tự nâng 3 chân năm 2024).

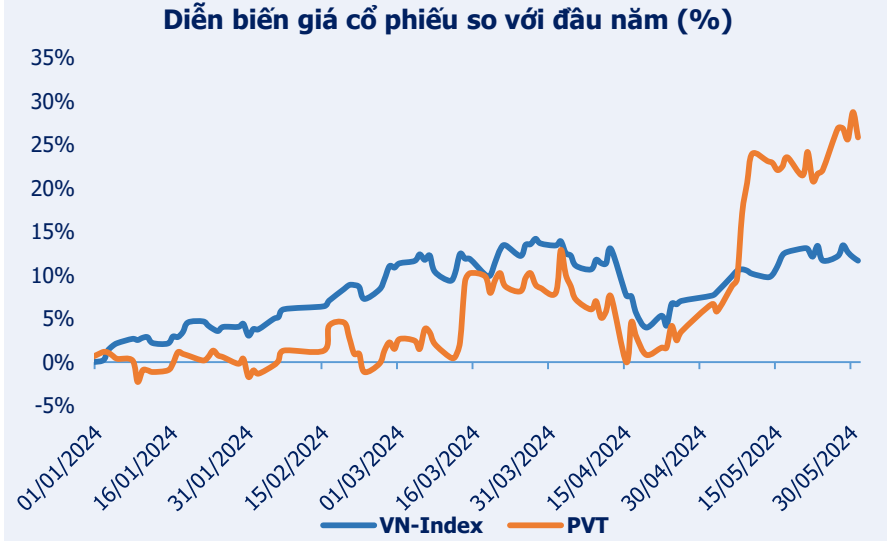


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>30.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>31.500-33.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.115,06	2.550,62	2.752,79	2.536,11	8.800,00
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>30.900</b>	<b>% yoy</b>	-6,28%	9,45%	12,88%	24,13%	-7,91%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.752</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	390,27	321,04	267,73	306,17	760,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.768,95</b>	<b>% yoy</b>	51,26%	-16,83%	-3,14%	27,49%	-37,78%
<b>BV</b>	<b>19.780,07</b>	<b>Tổng tài sản</b>	15.152,35	16.965,20	17.466,21	17.601,98	
<b>PE trailing</b>	<b>10,91</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.417,66	8.675,19	9.026,38	9.351,19	
<b>PB trailing</b>	<b>1,53</b>	<b>ROA (%)</b>	6,70	6,26	6,13	6,07	
		<b>ROE (%)</b>	15,99	14,74	19,07	14,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	23,18	20,22	18,21	20,74	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	18,45	12,59	9,73	12,07	



- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m<sup>3</sup>, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024, kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%. Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2024 là 3.364 tỷ đồng, trong đó 80tr USD dự án mua tàu chuyển tiếp và 52tr USD đầu tư mới 2 tàu MR/1 tàu Aframax, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương.
- Quý I/2024 PVT đạt doanh thu 2.536,10 tỷ đồng (+24,14% QoQ), LNST 306,17 tỷ đồng (+27,49% QoQ), đạt 28,82% KH doanh thu và 40,29% kế hoạch lợi nhuận. Ngày 11/4/24, GDKHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. Sẽ chia cổ tức bằng tiền 3% sau khi hoàn thành chia cổ tức năm 2021.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao. Giá cho thuê định hạn tàu chở dầu thô và xăng dầu thành phẩm quốc tế trong 4 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì trên mức nền cao của năm 2023 (tàu chở dầu thô là 47.000 USD/ngày và tàu chở xăng dầu thành phẩm là 27.500 USD/ngày).

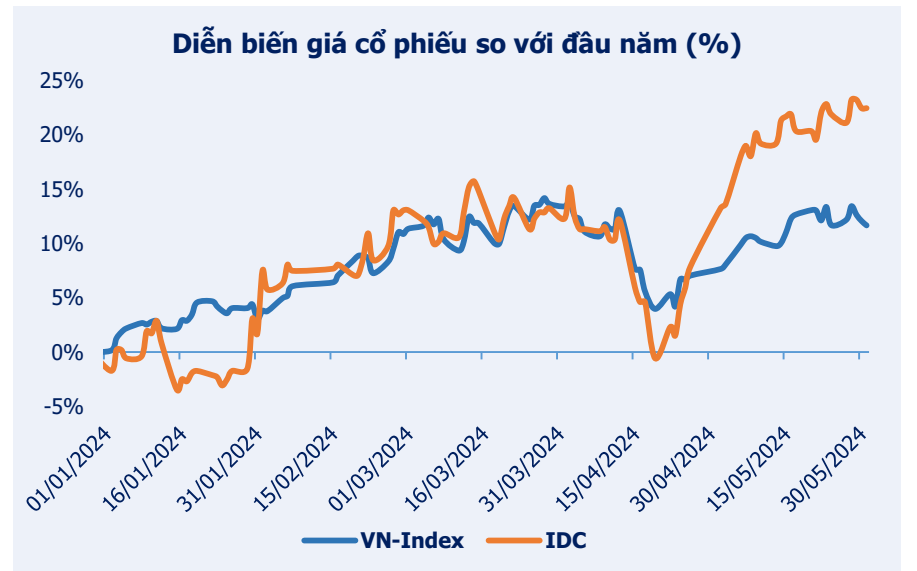


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>63.800</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>68.000-69.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.407,56	1.443,47	2.239,31	2.467,06	8.466
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>64.200</b>	<b>% yoy</b>	-27,22%	-29,68%	85,38%	115,15%	+13,2%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>21.054</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	662,58	194,52	623,06	797,17	2.502*
<b>EPS ttm</b>	<b>5.881,63</b>	<b>% yoy</b>	-54,84%	-68,32%	169,41%	354,99%	+21,6%
<b>BV</b>	<b>15.675,27</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.916,64	16.898,22	17.731,90	17.386,39	
<b>PE trailing</b>	<b>10,85</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	6.202,79	5.610,85	6.204,23	6.492,10	
<b>PB trailing</b>	<b>4,07</b>	<b>ROA (%)</b>	7,79	6,17	8,02	11,26	
		<b>ROE (%)</b>	25,59	21,22	33,38	39,83	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	37,06	28,07	36,67	44,52	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	27,52	13,48	27,82	32,31	



- IDC sở hữu 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Năm 2023, IDC đã cho thuê mới 169,8 ha, vượt 34% KH năm và hiện còn 580 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2. Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha gồm hơn 30 ha từ các biên bản ghi nhớ ký trong năm 2022 và 126 ha từ các hợp đồng và biên bản ghi nhớ ký trong năm 2023. Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024 đặt KH cho thuê mới 145ha đất và 50.000m2 nhà xưởng. Giá trị đầu tư mới 3.134 tỷ đồng (+140% YoY) trong đó 1.579 tỷ cho dự án KCN, 865 tỷ cho dự án nhà ở, 406 tỷ cho dự án năng lượng.
- Dự án KĐT phường 6, Tân An (IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon năm 2024. Năm 2024, IDC đặt kế hoạch doanh thu 8.466 tỷ đồng (+13,2% YoY), lãi sau thuế 2.502 tỷ đồng (+21,6% YoY), cổ tức 2023 là 40% bằng tiền (đã tạm ứng 35%), cổ tức năm 2024 là 40%. Quý I/2024 IDC đạt doanh thu 2.467,06 tỷ đồng (+115,15% QoQ), LNST 797,17 tỷ đồng (+350% QoQ), tương ứng 29,14% và 31,86% kế hoạch năm.
- IDC có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã trình Thủ tướng dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110ha – 500ha) và KCN Tân Phước 1 (470 ha) tại Tiền Giang. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. KCN Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 04/6/2024 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền 5% đợt 3 năm 2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%. Ngày thanh toán dự kiến là 19/6.

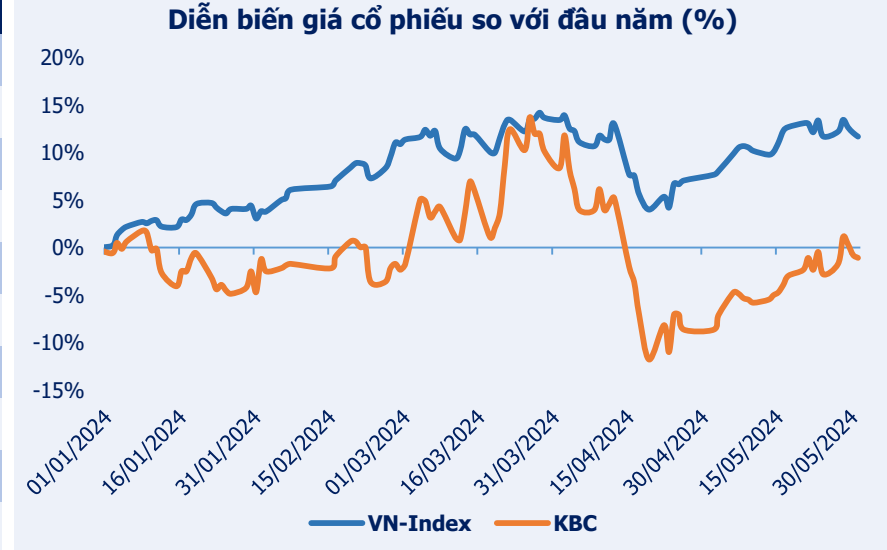


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HOSE – KBC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>31.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>33.000-34.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.327,67	247,18	846,75	152,33	9.000
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>32.100</b>	<b>% yoy</b>	491,28%	21,62%	355,67%	-93,15%	+59,4%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>24.103</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.012,08	18,55	131,34	(76,73)	4.000
<b>EPS ttm</b>	<b>1.307,95</b>	<b>% yoy</b>	413,32%	-99,04%	124,34%	-107,26%	+80,3%
<b>BV</b>	<b>23.567,16</b>	<b>Tổng tài sản</b>	33.764,79	33.747,15	33.420,46	39.337,40	
<b>PE trailing</b>	<b>24,01</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	20.044,30	20.062,85	20.194,20	20.144,14	
<b>PB trailing</b>	<b>1,33</b>	<b>ROA (%)</b>	9,79	4,22	5,84	2,79	
		<b>ROE (%)</b>	19,92	8,39	12,97	5,41	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	70,77	44,85	57,58	48,52	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	43,48	7,50	15,51	-50,37	



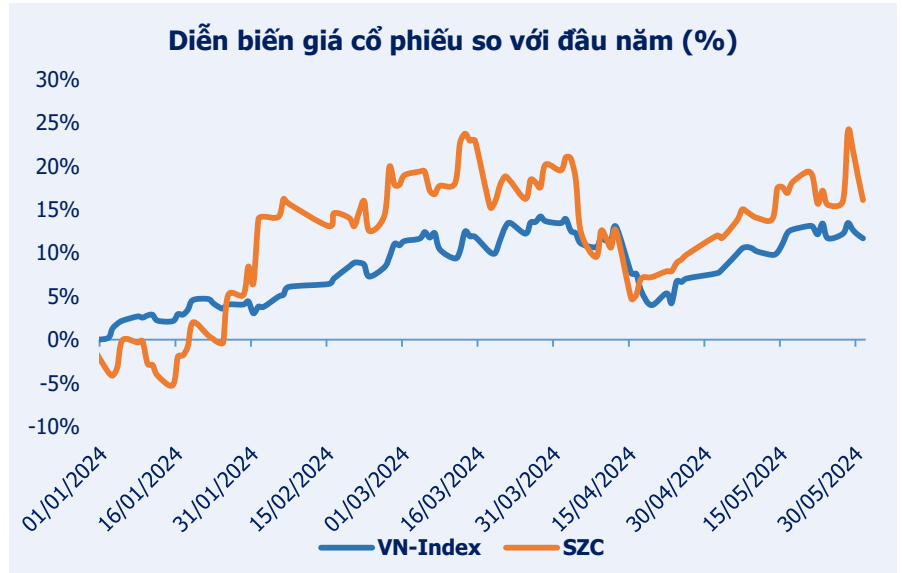
- KBC sở hữu 6.386,54ha đất KCN, 1.262,8ha đất khu đô thị và 78,9ha đất dự án khác trong đó, có 04 KCN (1.013 ha) đạt tỷ lệ lấp đầy 100% và 01 KCN có diện tích 426 ha đã lấp đầy 95,89%.
- Năm 2023, KBC ghi nhận doanh thu 5.644,7 tỷ đồng, tăng gần 6 lần so với năm 2022. Doanh thu từ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng là trên 5.247 tỷ đồng, biên lãi gộp tăng mạnh lên mức 69% so với mức 48% của năm 2022. Lãi sau thuế 2023 đạt 2.218,3 tỷ đồng (+40,7% YoY), cao nhất từ khi niêm yết, tương ứng 65,4% KH doanh thu và 55,4% KH lợi nhuận.
- Ngày 19/07/2023, Bắc Giang đã duyệt quy hoạch 1/500 KCN Quang Châu mở rộng (90,59ha – vốn đầu tư 996 tỷ đồng), Ingrasys (Singapore) và Foxconn (Đài Loan) đã đặt cọc và ký MOU thuê phần lớn diện tích đất tại đây. KBC đã chuyển 1.188 tỷ nợ phải thu SHP thành cổ phần, tăng sở hữu lên 89,26%. SHP là chủ đầu tư dự án KCN và Khu đô thị Tràng Duệ (Hải Phòng) trong đó KCN Tràng Duệ 3 (687ha) đang hoàn thiện thủ tục pháp lý. Dự án KĐT- DVTM và nhà ở công nhân Tràng Duệ (3ha, 2.538 căn hộ, 1.600 tỷ đồng) dự kiến hoàn thành QIV/2025.
- HĐQT KBC phê duyệt quyết định đầu tư KCN Sông Hậu 2 - Hậu Giang (380 ha) vốn đầu tư gần 5.570 tỷ đồng trong đó vay 85%, dự kiến bắt đầu cho thuê đất, nhà xưởng từ 6/2026. HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú Bình, Thái Nguyên với vốn đầu tư 8.958 tỷ đồng (vốn vay 85%), dự kiến đi vào hoạt động năm 2033.
- Năm 2024, KBC đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 9.000 tỷ đồng và kế hoạch LNST hợp nhất 4.000 tỷ đồng. Quý I đạt 152 tỷ doanh thu do không ghi nhận doanh thu cho thuê đất, lỗ 67 tỷ đồng.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>42.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>45.000-46.000</b>	<b>Doanh thu</b>	288,17	208,10	258,51	213,72	881,09
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>45.400</b>	<b>% yoy</b>	9,74%	68,79%	32,12%	238,36%	+7,72%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>7.649</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	95,97	55,09	56,06	65,08	228,15
<b>EPS ttm</b>	<b>1.697,16</b>	<b>% yoy</b>	56,89%	136,25%	49,23%	453,70%	+4,24%
<b>BV</b>	<b>16.651,05</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.345,97	6.404,28	6.961,13	8.057,49	
<b>PE trailing</b>	<b>25,04</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.626,22	1.681,25	1.737,32	2.971,31	
<b>PB trailing</b>	<b>2,55</b>	<b>ROA (%)</b>	2,70	3,16	3,29	3,92	
		<b>ROE (%)</b>	10,87	12,55	13,38	13,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	47,78	41,17	35,84	46,09	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	33,30	26,47	21,69	30,45	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH). Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNST 228 tỷ đồng (+4,6% YoY), cổ tức 10%. Đồng thời, SZC có kế hoạch chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng cho chi phí giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha trong năm. Quý I đạt 213,7 tỷ đồng doanh thu (+238% YoY), 65,1 tỷ đồng lãi sau thuế (+453% YoY), tương ứng 24% và 28,5% kế hoạch năm.
- Ngày 5/1/2024, chốt quyền mua phát hành thêm tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp. Mục đích đợt phát hành nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Kết quả phát hành thành công 59.985.902 / 59.999.980 cổ phiếu chào bán.
- Cổ đông Tổng Công ty Sonadezi (SZN) phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT vừa thông qua phương án tăng giới hạn tín dụng, theo đó tổng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 24/4/2024 chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%.

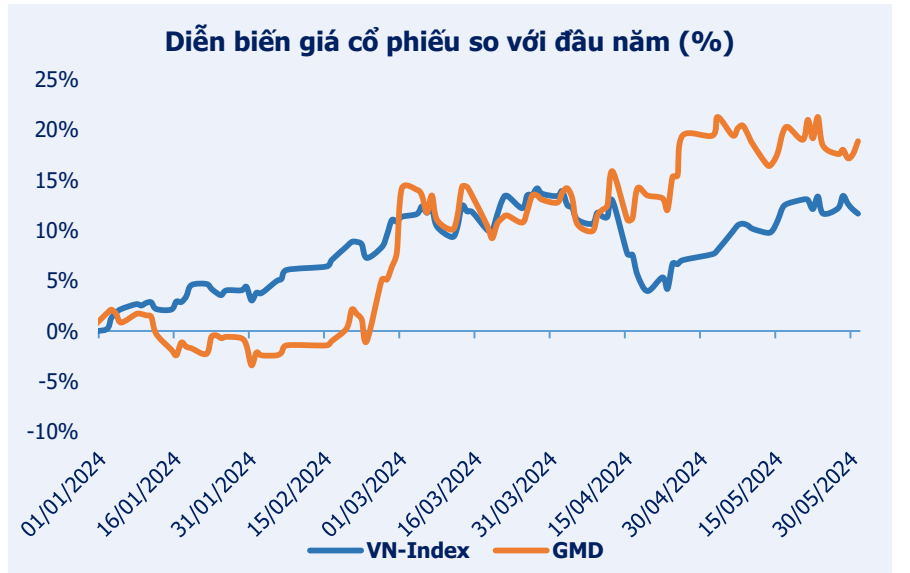


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>83.800</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>85.000-90.000</b>	<b>Doanh thu</b>	912,17	997,92	1.033,81	1.005,54	4.000
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>85.500</b>	<b>% yoy</b>	-6,72%	0,60%	-3,01%	11,48%	+4,03%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>26.019</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.717,21	338,45	191,54	655,99	1.348,8
<b>EPS ttm</b>	<b>8.356,30</b>	<b>% yoy</b>	412,87%	17,73%	-11,14%	157,41%	-46,7%
<b>BV</b>	<b>29.870,27</b>	<b>Tổng tài sản</b>	14.011,37	13.245,08	13.542,10	14.338,01	
<b>PE trailing</b>	<b>10,03</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.777,33	9.552,71	9.706,54	10.390,81	
<b>PB trailing</b>	<b>2,81</b>	<b>ROA (%)</b>	17,51	17,09	16,72	19,94	
		<b>ROE (%)</b>	30,61	29,45	32,32	32,68	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	50,36	46,57	41,17	43,85	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	188,25	33,92	18,53	65,24	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước. Ngày 24/5/2023 khai thác GĐ2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Ngày 16/4, hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP).
- Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY = 98% KH), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY = 277% KH). KH 2024 doanh thu tăng 4,03%, lợi nhuận giảm 46,7% do không còn lãi bất thường, chia cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 23% và chào bán cổ đông tỷ lệ 33,33% giá 29.000đ/cổ phiếu. Quý I đạt 1.005 tỷ đồng doanh thu (+11,5% YoY = 25% KH), biên lãi gộp tăng từ 41,2% (Q4/2023) lên 43,8%, lãi sau thuế đạt 656 tỷ đồng (+157% YoY=48,6% KH) nhờ ghi nhận khoản thoái vốn tại NHP.
- Ngày 1/2/2024, khởi công dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ dự kiến hoàn thành 5/2024, hạ độ sâu luồng từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/2/2024 tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường; Dự án GĐ3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Xuất khẩu phục hồi tốt, 5 tháng đầu năm 2024 tăng 16% so cùng kỳ.

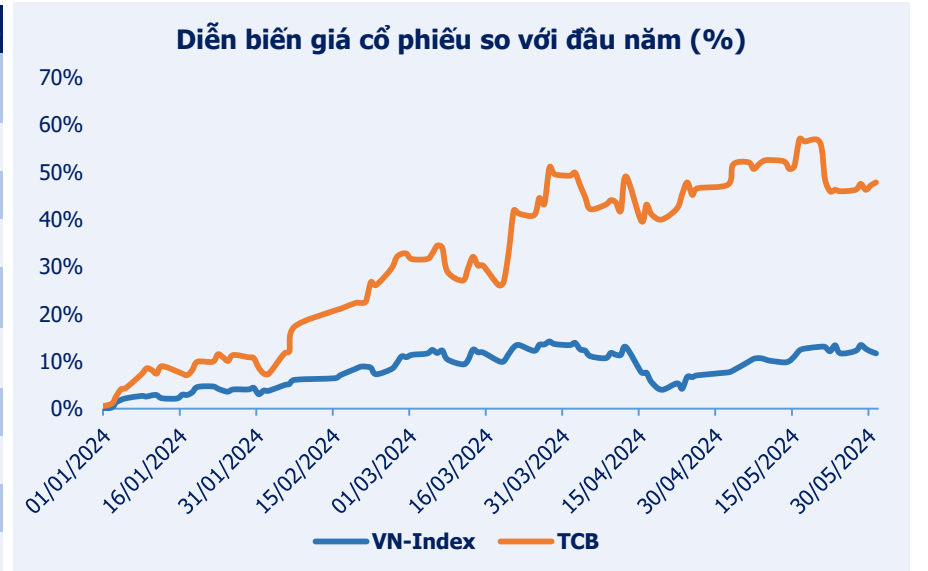


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>47.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>52.000-53.000</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	9.325,17	10.418,49	11.017,45	12.261,77	-
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>49.900</b>	<b>% yoy</b>	-14,72%	0,78%	16,87%	31,85%	-
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>165.558</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.503,45	4.668,71	4.481,62	6.277,00	21.680,00
<b>EPS ttm</b>	<b>5.605,50</b>	<b>% yoy</b>	-23,44%	-13,02%	25,46%	38,35%	+19,18%
<b>BV</b>	<b>38.750,74</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	381.946,52	409.044,57	454.660,78	458.040,69	
<b>PE trailing</b>	<b>8,38</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	466.546,22	475.605,59	518.641,57	559.276,89	616.031
<b>PB trailing</b>	<b>1,21</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,07	1,36	1,16	1,13	<1,5
		<b>ROE (%)</b>	15,50	14,37	14,84	15,36	
		<b>NIM(%)</b>	4,33	4,11	4,02	4,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	48,29	44,81	40,68	51,19	



- KQKD Quý 1/2024 tích cực với Tổng thu nhập hoạt động 12.262 tỷ đồng (+31,8% YoY), LNTT 7.802 tỷ đồng (+38,7% YoY), tỷ lệ CASA phục hồi lên 40,5%, đứng đầu toàn ngành, tỷ lệ nợ xấu 1,17%, giảm nhẹ so với mức 1,19% thời điểm Q4.2023, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 106%. KQKD tăng trưởng tích cực nhờ biên lãi thuần NIM tăng lên 4% so với mức 3,9% của năm 2023 và tỷ lệ CIR 26,5%, giảm mạnh so với mức 33,1% năm 2023.
- Q1.2024, TCB ghi nhận tăng trưởng tín dụng 6,4% với dư nợ 605 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ khách hàng doanh nghiệp (+9,8% YTD, +34% YoY), dư nợ trái phiếu doanh nghiệp 42 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 43 nghìn tỷ đồng cuối năm 2023. Tổng dư nợ khách hàng doanh nghiệp của TCB thời điểm cuối Q1.2024 là 368 nghìn tỷ đồng, trong đó 61% thuộc lĩnh vực BĐS, tín dụng khách hàng cá nhân 233 nghìn tỷ đồng, trong đó 74% là vay mua nhà. TCB đang định hướng mở rộng tín dụng ngoài ngành BĐS nhằm đa dạng hóa nguồn thu, giảm phụ thuộc vào lĩnh vực BĐS, tuy tiến độ còn chậm. Dư nợ ngoài ngành bất động sản của TCB trong Q1.2024 tăng 38,0% YoY.
- Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng.
- Ngày 21/05/2024 giao dịch không hưởng quyền chia cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 15%/cổ phần. Ngày 21/6/2024 là ngày DKCC chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1

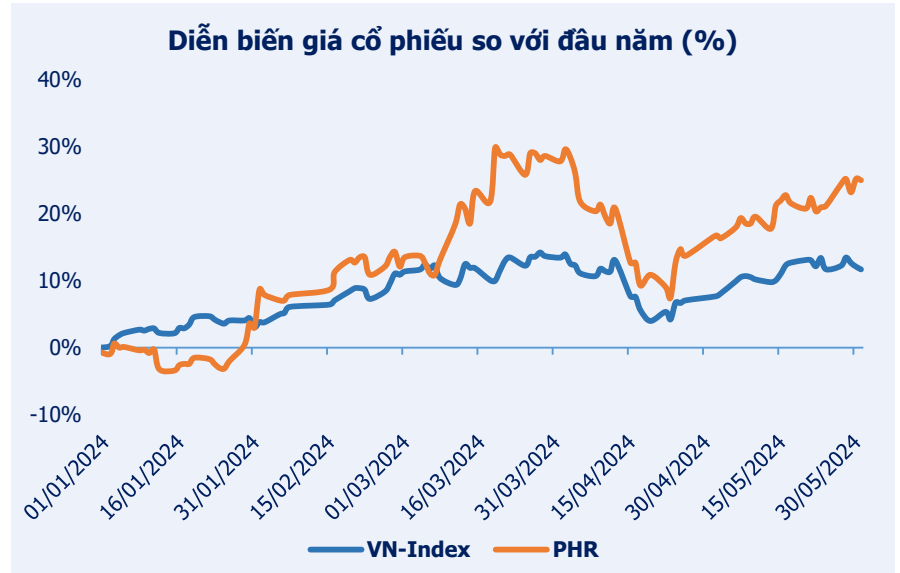


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

		(tỷ đồng)	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>62.100</b>						
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>66.000-68.000</b>						
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>62.200</b>						
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>8.415</b>						
<b>EPS ttm</b>	<b>3.430,20</b>						
<b>BV</b>	<b>27.502,89</b>						
<b>PE trailing</b>	<b>18,10</b>						
<b>PB trailing</b>	<b>2,26</b>						
		<b>Doanh thu</b>	110,76	452,92	461,07	323,36	1.455*
		<b>% yoy</b>	-54,53%	-13,35%	-20,05%	-0,89%	-10%*
		<b>Lãi sau thuế</b>	127,37	144,36	158,48	78,44	245*
		<b>% yoy</b>	128,16%	2,78%	-63,51%	-66,41%	-47%*
		<b>Tổng tài sản</b>	5.989,17	6.049,49	6.160,97	5.989,73	
		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.504,98	3.709,48	3.816,04	3.899,86	
		<b>ROA (%)</b>	14,52	14,48	9,92	7,73	
		<b>ROE (%)</b>	26,21	26,04	19,07	13,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	42,62	32,85	19,11	22,41	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	114,99	31,87	34,37	24,26	



- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu, 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế. Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Quý 1, PHR đã khai thác 1.364 tấn mủ quy khô (11% KH 2024), tiêu thụ 4.423 tấn (13.36% KH2024), giá bán TB đạt 37 triệu đồng/tấn (101,6% KH). Doanh thu đạt 323,4 tỷ đồng (-0,89% YoY), lãi sau thuế 78,4 tỷ đồng (-66,4% YoY), tương ứng 22% và 32% KH năm. Lợi nhuận giảm mạnh so cùng kỳ do năm 2023 PHR ghi nhận tiền đền bù khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.
- Triển vọng: Giá cao su thế giới tăng 43% từ đầu năm nhờ nhu cầu từ Trung Quốc tăng trở lại. Giai đoạn 2021 – 2025 và đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 ở huyện Phú Giáo, 4 ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.
- Đại hội cổ đông năm 2024 của PHR dự kiến được tổ chức vào ngày 28/06/2024.

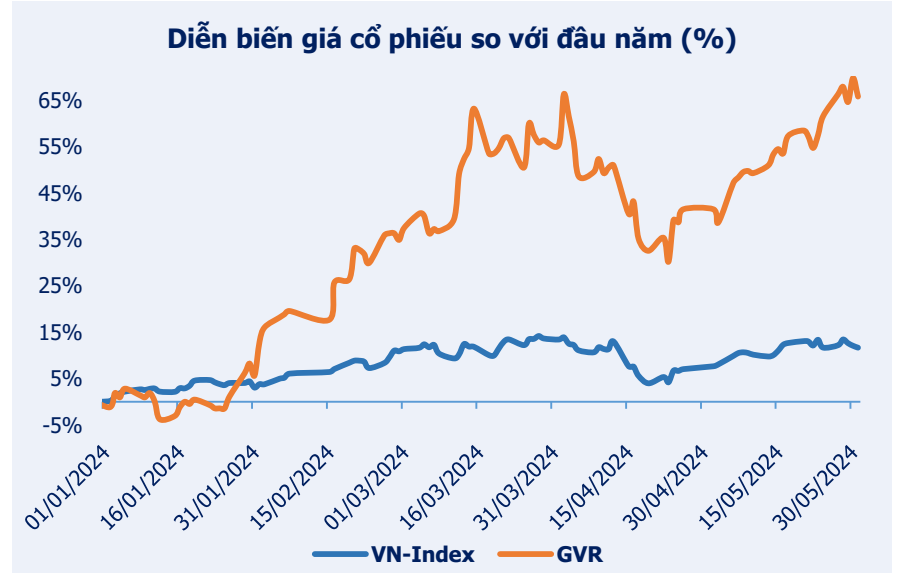




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>35.150</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>36.000-37.000</b>	<b>Doanh thu</b>	4.158,22	6.195,32	7.591,18	4.585,37	24.999
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>36.000</b>	<b>% yoy</b>	-25,24%	5,95%	-15,77%	10,89%	+1,1%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>140.600</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	704,47	493,61	1.416,19	650,03	3.437
<b>EPS ttm</b>	<b>637,13</b>	<b>% yoy</b>	-40,18%	-50,33%	8,03%	-13,98%	+2,03%
<b>BV</b>	<b>12.699,97</b>	<b>Tổng tài sản</b>	76.664,28	77.796,79	78.385,27	76.913,14	
<b>PE trailing</b>	<b>55,17</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	54.174,59	55.290,02	54.853,58	56.018,18	
<b>PB trailing</b>	<b>2,77</b>	<b>ROA (%)</b>	3,67	3,01	3,30	3,35	
		<b>ROE (%)</b>	5,75	4,70	6,83	6,82	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	21,78	19,93	21,12	23,47	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	16,94	7,97	18,66	14,18	



- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đang trình Thủ tướng gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY, =91% KH2023), lợi nhuận sau thuế đạt 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY, =100,2% KH2023). ĐHCĐ của GVR thông qua kế hoạch 2024 với 24.999 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 4.101 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 2% lên 3.437 tỷ đồng, cổ tức 2024 là 3%, cổ tức 2023 là 3%. Lũy kế 4T/2024, doanh thu đạt 6.279 tỷ doanh thu và 900 tỷ lãi sau thuế, tương ứng 25,1% và 26,2% kế hoạch năm. Theo GVR, giá bán cao su TB quý 1/2024 đạt 36,7 triệu đồng/tấn, tăng 12,6% so cùng kỳ năm ngoái.
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thành giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi giúp giá cao su tăng 43% từ đầu năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.
- Đại hội cổ đông năm 2024 của PHR dự kiến được tổ chức vào ngày 17/06/2024.

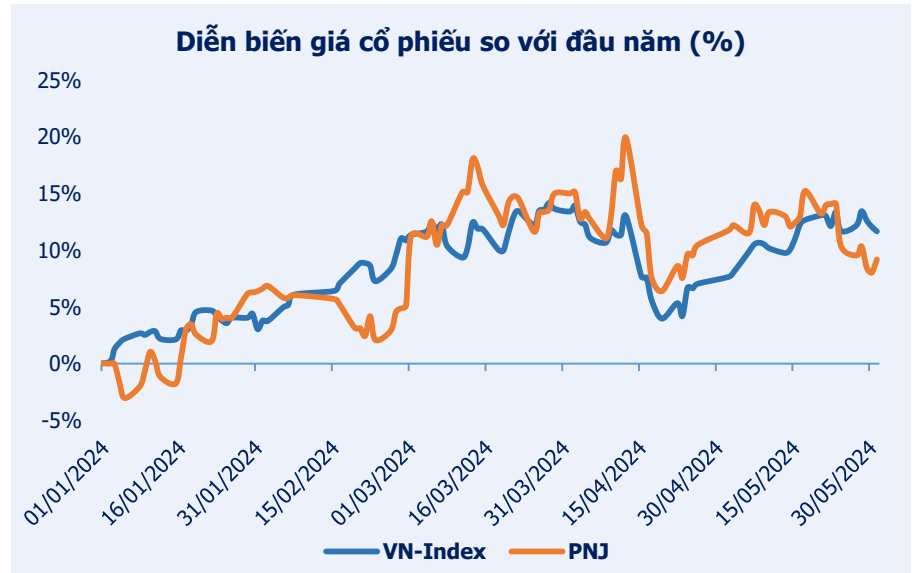


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

		(tỷ đồng)	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>93.900</b>						
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>110.000-115.000</b>						
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>99.100</b>						
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>31.415</b>						
<b>EPS ttm</b>	<b>5.819,86</b>						
<b>BV</b>	<b>31.307,97</b>						
<b>PE trailing</b>	<b>16,13</b>						
<b>PB trailing</b>	<b>3,00</b>						
		<b>Doanh thu</b>	6.663,32	6.917,55	9.760,38	12.593,84	37.147,63
		<b>% yoy</b>	-17,41%	-6,06%	17,57%	28,57%	+12,10%
		<b>Lãi sau thuế</b>	337,59	253,34	631,97	737,81	2.089,20
		<b>% yoy</b>	-8,02%	0,42%	35,49%	-1,44%	+5,99%
		<b>Tổng tài sản</b>	13.492,85	13.055,16	14.429,94	12.968,93	
		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.194,05	9.437,00	9.806,57	10.474,38	
		<b>ROA(%)</b>	13,85	13,71	14,20	14,54	
		<b>ROE (%)</b>	20,46	19,84	21,60	20,16	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	18,15	17,31	17,94	17,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	5,07	3,66	6,47	5,86	



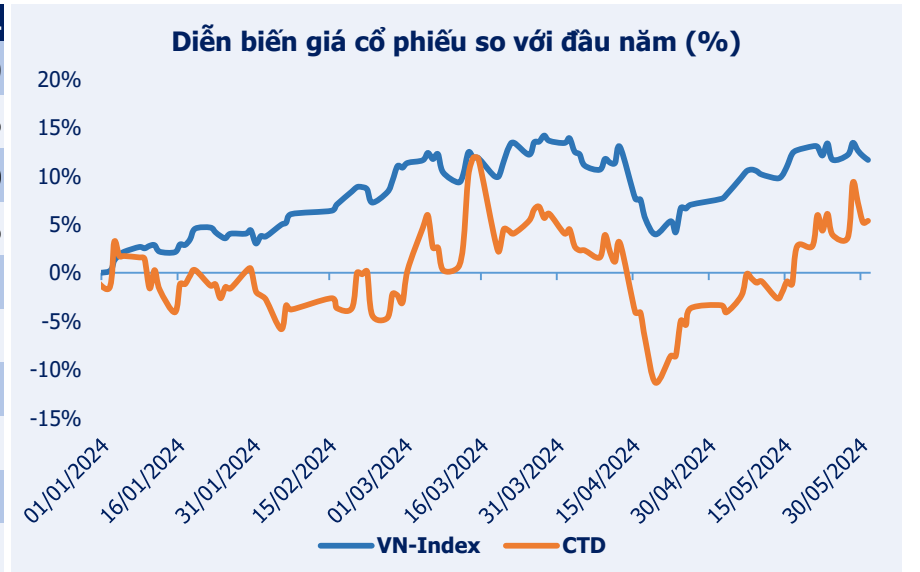
- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Năm 2024, đặt kế hoạch 37.747 tỷ doanh thu (+12,1% YoY), 2089 tỷ lãi sau thuế (+6% YoY), cổ tức 20% bằng tiền.
- Quý 1/2024 đạt 12.594 tỷ đồng doanh thu (+29% QoQ, +28,6% YoY), 737,8 tỷ lãi sau thuế (+16,8% QoQ, -1,4% YoY).. Lũy kế 4 tháng, doanh thu ước 16.049 tỷ đồng (+33% YoY), lãi sau thuế 915 tỷ đồng (+6,5% YoY), tương ứng lần lượt 43,2% và 43,8% kế hoạch năm 2024. Doanh thu vàng miếng 4 tháng tăng mạnh 79,9% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 12,4% YoY, bán buôn tăng 9,3% YoY. Biên lãi gộp trung bình quý I là 17%, giảm so với 19,1% cùng kỳ. Trong 4 tháng đầu năm PNJ mở thêm 7 cửa hàng, đóng 4 cửa hàng, tổng cộng có 403 cửa hàng bao gồm 394 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp, nâng vốn lên trên 3.345 tỷ đồng. Năm 2024 dự kiến phát hành 3,3 triệu cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp.
- Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền tỷ lệ 6%.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>72.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>78.000-81.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.614,68	4.123,96	5.659,93	4.665,85	17.793,00
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>75.200</b>	<b>% yoy</b>	10,18%	32,45%	-9,15%	49,09%	+163,8%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>7.245</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	30,14	66,64	69,09	104,90	274,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.848,30</b>	<b>% yoy</b>	226,46%	1995,85%	266,16%	375,49%	+426,6%
<b>BV</b>	<b>85.251,51</b>	<b>Tổng tài sản</b>	21.375,03	20.550,86	21.651,89	20.932,93	
<b>PE trailing</b>	<b>25,45</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.271,71	8.338,35	8.407,43	8.519,71	
<b>PB trailing</b>	<b>0,85</b>	<b>ROA(%)</b>	0,35	0,68	0,93	1,28	
		<b>ROE (%)</b>	0,82	1,67	2,26	3,23	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	2,79	2,43	2,99	4,73	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	0,83	1,62	1,22	2,25	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Trong Quý 2/2024 niên độ tài chính 2023-2024 (từ 1/10/2023 – 31/12/2023). CTD ghi nhận doanh thu 5.660 tỷ đồng (-9,0% YoY), lợi nhuận sau thuế 69,1 tỷ đồng, gấp 3,67 lần cùng kỳ, mức cao nhất trong 11 quý. Lũy kế bán niên 2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. Quý I năm 2024 ghi nhận 4.666 doanh thu (+49% YoY) và 105 tỷ lãi sau thuế (+380% YoY), 9 tháng niên độ tài chính đạt 14.450 tỷ doanh thu (+16% YoY) và lãi sau thuế 241 tỷ đồng (+540% YoY), tương ứng 81% và 88% KH năm.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20% (tổng lượng backlog có giá trị 24,000 tỷ VNĐ tính đến hết năm 2023); Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida.

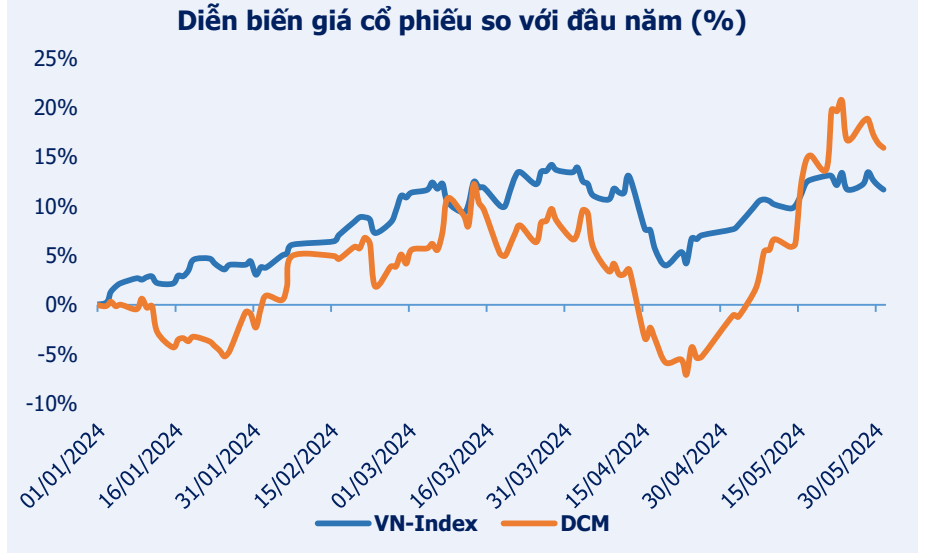


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>37.550</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>41.000-43.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.290,95	3.010,59	3.565,57	2.744,04	11.878
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>39.100</b>	<b>% yoy</b>	-19,41%	-8,97%	-20,03%	0,34%	-5,73%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.879</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	312,72	74,13	491,81	349,60	795
<b>EPS ttm</b>	<b>2.016,49</b>	<b>% yoy</b>	-69,34%	-89,86%	-51,01%	52,21%	-28,24%
<b>BV</b>	<b>19.380,61</b>	<b>Tổng tài sản</b>	15.599,07	14.714,82	15.277,98	15.743,58	
<b>PE trailing</b>	<b>18,62</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	11.102,25	9.568,08	9.993,19	10.290,89	
<b>PB trailing</b>	<b>1,94</b>	<b>ROA(%)</b>	15,70	10,93	7,54	7,98	
		<b>ROE (%)</b>	21,53	15,38	10,82	11,99	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	11,25	5,89	24,28	25,86	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,50	2,46	13,79	12,74	



- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại cuối năm 2023 đạt 10.526 tỷ đồng, tương ứng 69% tổng tài sản và 2 lần nợ phải trả. Nợ vay là 847 tỷ đồng và tương đương 8,4% vốn chủ sở hữu. Quý I năm 2024, ghi nhận 2.744 tỷ đồng doanh thu (+0,34% YoY), 349 tỷ lãi sau thuế (+52,2% YoY), tương ứng 23% và 43,8% kế hoạch năm. Lũy kế 4 tháng 2024, DCM sản xuất 332.700 tấn ure (37% KH năm), 60.330 tấn NPK (33% KH năm), tiêu thụ 324.820 tấn ure (33% KH năm), xuất khẩu 150.660 tấn (66%KH), tiêu thụ 8.420 tấn NPK (4,6% KH). Kế hoạch tháng 5/2024, DCM mục tiêu sản xuất 80.790 tấn ure, giảm 2% MoM, 24.750 tấn NPK (gấp 2 lần MoM).
- DCM dự kiến thực hiện Dự án nhà máy tại KCN Long Mỹ, TP Quy Nhơn, xây dựng từ Quý I/2024 và hoạt động Quý I/2025, diện tích hơn 29.755 m<sup>2</sup>, vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất, phối trộn phân bón NPK+TE (khoảng 50.000 tấn/năm); đóng gói các loại phân bón (khoảng 50.000 tấn/năm); lưu trữ, kinh doanh phân bón, NVL sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm.
- Triển vọng: Giá phân bón thế giới dự báo ổn định và có thể tăng nhẹ trong năm 2024 do nguồn cung vẫn bị hạn chế; DCM hết khấu hao nhà máy từ quý 4/2023.
- DCM vừa ký kết hợp tác với Wuhuan Engineering Co.,Ltd - một trong những công ty kỹ thuật hóa đầu lớn nhất Trung Quốc, nhằm: nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm; nghiên cứu nâng công suất Nhà máy Đạm Cà Mau; hợp tác để Đạm Cà Mau cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, vận hành cho các dự án mới của Wuhuan.
- Hoàn thành mua 100% vốn góp công ty Phân bón Hàn - Việt (360.000 tấn NPK/năm).

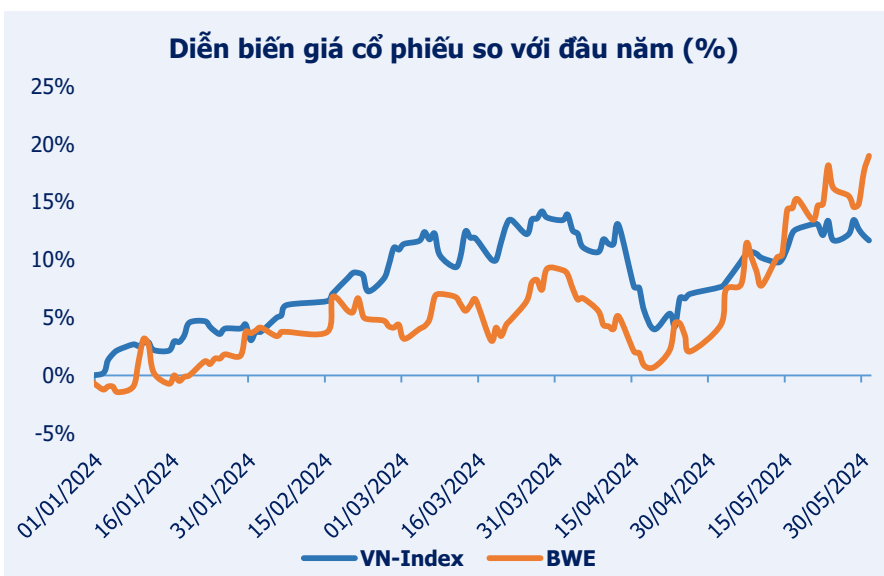


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>43.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>50.000-51.000</b>	<b>Doanh thu</b>	876,88	840,49	1.127,89	791,70	4.100,00
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>43.000</b>	<b>% yoy</b>	3,52%	-2,28%	8,11%	16,32%	+16,28%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>9.457</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	209,96	178,09	150,66	179,72	700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.690,07</b>	<b>% yoy</b>	3,40%	-9,43%	-11,56%	27,71%	+2,64%
<b>BV</b>	<b>22.172,84</b>	<b>Tổng tài sản</b>	11.052,64	11.335,08	12.108,12	11.980,28	
<b>PE trailing</b>	<b>15,98</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.611,23	4.806,94	4.957,38	5.028,11	
<b>PB trailing</b>	<b>1,94</b>	<b>ROA(%)</b>	7,01	6,55	6,10	6,11	
		<b>ROE (%)</b>	16,26	15,53	14,67	15,10	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	43,64	43,64	42,50	49,54	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	23,94	21,19	13,36	22,70	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m<sup>3</sup>/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%. Năm 2024, BWE đặt kế hoạch doanh thu 4.100 tỷ đồng (+3,1% YoY), lãi sau thuế tối thiểu 700 tỷ đồng (+16,5% YoY), cổ tức tiền mặt tối thiểu 13%. Đối với lĩnh vực cấp nước, tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án giá nước sạch; đầu tư nâng cấp công suất nhà máy nước Nhị Thành thêm 60.000 m<sup>3</sup>/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m<sup>3</sup>/ngày ...Quý I đạt 792 tỷ doanh thu (+16,3% YoY) và 180 tỷ lãi sau thuế (+27,7% YoY), tương ứng 19,3% và 25,7% kế hoạch năm.
- Triển vọng: Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3%-5%/năm từ năm 2024. Doanh thu xử lý chất thải tăng nhờ mức giá cao hơn (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất; BWE dự kiến hoàn thành xây dựng dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 (tổng công suất 840 tấn/ngày) và lò đốt rác (tổng công suất 200 tấn/ngày) trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ecorbit Co., Ltd (Hàn Quốc) thông báo hoàn tất bán ra 12.000.000 cổ phiếu BWE (6,22% vốn), chính thức không còn cổ đông lớn tại BWE. Ngày 17/05/2024 BWE trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 14%.

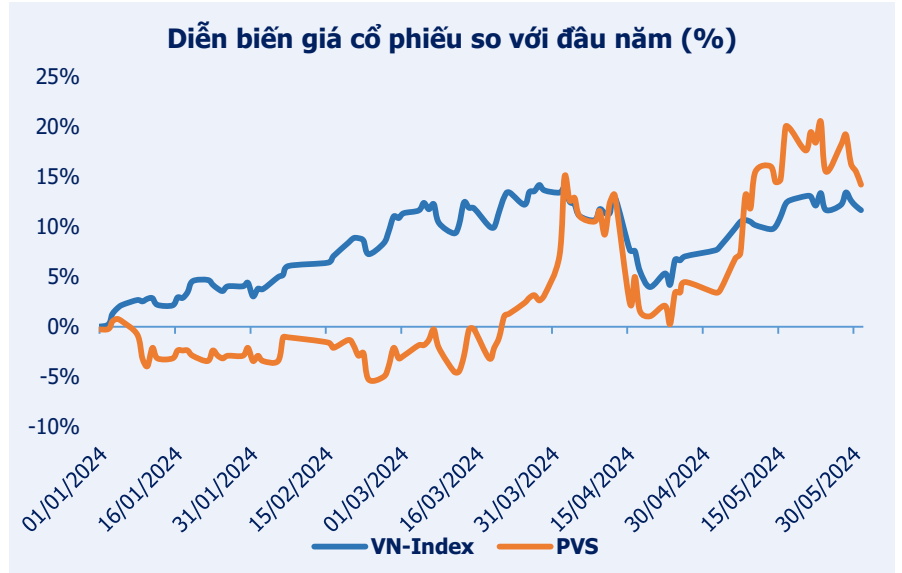


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>43.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PKTK</b>	<b>45.000-46.000</b>	<b>Doanh thu</b>	4.711,86	4.175,55	6.758,31	3.709,59	15.500
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>45.800</b>	<b>% yoy</b>	23,67%	19,22%	27,89%	0,16%	-20%
<b>Vốn hóa</b>	<b>20.744</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	235,10	143,56	293,24	304,74	660
<b>EPS ttm</b>	<b>2.327,21</b>	<b>% yoy</b>	2177,86%	-25,62%	-45,89%	33,94%	-26,5%
<b>BV</b>	<b>27.675,23</b>	<b>Tổng tài sản</b>	27.057,18	28.564,17	26.401,14	25.468,21	
<b>PE trailing</b>	<b>18,65</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	13.132,66	13.399,46	13.383,63	13.935,60	
<b>PB trailing</b>	<b>1,57</b>	<b>ROA(%)</b>	3,60	3,30	3,92	3,54	
		<b>ROE (%)</b>	7,60	7,11	8,43	7,46	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	3,98	4,33	5,57	6,97	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	4,99	3,44	4,34	8,21	



- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả. Năm 2024 đặt kế hoạch 15.500 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY), 660 tỷ đồng lãi sau thuế (-26,5% YoY), cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%, cổ tức 2024 dự kiến 7% bằng tiền. Quý I đạt 3.709 tỷ đồng doanh thu (+0,16% YoY) và 305 tỷ đồng lãi sau thuế (+33,9% YoY) tương ứng 23,9% KH doanh thu và 46,2% KH lợi nhuận năm
- PVS đang thực hiện chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan, hợp đồng thiết kế, chế tạo và chạy thử 9 trạm biến áp ngoài khơi bàn giao 2024-2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi tại Đà Loan và Ba Lan, tổng giá trị 1,5 tỷ USD.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã ký hợp đồng gói thầu EPCI#1 (giá trị phần của PVS là 492,7 triệu USD). PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của gói thầu EPCI#2 (giá trị 300 triệu USD), trúng thầu Thiết kế dự án Đường ống (6.243 tỷ đồng) và đang tham gia đấu thầu các hợp đồng khác. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào đầu quý 2/2024.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: PVS đã được trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.

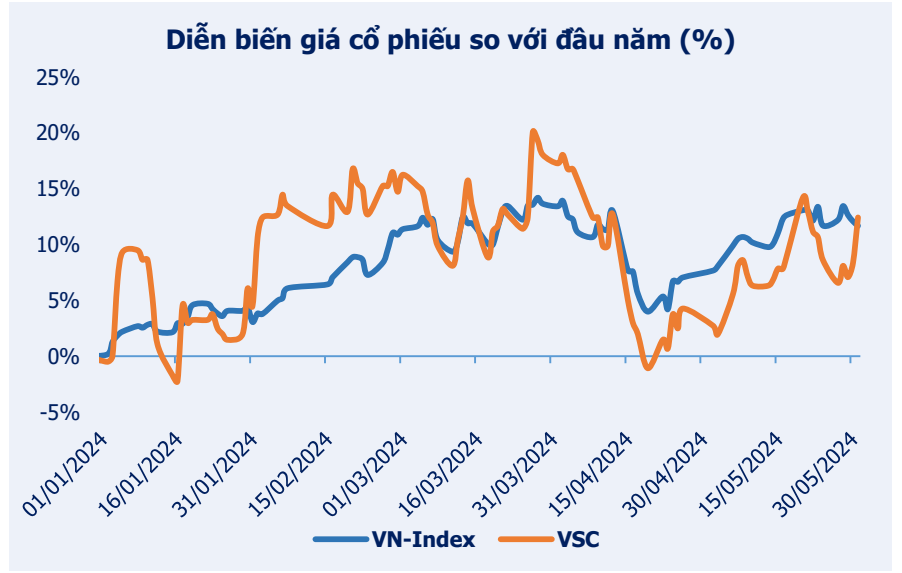


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4-2024

## CTCP Container Việt Nam(HOSE – VSC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>20.050</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>26.500-27.500</b>	<b>Doanh thu</b>	534,60	557,21	625,86	586,42	2.450
<b>Giá cao nhất tháng 5</b>	<b>22.400</b>	<b>% yoy</b>	4,50%	9,83%	20,39%	26,58%	+11,5%
<b>Vốn hóa</b>	<b>5.883</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	34,28	50,15	74,27	69,96	320
<b>EPS ttm</b>	<b>707,52</b>	<b>% yoy</b>	-69,74%	-50,11%	1,44%	63,34%	+20,8%
<b>BV</b>	<b>14.697,73</b>	<b>Tổng tài sản</b>	5.140,76	5.171,27	5.186,55	5.334,07	
<b>PE trailing</b>	<b>31,17</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.173,98	3.222,73	3.296,82	3.336,80	
<b>PB trailing</b>	<b>1,50</b>	<b>ROA(%)</b>	4,18	2,82	2,64	2,59	
		<b>ROE (%)</b>	6,58	4,86	7,10	7,01	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	27,83	32,08	30,40	34,75	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	6,41	9,00	11,87	11,93	



- Ngày 29/03/2024 VSC đã hoàn tất tăng vốn tỷ lệ 1:1, giá phát hành 10.000 đồng. Viconship dùng 1.320 tỷ để nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% (nâng sở hữu từ 35% lên tối đa 79%) vốn điều lệ tại Cảng Nam Hải Đình Vũ, với giá 75.000 đồng/cổ phiếu. Việc sở hữu cảng Nam Hải Đình Vũ giúp VSC trở thành doanh nghiệp cảng lớn nhất tại Hải Phòng hiện nay, với tổng công suất khoảng 2,6 triệu TEU và chiếm 30% thị phần. Ngày 30/05/2024 niêm yết bổ sung thêm 133,4 triệu cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu.
- Trong tháng 5/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 66,62 tỷ USD, tăng 9,1% so với tháng trước và tăng 22,6% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu tháng 5/2024 ước đạt 32,81 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 15,8% so với cùng kỳ. Năm tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 156,77 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu tháng 5/2024 ước đạt 33,81 tỷ USD, tăng 12,8% so với tháng trước và tăng 29,9% so với cùng kỳ. Năm tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 148,76 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ.
- Năm 2024, VSC đặt Kế hoạch doanh thu đạt 2.450,00 tỷ đồng (+11,5% YoY), lãi sau thuế 320,00 tỷ đồng (+20,8% YoY). Quý I năm 2024 đạt 576,42 tỷ doanh thu (+26,58% YoY), 69,96 tỷ lãi sau thuế (+63,34% YoY), tương ứng 23,9% KH doanh thu và 21,8% KH lợi nhuận năm. Luỹ kế 4 tháng đầu năm, Viconship ước doanh thu đạt hơn 804 tỷ đồng (+24% YoY), EBIT hơn 201,4 tỷ đồng (+56% YoY) và lợi nhuận trước thuế gần 125,6 tỷ đồng (+54% YoY).
- Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



# DISCLAIMERS

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Lê Thu Huyền**  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Nhật Ánh**  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda.*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)





Biến cơ hội thành giá trị

# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách:** Ngô Thế Hiển  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm:** Phan Tấn Nhật  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm:** Đoàn Thị Ánh Nguyệt  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên:** Trần Hồng Mây  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên:** Lê Thu Huyền  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

**Chuyên viên:** Vũ Nhật Ánh  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda.*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)